VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt)
PHẠM HỒNG TUNG (Tổng Chủ biên cấp THPT kiêm Chủ biên)
TRƯƠNG THỊ BÍCH HẠNH - VŨ THỊ PHỤNG

[`&CJ®BEIJ nE00
VE1@0008000

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
LỊCH SỬ

10

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt)
PHẠM HỒNG TUNG (Tổng Chủ biên cấp THPT kiêm Chủ biên)
TRƯƠNG THỊ BÍCH HẠNH - VŨ THỊ PHỤNG

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

ũâl 0000 Õ0ŨQ

SÁCH GIÁO VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

HS	học sinh
GV	giáo viên
SGK	sách giáo khoa
SGV	sách giáo viên
CTGDPT	Chương trình Giáo dục phổ thông
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Chuyên đề học tập Lịch sử 10 là cuốn sách dùng cho các thầy cô giáo dạy
sách *Chuyên đề học tập Lịch sử 10* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống), được biên soạn theo CTGDPT năm 2018 theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Với định hướng này, các tác giả nhấn mạnh kiến thức trong SGK không chỉ giúp HS ghi nhớ và hiểu về các nội dung thuộc chuyên đề, mà còn đem đến những nội dung thú vị, giúp các em khám phá kiến thức và tự tìm lời giải đáp cho những câu hỏi đặt ra, đồng thời là "chất liệu" quan trọng hướng đến mục tiêu của giáo dục là giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực mà các em cần có trong cuộc sống.

Sách giáo viên Chuyên đề học tập Lịch sử 1V giới thiệu và hướng dẫn GV triển khai một số phương án tổ chức dav hoc các chuvên đê' trong SGK *Lịchsửi Lị' Lịic Lập Lịch sử 10* để đạt mục tiêu dạy học đượ(’Ong c'

Nội dung cuốn s

Phần một: Hưới

Phần này giúp G Dạn của SGK *Chuyên đề học tập Lịch sử* lớ (b những điểm đổi mới, nổi bật của cuốn SGK n

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các chuyên đê cụ thể.

Phần này đưa ra gợi V C[11 +]hể vê' "ch tổ chức các h^Ịt động dạy học trong từng chuyên đề. Để thuận lợi ch ■ n 1 c í .)C *h* có gợi *h* phương án phân
chia nội dung cho từng tiết ho^ ^n.hie[n] t m^tư^c *cóc* tuầy cô giáo có thể chủ động điều chỉnh, thay đổi sao cho pj L V . , - LC điểm và điều kiện dạy học
ở từng địa phương để HS hứng thú hơn với môn học. *uyên giáo uiền Chuyên đề học tập Lịch sử 10* được biên soạn với mong muốn sẽ trở thành hành trang đồng hành cùng các thầy cô giáo trong quá trình dạy môn học.

Mặc dù các tác giả đã rất tâm huyết và nỗ lực, nhưng trong nội dung biên soạn khó tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi mong nhận được sự góp ý của các quý thầy cô giáo để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

CÁC TÁC GIẢ

MUC LUC

Trang

PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG **5**

I. Mục tiêu môn học 5

II. Giới thiệu chung về sách chuyên đề học tập lịch sử 6

1. Quan điểm biên soạn sách 6
2. Những điểm mới nổi bật của cuốn sách Chuyên đề học tập Lịch sử 10 7
3. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học 8

PHẦN HAI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ cụ THỂ **12**

CHUYÊN ĐỀ 1. CÁC LĨNH vực CỦA sử HỌC 12

I. Mục tiêu... 12
II. Thiết bid 12
III. Một soil. 13
IV. Gợi ýtổci 13

CHUYÊN ĐỀ 2. BÁC . VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM 30

I. Mục tiêu . 30
II. Thiết bị dạy học V h ... 30
III. Một số lưu ý về nội đung vã phƯGug pháp 31
IV. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy - học chủ yếu 31
V. Tư liệu - thông tin bổ sung 48

CHUYÊN ĐỀ 3. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ ...50

I. Mục tiêu 50
II. Thiết bị dạy học và học liệu 50
III. Một số lưu ý về nội dung và phương pháp 51
IV. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy - học chủ yếu 51
V. Tư liệu - thông tin bổ sung 71

MỤC TIÊU MÔN HỌC

PHẦN MỘT HƯỚNG DẪN CHUNG

I Lịch sử 10 là môn học thuộc nhóm Khoa học xã hội, được lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp ở cấp THPT.

Môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, giúp HS nhận thức và vận dụng được các bài học lịch sử giải quyết những vấn đê' của thực tê' cuộc sống, phát triển tầm nhìn, củng cố các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng, lòng khoan dung, nhân ái; góp phần hình thành, phát triển những phẩr *on x* A - dân Việt Nam A - - 'ầu trong xu thế phát triển của thời đại.

Chương trình mô h n nê'n tảng kiến thức cơ bản và nâng cao vê' hệ thống các chuyên đề về lịch sử chính trị, J sử có các thành phần là: tìm hiểu lịch sử; nhậ lăng đã học. Các biểu hiện cụ thể của năng lự.

Thành phần năng lực	Biểu hiện
TÌM HIỂU LỊCH SỬ	- Nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử; hiểu được nội dung, khai thác và sử dụng được tư liệu lịch sử trong quá trình học tập. - Tái hiện và trình bày được dưới hình thức nói hoặc viết diễn trình của các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử từ đon giản đến phức tạp; xác định được các sự kiện lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể.
NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY LỊCH SỬ	- Giải thích được nguồn gốc, sự vận động của các sự kiện lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; chỉ ra được quá trình phát triển của lịch sử theo lịch đại và đồng đại; so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa các sự kiện lịch sử, lí giải được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử. - Đưa ra được những ý kiến nhận xét, đánh giá của cá nhân về các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử trên cơ sở nhận thức và tư duy lịch sử; hiểu được sự tiếp nối và thay đổi của lịch sử; biết suy nghĩ theo những chiều hướng khác nhau khi xem xét, đánh giá, hay đi tìm câu trả lời về một sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử.

VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC	Rút ra được bài học lịch sử và vận dụng được kiến thức lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống; trên nền tảng đó, có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lí thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

Môn Lịch sử ở cấp THPT giúp HS phát triển năng lực lịch sử, biểu hiện của năng lực khoa học đã được hình thành ở cấp THCS; góp phần giáo dục tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, các phẩm chất, năng lực của người công dân Việt Nam, công dân toàn cầu phù hợp với xu thế phát triển của thời đại; giúp HS tiếp cận và nhận thức rõ vai trò, đặc điểm của khoa học lịch sử cũng như sự kết nối giữa Sử học với các lĩnh vực khoa học và ngành nghề khác, tạo cơ sở để HS định hướng nghê' nghiệp trong tương lai.

Bên cạnh nội dung giáo dục cốt lõi, trong mỗi năm học, những HS có thiên hướng khoa học xã hội và nhân V™ ^oc một số chuvP[1'1 1]— ■ ' [A/r]ục tiêu của các chuyên đề này là:

- Mở rộng, nânị Ị’ :ầu phân hoá sâu ở cấp THPT.
- Giúp HS hiểu I , những ngành nghề có liên quan đến lịch sử *g* cũng như có đủ năng lực để giải quyết nhữr ự học lịch sử suốt đời.
- Tăng cường hoại triển tình yêu, sự say mê, ham thích tìm hiểu lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử thế giới.

II GIỚI THIỆU SÁC 1 £ : \ I '1! CTẬPLỊCH SỬ 10

1. Quan điểm biên soạn

Bộ SGK này được biên soạn đáp ứng các yêu cầu chung đối với SGK mới:

- Tuân thủ định hướng đổi mới giáo dục phổ thông với trọng tâm là chuyển nền giáo dục từ chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp HS hình thành, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.
- Bám sát các tiêu chuẩn SGK mới theo 'Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2017. Tư tưởng chủ đạo, xuyên suốt trong SGK các môn học và hoạt động giáo dục của bộ sách này là theo mô hình phát triển phẩm chất và năng lực của người học, nhưng không xem nhẹ vai trò của kiến thức. Kiến thức trong SGK không chỉ cần hiểu và ghi nhớ, mà phải là "chất liệu" quan trọng hướng đến mục tiêu giáo dục là giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực mà các em cần có trong cuộc sống hiện tại và tương lai.

Theo cách tiếp cận đó, kiến thức được đưa vào sách bảo đảm: 1) phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và trải nghiệm của người học; 2) phản ánh những vấn đề của cuộc sống, trong đó chú ý cập nhật những thành tựu của khoa học và công nghệ, phù hợp nền tảng văn hoá và

thực tiễn Việt Nam; 3) giúp người học vận dụng để giải quyết những vấn đề của cuộc sống từ các cấp độ và phương diện khác nhau: cá nhân và xã hội, tinh thần (đạo đức, giá trị nhân văn) và vật chất (kĩ năng, nghề nghiệp),.

Các yêu cầu này vừa liên quan đến việc lựa chọn, sắp xếp các kiến thức nói riêng và nội dung giáo dục nói chung, vừa liên quan đến phương pháp tổ chức hoạt động trên cơ sở nội dung giáo dục đã được lựa chọn. Theo đó, các nội dung giáo dục được chọn lọc theo hướng bám sát yêu cầu cần đạt của CTGDPT 2018, được tinh giản ở mức hợp lí, được sắp xếp theo hướng tăng cường sự kết nối giữa các lớp, các cấp học trong một môn học và hoạt động giáo dục, tính tích hợp giữa các môn học. Các nội dung, yêu cầu được phân hoá phù hợp với những đối tượng HS khác nhau cũng được chú trọng.

Đặc biệt, hỗ trợ GV đổi mới hiệu quả phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục cũng là một vấn đê' được lưu tâm hàng đầu của bộ sách. Nội dung các chủ đề, chuyên đề trong mỗi cuốn sách của tất cả các môn học và hoạt động giáo dục đều được kết cấu, thiết kế gồm hệ thống các hoạt động hoặc những gợi ý để GV tổ chức các hoạt động dạy học cho HS một cách sáng tạo, [1] ộ " dối tượng H[c A] ' '-.oạt động đa dạng, có tác dụng kích thích tín ' CIÌ' HS hình thành, phát triển các phẩm chất Vi ng môn học và hoạt động giáo dục. Ngoài 1 h giá kết quả học tập của HS phù hợp với đị

2. Những điểm n pLich sử 10

- Trong chương trìn dược học theo thông sử (lịch sử thế giới và lịch sử V1CI.... . , . , v/. VớiCTGDPT 2018, lần đầu tiên ở bậc THPT, HS được tiến '■ân với '■"ốn SGK viết theo '■huyên để (3 chuyên đề). Mỗi chuyên đề là một vấn để chi *v v* u ; . s ■; N r nâng cao và mở rộng kiến thức thông sử mà HS đã được cấn T[1] n'" Mỗi '-h d[ồ] lại được chia thành các mục lớn để' giải quyết một hoặc hai khía cạnh nội dung của chuyên để.

- Cuốn sách đặc biệt chú trọng đến việc phát triển năng lực của HS thông qua việc đưa ra câu hỏi, bài tập dẫn dắt, gợi ý HS tự tìm hiểu, nghiên cứu và tìm ra kiến thức mới trong nội dung của bài học.

- Chú trọng tích hợp nội môn và tích hợp liên môn. Việc tích hợp nội dung kiến thức, phương pháp với các môn học, lĩnh vực khác: Địa lí, Văn học,... thể hiện ngay trong nội dung của từng bài học.

- Với các câu hỏi, bài tập vận dụng trong nội dung bài học và cuối mỗi bài học, cuốn sách giúp HS có thể kết nối những nội dung lịch sử vừa được học, được tìm hiểu với cuộc sống, để giải quyết những tình huống thực tế trong cuộc sống. Khi đó, mỗi bài học, mỗi kiến thức lịch sử vừa được lĩnh hội thực sự trở nên sống động, gần gũi và có ý nghĩa thực tiễn hơn.

- Nội dung lịch sử trong mỗi bài học không chỉ được trình bày bằng những đoạn chữ viết mà còn được thể hiện bằng kênh hình sinh động, hấp dẫn như: lược đồ, sơ đồ, bảng, hình ảnh,... Kênh chữ và kênh hình được tính toán để thiết kế một cách hài hoà, cân đối, kênh hình không chỉ là minh hoạ mà chính là nội dung. Hình ảnh được lựa chọn một cách

cẩn trọng, đảm bảo tiêu chí về tính giáo dục, tính thẩm mĩ, tính nhân văn, giúp cho HS quan sát và khai thác thông tin một cách dễ dàng. HS không nhất thiết chỉ đọc, tiếp nhận một cách thụ động những kiến thức được đưa ra mà có thể tự mình làm việc với các tư liệu để rút ra những kiến thức mới xoay quanh nội dung của bài học. Điều đó không chỉ giúp HS phát triển tất cả các kĩ năng (quan sát, tính toán, đặt giả thiết, suy luận,...) mà cũng tạo điều kiện cho GV có thể áp dụng rất nhiều phương pháp dạy học tích cực trong quá trình hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung bài học. Ngoài nội dung chính được thiết kế ở tuyến chính, tuyến phụ (*Em có biết?, Kết nối với...*) cũng rất được chú trọng (được thiết kế bên lề ngoài của trang sách), là những kiến thức mở rộng để HS hiểu sâu hơn về nội dung lịch sử được trình bày trong tuyến chính hoặc gợi mở để HS tiếp tục tìm hiểu.

- Nội dung và hình thức của sách chú trọng đến khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi của HS lớp 10. Các câu hỏi, tình huống đưa ra trong mỗi bài học có tính mở, kích thích sự tò mò, mong muốn tự tìm hiểu, tự khám phá lịch sử của HS. Một số bài tập ở mức độ vận dụng tạo điều kiện cho HS có thể phát triển những năng lực đã được hình thành ở cấp TF^rQ biốn' dược quan điểm '-k hiểu biết của cá nhân đối với các vấn để lị dặt r- nan đến nội dung của chuyên đề.

- Nội dung của kiện tốt nhất cho GV có thể dễ dàng hướ n hiểu. Hệ thống câu hỏi, bài tập được đư lể áp dụng rất đa dạng phương pháp, hình t- neo cặp, nhóm/tổ. Việc phân chia các chuyên u p GV có thể dễ dàng tham khảo để xây dựng kế hoạch Oạ7 nyv myi. vavn vuu mui tioạt tuỳ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương và d^Al'J -"g 1 i<- "di nt,«ra pwi r-Á *-(Sn kiện, GV có thể kết hợp sử dụng nhiều thiết bị dạy h f đ í r t 1 1 *u* c . nhưng nếu không có sự hỗ trợ của những thiết bị đó, *vẽ* '• G'n '"""'b'- *'Ọc mục tiêu bài học cả về kiến thức, năng lực và phẩm chấ.

- Khi tiến hành biên soạn cuốn sách, nhóm tác giả cũng quán triệt cách tiếp cận học để thực hành và thực hành để học; học qua trải nghiệm và trải nghiệm để học. Vì vậy, trong nội dung của mỗi chuyên đề, các tác giả cũng đưa ra những gợi ý vê' các hình thức để tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử: trên lớp, bảo tàng, nhà trưng bày; hay tổ chức các câu lạc bộ lịch sử, hình thức sân khấu hoá tại lớp, trường cũng là những hình thức học tập lịch sử sinh động, hấp dẫn và đạt hiệu quả cao.

3. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học

a) Cấu trúc cuốn sách

Cuốn sách *Chuyên đề học tập Lịch sử 10* gồm 3 chuyên đề (phân phối trong 35 tiết học). Cấu trúc cuốn sách gồm:

CHUYÊN ĐỀ 1. CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC

I. Thông sử và lịch sử theo lĩnh vực

II. Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam

CHUYÊN ĐỀ 2. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM

I. Di sản văn hoá

II. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá

III. Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở Việt Nam

CHUYÊN ĐỀ 3. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ

I. Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)

II. Nhà nước Việt Nam từ năm 1945 đến nay

III. Một số bản hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay

b) Cấu trúc bài học

Theo CTGDPT 2018, cấp THPT, *Chuyên đề học tập Lịch sử lớp 10* bao gồm mạch nội dung kiến thức được sắp xếp theo trình tự: định hướng nghề nghiệp, hoạt động trải nghiệm thực tế và nâng cao kiến thức.

Cuốn sách gồm 3 chuyên đề, mỗi chuyên để được cấu trúc thành 2-3 mục tuỳ yêu cầu cần đạt trong Chương trình. Sách *Chuyên đê học tập uịch sử 10* cũng không quy định cứng số tiết cho mỗi mục. Điều '' ■ - ,1>O sợ sáng t,, các cơ sở giáo dục và GV trong việc xây dựn hc íổng và đặc điểm HS.

Cấu trúc mỗi mụ được thiết kế thống nhất, bám sát yêu cầu (rv tổ chức hoạt động học tập của HS để lĩnl ịóp phần hình thành những năng lực đặc th a trúc chuyên đề bao gồm những phần sau:

Mở đầu: Mục tiêu c. động này là giúp HS kết nối được vốn hiểu biết, trải nghiệm đi X . HS với những nội dung, kĩ năng mà HS sẽ được tìm hiểu trong ch đề mới; hoặc là những gợi ý, định hướng về nội dung của chuyên đề mới, qua đó gợi sự tò mò, kích thích mong muốn tìm hiểu của HS. Đồng thời, hoạt động này góp phần tạo không khí hào hứng trước khi bắt đầu buổi học, thu hút sự chú ý, tập trung của HS. Dựa trên gợi ý của SGK, GV hoàn toàn có thể lựa chọn những hình thức, phương pháp để phần khởi động vào bài mới được hấp dẫn, sinh động mà vẫn đảm bảo thực hiện được mục tiêu của hoạt động này.

Nhìng liùih ành bên ch thảy sự khác biệt Bong hoạ động sản mắt theO' truyề thÊng vá hiện đại ó Việt Nam Sự kháo biệt dú có thể đượ tiệ biện bàiig nhiều hình thứ khác nhan

Tương tự như vậy, lịch sử dần tộc, lịch sử thế giới cùng c thể được trình bày dưới nhiều hình thức. Vày đói tượng phạm vi, nội dung cơ bản cù mỗi hình thúc đó là gì? Em c thé vịn dụng những cách thú nào *àể* truth bày một sản phẩm nghiên cứu lịch sử của mình?-.



Hình 1. Canh tác lúa nước truyền thống ở Yên Bái



Hilh 2. Sản xuất trong một nhà máy ổ Khu công nghệ cao Hoà Lạc (Hà Nội)

Hình thành kiến thức mới: Phần này là chất liệu chính để GV tổ chức các hoạt động học tập cho HS, bao gồm những đoạn dẫn dắt, giới thiệu, cung cấp thông tin của tác giả viết SGK, hoặc những đoạn tư liệu trích dẫn từ những nguồn tư liệu khác nhau và các hình ảnh. Cuối mỗi mục đều có các câu hỏi giúp GV định hướng hoạt động tìm hiểu của HS. Ngoài phần nội dung chính (tuyến chính) được thiết kế chiếm phần lớn diện tích của các trang sách, còn có tuyến phụ (*Em có biết?, Kết nối...)* là những kiến thức mở rộng, nâng cao hoặc tích hợp với những môn học khác, hoặc chỉ dẫn nguồn tư liệu để HS có thể tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu sâu thêm.

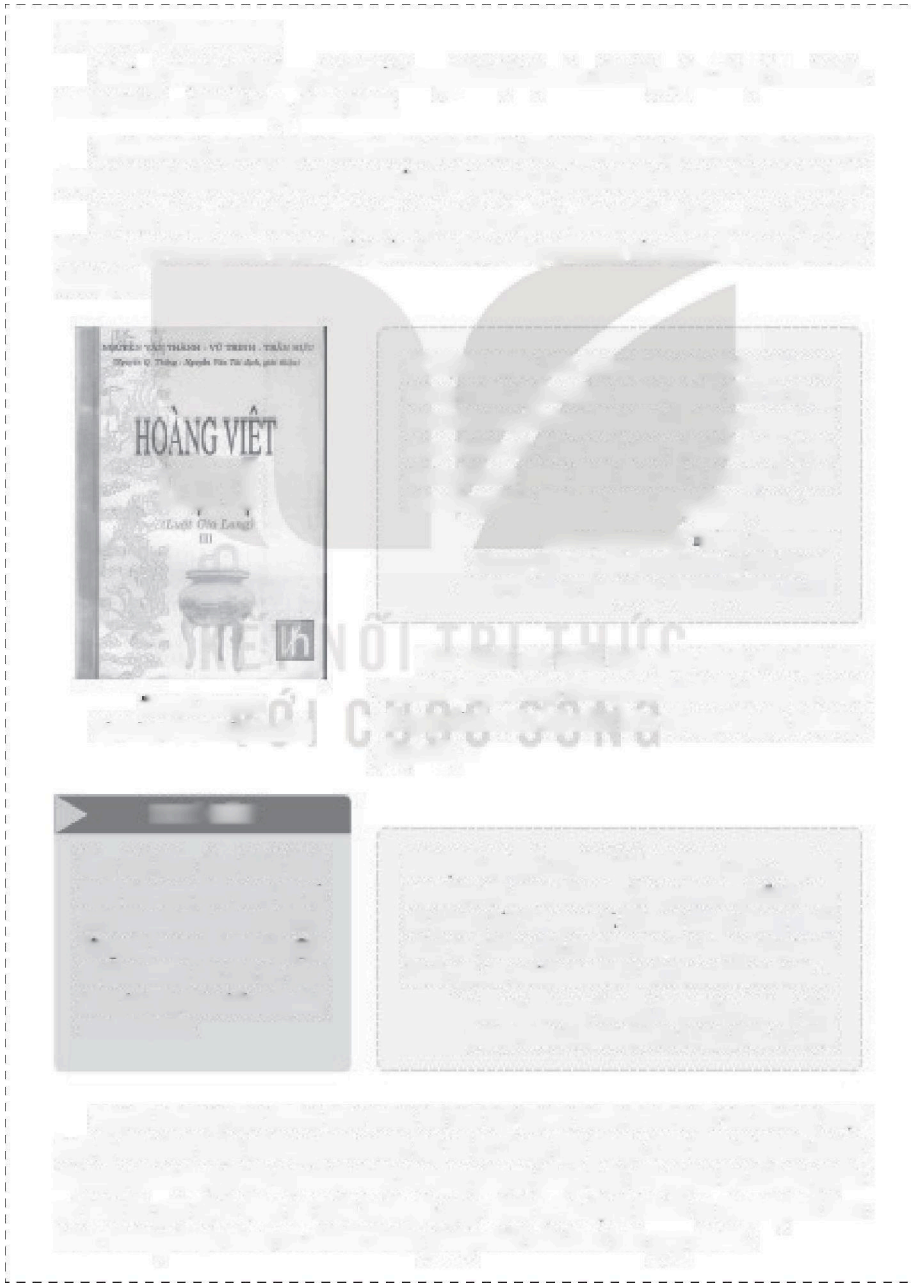

b) Hoàng Việt hiậllệ

JfoiHig Via tadt *lị* (hay *Luật* Gtn *Long)* là bộ luật của nhà Nguyên, được ban hành dưới triéuvuaCia Long, nam 1815.

Vế cáu trúc [Sộ luật gớm 3ỘH điều, phin làm 22 quyên, bao góm các dkiu khoăn dược chia thành sáu thế loại, tương ung vớt phạm vi phụ trách và quân li của sáu bộ.

Ví nfl *tlung:* Bộ luật tóng hợp, quy dinh vá diều chinh háu hết quan hệ xĩ hội thời dó, tập trung bảo vệ chế dợ quan chũ, bão Tệ quyên lực va quyên]ợj của giai cấp

Luyện tập: là hệ thống các câu hỏi giúp HS có thể luyện tập, hệ thống hoá, củng cố lại những kiến thức, thực hành những kĩ năng đã được tìm hiểu, hình thành trong bài học.

Vận dụng: là hệ thống các câu hỏi, bài tập giúp HS có thể vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã được hình thành để giải quyết những bài tập nhận thức mới hoặc tình huống có thể xảy ra trong cuộc sống. Thông qua đó giúp HS khắc sâu kiến thức, rèn luyện kĩ năng và kết nối tri thức đã học với cuộc sống.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. So sánh điểm giống và khác nhau giữa các mô hình nhà nước quân chủ ở Việt Nam thời Lý - Trần, Lê sơ và thời Nguyễn.

2. Em hãy chỉ ra sự khác nhau về đặc điểm, tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà so với các nhà nước quản chủ ở nước ta. "Theo em, sự khác nhau đó nói lên điều gì?

3. Lập bảng so sánh các bản Hiến pháp năm 1946,1992 và 2013 theo gợi ý sau:

Hiến pháp	1946	1992	2013
Bối cảnh ra đời	?	?	?
Nội dung cơ bản	**?**	**?**	**?**
Ý nghĩa	**?**	**?**	**?**

1. Có quan điểm cho rằng bộ Quác *triêu hình luật và Hoàng Việt tuật tệ* có nhlểu điểm tiến bộ, nên được tham khảo và áp dụng trong việc quản lí xã hội ngày nay. Em có đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao?

2. Từ năm 2013, ngày 9-11 hằng năm được lấy là "Ngày Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam? Hày đưa ra một số ý kiến của em đế góp phần nâng cao tính thẩn, ý thúc tuân thủ hiến pháp và pháp luật cho mọi người.

Cuối sách có *Bảng hướng dẫn tra cứu* nhớ lại, lĩnh hội vững chắc những kiến thức cơ bản thông qua các thuật ngữ được giải thích rõ ràng, ngắn gọn, đồng thời đó cũng là những gợi ý để các em tra cứu thêm trong các sách, hay trên internet nhằm mở rộng kiến thức.

Bảng phiên âm các tên riêng tiếng nước ngoài ra tiếng Việt (trong đó tên nước ngoài được ghi theo gốc La-tinh hoặc tiếng Anh được phiên âm sang tiếng Việt). Sau mỗi thuật ngữ và tên riêng nước ngoài đều ghi rõ số trang trong SGK mà thuật ngữ, tên riêng đó xuất hiện để GV và HS dễ tra cứu.

PHẦN HAI HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ CỤ THỂ

CHUYÊN ĐỀ 1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC (10 tiết)

I

MỤC TIÊU

Thông qua chuyên đề này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể; nêu được phạm vi, đối tượng, nội dung cơ bản của thông sử và một số lĩnh vực cơ bản của lịch sử Việt Nam.
- Giải thích đư<Ị 'ỉ b? h sử dân tộc", "lịch sử thế giới".

2. Về năng lực

- Rèn luyện các . trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, *ị* .1 đến bài học; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã h< nhận thức mới.
- Trên cơ sở đó, góp phan — CKU... nang lực: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, có[tiV ?] driiịt Viổn »' 'ì<\kĩnăngđã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm 11 , [1] mg thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II THIẾT BỊDẠYHỌCVÀHỌCLIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án (kế hoạch dạy học) dựa chắc trên cơ sở của Chương trình môn học, SGK, các công văn chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử; một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung chuyên đề do GV sưu tầm và hướng dẫn HS sưu tầm; Phiếu học tập.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK.

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến chuyên đề và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

- Chuyên đề này được biên soạn và dạy học trong 10 tiết với hai mục nội dung chính. Tuỳ theo tình hình thực tế địa phương/trường/lớp học, GV có thể phân phối thời lượng sao cho phù hợp.

- Khi triển khai dạy học các chuyên đề học tập *Lịch sử 10* nói chung và Chuyên đề 1 nói riêng, GV cần bám sát mục đích, yêu cầu được quy định trong Chương trình; đồng thời cần căn cứ vào đặc điểm đối tượng HS lựa chọn trải nghiệm các chuyên đề học tập *Lịch sử 10* để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp, nhằm hình thành những kiến thức, kĩ năng cơ bản, cũng như phát triển năng lực và bồi dưỡng phẩm chất cho HS, góp phần thiết thực trong việc định hướng nghê' nghiệp cho HS.

- Để giúp HS tích cực tương tác giữa HS với HS, giữa HS với GV, cũng như tăng tính trải nghiệm, kết noivc"[1] ■ cho c;íc cm ' ■" ■ * plan tâm tổ chức các hoạt động tự học, tăni ’uận /ấn đề liên quan đến chuyên đề do GV địn ♦ rg những ví dụ, dẫn chứng, tư liệu minh h(p *ChcS sử 10*. GV cần có sự chuẩn bị kĩ lưỡn 1 bảo tính chính xác, khoa học, nhưng gần g 1 quả khi sử dụng.

- Trước khi triển k ,úu thật kĩ yêu cầu cần đạt trong Chương trình Vú ụp *Lịch sử 10* để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp; cần lưu ý, phan cỏng MÍS chuân bị trước một số nội dung. Ví dụ: Lựa chọn và tìm hiểu vê' mộ ' / ỉ ’ ■ ù ” í ■ C ’ ■ ’ ’ [A] giới hoặc lịch sử theo lĩnh vực cụ thể theo định hướng ’ 7.

IV GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YÊU

A. MỞ ĐẦU BÀI HỌC

Cách thứ nhất: GV yêu cầu HS quan sát hình 1, 2 trong SGK và trả lời câu hỏi: *Hai hình ản đó gợi cho em những cảm nhận gì?* Sau khi HS phát biểu suy nghĩ, cảm nhận của mình về hai hình ảnh, GV nhấn mạnh: đó là sự thay đổi, phát triển trong hoạt động sản xuất ở Việt Nam theo hai phương thức, mô hình truyền thống và hiện đại. Để thể hiện sự thay đổi và phát triển đó nói riêng và sự thay đổi lịch sử nói chung một cách tương đối sinh động, người ta lựa chọn nhiều cách thức khác nhau (trưng bày những hình ảnh phù hợp, biên soạn các công trình, tác phẩm lịch sử và nhiều cách thức khác nữa). *Em hãy chỉ ra một số cách thức trình bày lịch sử khác nhau mà em biết.*

Cách thứ hai: GV có thể chuẩn bị trước hình ảnh trang bìa một số tác phẩm lịch sử khác nhau (hoặc theo thông sử, hoặc theo các lĩnh vực) để giới thiệu với HS. Yêu cầu HS chỉ ra một số điểm khác nhau trong hình thức thể hiện giữa các tác phẩm đó,... rồi dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV hoàn toàn có thể sáng tạo những cách mở đầu khác nhau cho chuyên đề, mục tiêu chung là tạo tâm thế, khơi gợi được hứng thú, mong muốn tìm hiểu nội dung bài học mới của HS, định hướng nhiệm vụ học tập cho HS trong bài học mới,...

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Mục I. Thông sử và lịch sử theo lĩnh vực

Hoạt động 1. Tìm hiểu một số cách trình bày lịch sử truyền thống

a) Năng lực cần hình thành

HS tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể.

^ Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b) Nội dung chính

Các cách trình bày lịch sử truyền thống:

- Chuyện kể lịch sử (truyền miệng), vẽ tranh, tạo các hiện vật,...
- 'Thông qua các Th lễ hội: *t ’* aoá, tổ chức lễ hội,.
- Tìm hiểu, ngh hie ùnh nghiên cứu, biên soạn về lịch sử.

c) Giới thiệu về ti

- *Hình 3*. Chữ tr ;ổ đại. Chữ tượng hình là loại chữ sớm nhất c pi-rút.
- *Hình 4*. Chữ viết
- *Hình 5*. Trang bìa bán v. ,, v uriều Nguyễn biên soạn dưới hình thức cương mục. Đâv b x--ing bìr íì sử *Kám.m đimh im sử thônggơng cương mục* do cơ quan chuyên chép sử C1 1 b ũ< 1 1 (*í* hức cương mục, ghi chép lại một cách toàn diện lịch sử • Th **!*’■ f'-T'-v V’^’ , -Th-g nước đến cuối thế kỉ XVIII.
- *Hình 6.* Trang bìa một cuốn sách vê' lịch sử
- *Hình 6.1.* Vê' lịch sử Việt Nam. Đây là một công trình nghiên cứu công phu, thể hiện tương đối đầy đủ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thuỷ đến ngày nay.
- *Hình 6.2.* Về lịch sử thế giới. Đây là hình ảnh trang bìa của một cuốn sách về lịch sử thế giới cổ đại được xuất bản ở Mỹ.
- *Hình 7*. Hình ảnh cắt từ bộ phim tài liệu lịch sử *Hà Nội 12 ngày đêm* của Hãng Phim truyện Việt Nam (2002).
- *Hình 8.* Hình ảnh vở chèo *Bài ca giữ nước* của Tào Mạt. Đây hình ảnh một cảnh trong bui trình diễn bộ ba tác phẩm chèo *Bài ca giữ nước* được Tào Mạt sáng tác trong những năm 1979 - 1985.

Hình 7 và 8 là minh chứng cho những cách tái hiện lịch sử Việt Nam bằng các hình thức nghệ thuật khác nhau. Cụ thể: Hình 7, tái hiện thông qua thước phim tài liệu lịch sử; Hình 8, tái hiện thông qua tác phẩm trình diễn sân khấu của nghệ thuật chèo.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS đọc SGK, khai thác kĩ nội dung kênh chữ, kênh hình, suy nghĩ cá nhân hoặc thảo luận cặp đôi/nhóm theo yêu cầu sau: *Hãy giới thiệu tóm tắt một số hình thức trình bày lịch sử truyền thống.* GV có thể thể hiện yêu cầu trên thông qua một số cách khác nhau, như: quan sát và phân loại các hình ảnh liên quan đến các hình thức trình bày lịch sử hoặc hoàn thành Phiếu học tập.

HS khai thác kĩ nội dung trong SGK, vận dụng những kiến thức đã học để tham gia phân loại theo tranh hay hoàn thiện phiếu.

Gợi ý nội dung Phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP

Hình thức trình bày lịch sử truyền thong	**Thể loại**	**Ví dụ**
1. Chuyện kể lịch sử (truyền miệng)	Truyền thuyết, chuyện cổ tích, chuyện dân gian, truyện kể lịch sử,...	- *Lạc Long Qcân và Uìi Cơ* - *Sơn Tinh - Thuỷ Tinh* - *Sự tích bánh chưng - bánh giầy* - *Sử thi của một số dân tộc,...*
2. Công trình nghiên cứu lịch sử	Biên niên, thực lục, cương mục, lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới,...	- *Đại Nam thực lục* - *Việt sơ thông giöim cơơng mục* - *Lịch sử Việt Nam* - *Lịch sử thế giới* - *Lịch sử văn hoá ihế giới* - *Lịch sử Trung Quốc* - *Lịch sử Đông Nam Á*
3. Thông qua các hình thức nghệ thuật, lễ hội	Phim, kịch, ca múa nhạc, lễ hội, triển lãm ảnh....	- *Phiqì Xpáq-ta-cút, Tam quốc, Nàng Đê Chang (ht'iii....* - *Đêm hội Lngg Trì, Hà Nội 12 ngày đêm, Hà Nội mùa đồng năm 1946, Vĩ tuyến 17 ngày và đêm,.* - *Bộ ba tác phẩm chèn Bài ca giữ nước, vở cải lương Tiếng trống Mê Linh,.* *-Lê hội:.*

Yêu cầu cần đạt: HS biết vận dụng kiến thức đã học, khai thác nội dung trong SGK để giới thiệu tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống từ xưa đến nay thông qua các ví dụ.

Hoạt động 2. Tìm hiểu về thông sử

a) Năng lực cần hình thành

- Giải thích được khái niệm thông sử.
- Nêu được nội dung chính của thông sử.

^ Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b) Nội dung chính

• Thông sử là gì?

Là hình thức trình bày lịch sử một cách tổng hợp, đề cập đến tất cả các lĩnh vực đời sống trong quá khứ, từ khởi nguyên đến ngày nay của địa phương, quốc gia, khu vực hoặc toàn thế giới như: chính trị, xã hội, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, giáo dục, nghệ thuật,.

• Nội dung chính của thông sử

• Trình bày tổng [llmn tnàn diên vê' lịch sử, nhií-- trọng vào các nhân vật, sự kiện và quá trình 'uan + 'ởng mạnh mẽ và có ý nghĩa nhất trong các 1 *n* văn hoá của một địa phương, một quốc g:

• Các nhân vật, c lựa chọn và trình bày theo thời gian từ trư<

c) Gợi ý tổ chứctk

- *Thông sử là gì?*

Để giúp HS hiểu được khái niệm tư ỏng sư, GV tham khảo nội dung liên quan trong SGK và giải thích cho HS ' ’1) ' , T ■ ’ h ạ ■' ■ Thô thông sử dân tộc, thông sử khu vực và thông sử tl ; 3Ụ . . đ ễ ì .1 ₒ và có thể tự vận dụng, nêu thêm một số ví dụ khác. Ví ũ sí ử . ihư: *Đại Việt sử ký toàn thư* do Ngô Sỹ Liên và các sử thần nha Lv L1CI1 sc . n, các Dọ *Việt viơnN ịịih Vi Việt Nam* (3 tập), *Lịch sử Việt Nam* (4 tập), *Lịch sử thế giới i*4 tập) do NXB Giáo dục Việt Nam ấn hành, *Lịch sử Việt Nam* (15 tập) do NXB Khoa học xã hội ấn hành;...

- *Nội dung chínhcủathồngsử*
- Để giúp HS nắm bắt được nội dung chính của thông sử, GV tổ chức cho các nhóm HS khai thác, thảo luận và giới thiệu một số cuốn thông sử Việt Nam hoặc thế giới (thông qua tóm tắt nội dung của cuốn thông sử hay phân tích cấu trúc, nội dung cơ bản của nó qua việc khai thác phần mục lục của cuốn sách,...). Phần giới thiệu của HS tập trung khai thác theo một số định hướng sau*:* 1. *Đối tượng nghiên cứu của một cuốn thông sử là gì?* 2. *Nội dung cuốn thông sử đó đề cập đến các lĩnh vực nào và theo tiến trình thời gian ra sao?* 3. *Các nhân vật, sự kiện và quá trình lịch sử được giới thiệu trong cuốn thông sử có đặc điểm gì nổi bật?...*
- Sau khi các nhóm HS đã giới thiệu được về nội chính của một cuốn thông sử, GV cần định hướng để các em có nhận thức khái quát, nắm bắt được những nội dung chính của thông sử nói chung (tham khảo gợi ý trong phần b ở trên).

- Để củng cố kiến thức cho HS, GV có thể đặt câu hỏi: *Theo em, cuốn sách như trong Hình 6 (tr. 8) có phải thông sử không?* GV hướng dẫn HS căn cứ vào khái niệm vừa học về thông sử và nội dung hai cuốn sách thể hiện là gì để trả lời câu hỏi.

Yêu cầu cần đạt: HS tích cực tham gia các hoạt động học tập, biết nêu và phân tích ví dụ để hiểu được khái niệm, chỉ ra những nội dung chính của thông sử.

Hoạt động 3. Tìm hiểu về lịch sử theo lĩnh vực

a) Năng lực cần hình thành

- Nêu được nét khái quát về một số lĩnh vực của lịch sử.
- Giải thích được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.

^ Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b) Nội dung chính

- Các lĩnh vực chính của lịch sử là: lịch sử chính trị, lịch sử quân sự, lịch sử kinh tế, lịch sử văn hoá, lịch sử xã h ■ Ngoài 1"’ khác cũng được quan tâm ở mức độ nhất đị học giáo dục, lịch sử tôn giáo và tín ngưỡng, lie
- Ý nghĩa của việ(agười đọc nhận thức sâu sắc, cụ thể về một in bộ lịch sử của địa phương, quốc gia - dâi

c) Gợi ý tổ chức thực

- GV dẫn dắt: Bên cạnn V.._T. . . <iC thông sử, để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu chu Vi"’ sâu từr~ hnh vUc của đời xã hội trong quá khứ, việc nghiên cứu lịch sử theo từnị ' *Ií* ử ; t ra ỉ a. GV nêu yêu cầu: *Em hãy giới thiệu khái quát một sô' lĩnh vực của lịch sử.*

HS làm việc cá nhân, khai. *í J* ĩ I ,. _ . ể .1 . ỏi. Cần tập trung làm rõ: Bên cạnh cách trình bày toàn diện, lịch sử còn được trình bày theo từng lĩnh vực. Điều này xuất phát từ thực tế đời sống cũng được phân chia tương đối thành các lĩnh vực khác nhau như: chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hoá, tư tưởng,...

GV chỉ rõ: Ở Việt Nam cũng như ở nhiều nước trên thế giới, các lĩnh vực sử học được quan tâm, tìm hiểu nhiều nhất là: lịch sử chính trị, lịch sử quân sự, lịch sử kinh tế, lịch sử văn hoá, lịch sử xã hội và lịch sử tư tưởng. Ngoài ra, một số lĩnh vực khác cũng được quan tâm ở mức độ nhất định như: lịch sử khoa học và công nghệ, lịch sử giáo dục, lịch sử tôn giáo và tín ngưỡng, lịch sử văn học,...

- GV nêu tiếp yêu cầu: *Em hãy giải thích ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.*

Về yêu cầu này, việc HS tự tìm hiểu để tăng tính chủ động nhận thức của các em là điều

cần thiết, nhưng đây là vấn đề tương đối trừu tượng đối với HS, vì vậy, GV cần định hướng, giải thích thêm cho các em, thông qua cả việc phân tích những ví dụ minh hoạ (một số tác phẩm nghiên cứu lịch sử theo lĩnh vực) để làm sáng tỏ vấn đề.

Yêu cầu cần đạt: HS chỉ ra được một số lĩnh vực cơ bản của lịch sử và giải thích được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.

Hoạt động 4. Tìm hiểu về lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới

a) Năng lực cần hình thành

Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.

^ Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b) Nội dung chính

- Lịch sử dân tộc
- Khái niệm: là lịch sử của một quốc gia - dân tộc, sinh sống trên một lãnh thổ nhất định và được quảnlíbởimộtnhànướcthống nhất.
- Nội dung bao trùm tất cả các lĩnh vực: chính trị, xã hội, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, giáo dục, nghệ thuật,... từ khởi nguyên đến ngày nay.
- Một số bộ thô. [4]-~~ '"[A]" biểu của Viê* [T A TT]'ỈU, *Đại Việt sử ký* (thời Trần); Ngô Sỹ Liên Vi ^*ại* [v] i Lê sơ); Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại N ụ ục mục* (thời Nguyễn); Trương Hữu Quýnh, *iơng Lịch sử Việt Nam,* 3 tập; Phan Huy Lê, *ù ửViệtNam,* 4 tập;...
- Lịch sử thê' giớ
- Khái niệm: là lị *h* trên thê' giới từ khi con người xuất hiện đê'n nga,
- Nội dung chính: thể hiện quá trình vận động của lịch sử nhân loại trên các lĩnh vực: chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, xã hội,...

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khơi thác

Hình 9. Trang bìa một s ; s [1] 'ây là hình ảnh chụp trang bìa hai cuốn sách xuất bản ở Việt Nam và Mỹ. Điểm chung của hai cuốn sách này là đều có nội dung phản ánh về lịch sử thê' giới dù được xuất bản ở hai nước khác nhau.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

- GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, khai thác nội dung trong SGK và hoàn thành Phiếu học tập theo gợi ý sau:

PHIẾU HỌC TẬP

Yêu cầu tìm hiểu	Lịch sử dân tộc	Lịch sử thế giới
Khái niệm		
Nội dung chính		
Ví dụ		

- Hoàn thiện Phiếu học tập trên tức là các nhóm HS đã trả lời được hai câu hỏi cuối mục trong SGK. Sau khi HS đã nhận thức rõ những vấn đề cơ bản theo Phiếu học tập, GV yêu cầu các nhóm tiếp tục giới thiệu kĩ hơn về một bộ sách/một cuốn lịch sử dân tộc hoặc lịch sử thế giới mà các em lựa chọn và chuẩn bị trước. Khuyến khích các nhóm HS chọn giới thiệu những cuốn về lịch sử Việt Nam hay lịch sử thế giới được xuất bản ở nước ngoài. Nội dung giới thiệu theo gợi ý sau: tên cuốn sách, tác giả, nhà xuất bản, nội dung chính/điểm nổi bật, ý nghĩa/tác dụng.

Mục II. Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam

Hoạt động 5. Tìm hiểu về lịch sử văn hoá Việt Nam

a) Năng lực cần hình thành

- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam.
- Tóm tắt được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam trên trục thời gian.

^ Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b) Nội dung chính

- Đối tượng, phại Ạ
- Khái lược tiến ti qua các giai đoạn với những đặc trưng nổi b

c) Giới thiệu vể tư í

- *Hình 10*. Phù đi n). Bức phù điêu này được người dân phát hiệ. N' tích tháp Châu Thành (thị xã An Nhơn, Bình Định; - v...<un-pa xưa. Bức phù điêu đã được Thủ tướng Chính phủ rÂn 8ậr>]■?!'' ■. $_v$ât miổc $^{\text{ơia n3rr}}$ 'Tho. Theo Thần thoại Ấn Độ, Sa-ra-va-xti là vị nữ thần tr - n- : • (í • n *i* lần của tri thức, âm nhạc, nghệ thuật và thiên nhiên. Bà^{1Â} — *rc~v^{K}" ồ IrỌ cac nam thần là Bra-ma (thần Sáng tạo), Vi-snu (thần . I . *)* , $_v$ ãi . trong sự sáng tạo, duy trì sự sống và sự huỷ diệt của vũ trụ.

- *Hình 11*. Khuê Văn Các tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội). Đây là một lầu vuông tám mái, cao gần chín thước, được xây dựng năm 1805, dưới triều Nguyễn tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám - trung tâm văn hoá, nơi đào tạo nhân tài của đất nước ta trong lịch sử. Gác Khuê Văn xưa kia là nơi dùng để họp bình những bài văn hay của các sĩ tử đã đỗ khoa thi Hội của kì thi Nho học. Ngày nay, Khuê Văn Các đã được chọn là biểu tượng của Thủ đô Hà Nội. Khuê Văn Các nói riêng, Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) nói chung cũng gợi nhớ về một nền văn hoá Việt Nam phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, nhưng không e ngại mà đầy bản lĩnh trong việc tiếp thu những tinh hoa văn hoá từ bên ngoài (văn hoá Trung Hoa) để làm giàu thêm kho tàng văn hoá dân tộc.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

- Để tìm hiểu về lĩnh vực lịch sử văn hoá Việt Nam nói riêng, cũng như các lĩnh vực khác của lịch sử dân tộc nói chung (sẽ được đề cập trong các hoạt động học tập sau), GV có thể tổ chức lớp học thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm tìm hiểu sâu về một

lĩnh vực (từ cuối buổi học mục I của chuyên đề này). Vào giờ học mục II này, GV yêu cầu các nhóm HS căn cứ vào nhiệm vụ học tập của nhóm, dựa vào khai thác nội dung tương ứng trong SGK và tài liệu sưu tầm của nhóm (nếu có) để tiếp tục thảo luận về nhiệm vụ được giao của nhóm mình, đi đến thống nhất nội dung báo cáo và cử đại diện trình bày trước lớp kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe, sau đó nhận xét, góp ý, bổ sung.

- Yêu cầu, nhiệm vụ đối với nhóm HS tìm hiểu về lĩnh vực lịch sử văn hoá như sau: 1. *Hãy cho biết đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam.* 2. *Khai thác thông tin trong*

mục, em hãy chỉ rõ các giai đoạn phát triển của văn hoá Việt Nam và nêu một số nét chính của từng thời kì.

+ Về đối tượng, phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam, cần làm rõ: đó là toàn bộ đời sống văn hoá trong quá khứ, từ thời tiền sử đến ngày nay của quốc gia - dân tộc Việt Nam nói chung và của từng cộng đồng cư dân sinh sống trên mảnh đất Việt Nam nói riêng, nhằm làm sáng tỏ những giá trị văn hoá, những truyền thống văn hoá của dân tộc cũng như của nhân loại, những thô" -■ [4] mù các thế hê[f]" - *' r r* on trao truyền cho các thế hệ trong hiện tại

+ Về tiến trình p *ủ* nh của từng giai đoạn: GV định hướng HS ì mục 1 trong SGK để phác hoạ được các gi 1 sử văn hoá Việt Nam.

HS khai thác cá uêm một số ví dụ khác để minh chứng vê' sụ jên ngoài (ở đây là văn hoá Ấn Độ và Trung 11. .<111 tộc, tạo dựng một nền văn hoá Việt Nam thống nhất trong đa dạng,...

Sơ đồ (Hình13)troni - i' í ' ■ V ■' hể và vê'tiến trình phát triển lịch sử văn hoá Việt Nam.

GIÁ TRỊ CHỦ ĐẠO

Yêu nước, đoàn kết và khoan hoà, nhân ái

GIAO LƯU, TIẾP BIẾN QUA CÁC THỜI KÌ

Thời kì cổ - trung đại	Thời kì cận đại	Thời kì hiện đại
Tiếp nhận có chọn lọc ảnh hưởng văn minh từ Ấn Độ và Trung Quốc.	Tiếp nhận có chọn lọc ảnh hưởng văn hoá phương Tây.	Tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại.

CƠSỞNỀNTẢNG

Nghề nông trồng lúa nước; truyền thống sông nước; cư trú làng, bản; tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên;...

Yêu cầu cần đạt: HS biết khai thác nội dung SGK và tài liệu tham khảo để làm rõ đối tượng, phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam; xây dựng được một sản phẩm (trên giấy hoặc

file trình chiếu PowerPoint,...) thể hiện tiến trình phát triển của lịch sử văn hoá Việt Nam với những đặc trưng tiêu biểu nhất.

Hoạt động 6. Tìm hiểu về lịch sử tư tưởng Việt Nam

a) Năng lực cần hình thành

- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam.
- Tóm tắt được nét chính của lịch sử tư tưởng Việt Nam trên trục thời gian.

^ Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và khái quát vấn đề lịch sử cho HS.

b) Nội dung chính

- Đối tượng, phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam.
- Những nét chínhcủalịchsửtưtưởng ViệtNam quacácthờikìlịchsử.

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

- *Tư liệu* (tr.15). Cùng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh được xác định là nền tảng tưtưở ” ’ ■ ' ' cho mọi hè”[1] ** ■ 'Cộng sản Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Min *ó 1? ìểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đê' c *ậ sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghi kê' thừa và phát triển các giá trị truyền thốn 1 nhân loại. Như thế, sự xuất hiện tư tưởng I a trình phát triển của lịch sử tư tưởng Việt Né.

- *Hình 14.* Trang bìa 11. ụ tả một công trình nghiên cứu công phu của tác giả Huỳnh Công Bá vê' tư tưởng Việt Nam. Cuốn sách dày hơn một nghìn trang và được xuất bé . 2i ■

- *Hình 15*. Tượng Phậ u ' 1. i'.nâ g ,, .„1 . n $_v$Quảng Ninh). Bức tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông đ. tì /1 1 áp Huệ Quang (khu tháp Tổ) thuộc Khu di tích - danh tháng fell 1 ư. oil 1 mòi, nản iXinân Tông nổi tiếng là vị vua tài, đức vẹn toàn. Năm 1293, nhà vua truyền ngôi cho con và lên làm Thái thượng hoàng. Sau đó, vua Trần Nhân Tông xuất gia theo đạo Phật, tu hành tại vùng núi Yên Tử và lấy hiệu Trúc Lâm Đại sĩ. Trần Nhân Tông chính là vị tổ sáng lập Thiền phái Trúc Lâm - một dòng thiền Phật giáo mang bản sắc văn hoá Việt Nam và tinh thần nhập thế.

- *Hình 16.* Tượng Chu Văn An ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội). Đây là bức tượng Chu Văn An được thờ tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Ông là nhà giáo lỗi lạc của Việt Nam, với triết lí giáo dục nhân văn, không phân biệt giàu nghèo, học đi đôi với thực hành, học suốt đời để biết, để làm việc và cống hiến cho xã hội,. Tư tưởng, quan điểm giáo dục của ông có những giá trị tiến bộ vượt thời đại, gần gũi với mục đích giáo dục hiện nay. Sinh thời, ông được nhân dân tôn là “Vạn thế sư biểu” - Người thầy của muôn đời.

- *Hình 17*. Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp (1920). Hình ảnh ghi lại khoảnh khắc của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp ở Tua (12 - 1920). Tại Đại hội này, Nguyễn Ái Quốc đã cùng 69% đại biểu bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế

thứ ba (Quốc tế Cộng sản) và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Với sự kiện này, Nguyễn
Ái Quốc trở thành người đảng viên Đảng Cộng sản đầu tiên của Việt Nam, mở ra một giai đoạn mới cho cách mạng Việt Nam - giai đoạn phát triển theo con đường cách mạng vô sản, theo tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

- *Hình 18*. Trang bìa cuốn sách *Đường Kách mệnh* (in năm 1927). Cuốn *Đường Kách mệnh* là tài liệu tập hợp những bài giảng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cho các lớp đào tạo cán bộ cách mạng Việt Nam tại Quảng Châu do Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức xuất bản đầu năm 1927. Tác phẩm này đánh dấu sự truyền bá của tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam những năm 20 của thế kỉ XX.

Các hình 14, 15, 16, 17, 18 được xác định là các công trình, nhân vật, sự kiện tiêu biểu gắn liền với một số mốc chính trong tiến trình phát triển của lịch sử tư tưởng Việt Nam.

- *Hình 19*. Khái quát các thời kì phát triển của lịch sử tư tưởng Việt Nam dưới dạng sơ đồ mà HS có thể tham khảo trong quá trình hoạt động học tập nhằm hướng đến yêu cầu cần đạt.

d) Gợi ý tổ chức í' '

- Để’ tìm hiểu Ví \;r hức tổ chức hoạt động học tập cho HS tron lược giao nhiệm vụ từ trước) căn cứ vào nh dung tương ứng trong SGK và tài liệu sưu tí lung báo cáo và cử đại diện thuyết trình trư ;ủa nhóm bạn, kết hợp lắng nghe phần thuyết

Nhiệm vụ của nhóm . *mục, hãy cho biết đối tượng, phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam là gì?* 2. *Khai thắc Hình 19và thông tin trong mục, hãy giới thiệu nét chính của lịch sử tư tưởng Việt Nam qua cấc thời kì.*

+ Về đối tượng, phạm V! ví»- ıịvн e,ư ᵤư ■ hvng Vir‘1 , „ani, cẩn làm rõ: đó là toàn bộ đời sống tinh thần trong quá kh . â . :ồng người. Tôn giáo, lí thuyết triết học, tư tưởng chính trị va cac truong Pxxái khoa học duợc xem là những hình thức thể’ hiện tiêu biểu nhất của tư tưởng, trở thành bộ phận cốt lõi, có ảnh hưởng to lớn nhất trong đời sống tư tưởng của nhân loại.

+ Về một số nét chính của lịch sử tư tưởng Việt Nam: GV định hướng HS khai thác nội dung của mục 2 trong SGK để phác hoạ được các giai đoạn cơ bản của lịch sử tư tưởng Việt Nam. Tham khảo gợi ý dưới đây:

Thời kì cổ - trung đại	**Thời kì cận - hiện đại**
Cơ sở: - Tình yêu lao động, cùng nhau chung sống lương thiện, nhân ái, nghĩa tình, cùng đoàn kết, dũng cảm đương đầu với thiên tai, địch hoạ. - Yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	

- Tiếp nhận có chọn lọc ảnh hưởng của Ấn Độ giáo, Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo,... để làm giàu thêm kho tàng tư tưởng chính trị và đời sống tinh thần của dân tộc theo hệ tư tưởng quân chủ - phong kiến tập quyền (kết hợp khai thác tư liệu, hình 15, 16 và các ví dụ khác để làm sáng tỏ/ chứng minh).	- Đã tiếp nhận có chọn lọc những ảnh hưởng tư tưởng tiến bộ từ các nước phương Tây (ví dụ) và các nước phương Đông (ví dụ), hình thành trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản tiến bộ ở Việt Nam. - Đặc biệt là sự xuất hiện của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trên cơ sở kế thừa, tiếp thu, vận dụng tư tưởng chính trị Việt Nam, tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tinh hoa tư tưởng chính trị của nhân loại. ^ Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là sự kế thừa và phát triển đến đỉnh cao của lịch sử tư tưởng Việt Nam; là nhân tố mở đường thắng lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước trong thế kỉ XX, XXI. (Khai thác hình 17, 18 và các ví dụ khác để làm sáng tỏ/chứng minh).
^ Giá trị cốt lõi của tư tưởng chính trị Việt Nam: yêu nước, đoàn kết và khoan hoà, nhân ái.	

+ Gợi ý HS khai t ân thức khái quát về lịch sử tư tưởng Việt b

Yêu cầu cần dạt: t. ề't khai thác nội dung SGK và tài liệu tham khc Lư tưởng Việt Nam; xây dựng được một sản phẩm ÍAK. _ _ .11 giấy hoặc file trình chiếu PowerPoint,...) cho thấy nét chính, đặc [rií.Ig của lịch sử tư tường Việt Nam qua các thời kì; biết sử dụng các ví dụ để ph I .1 »ạ i ứ: t đặc trưng nổi bật.

Hoạt động 7. Tìm hiểu về lịch sử xã hội Việt Nam

a) Năng lực cần hình thành

- Nêu được đối tượng của lịch sử xã hội.
- Tóm tắt được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam trên trục thời gian.

^ Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và khái quát lịch sử cho HS.

b) Nội dung chính

- Đối tượng của lịch sử xã hội.
- Tóm tắt những nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam qua các thời kì lịch sử:

+ Thời kì dựng nước đầu tiên Văn Lang - Âu Lạc.
+ Thời kì Bắc thuộc.
+ Thời kì quốc gia quân chủ tập quyền (từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX).
+ Thời kì cận đại (từ giữa thế kỉ XIX đến năm 1945).
+ Thời kì hiện đại (giai đoạn từ năm 1945 đến nay).

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

- *Hình 20.* Một bức tranh cổ động thể hiện khối đại đoàn kết dân tộc với nhiều thành phần xã hội khác nhau. Đó là khối đại đoàn kết giữa các giai cấp, tầng lớp, thành phần xã hội khác nhau đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân, nhà khoa học, HS - sinh viên,... Kế tục truyền thống lịch sử dân tộc, tất cả các giai cấp, tầng lớp, thành phần xã hội cùng đoàn kết, phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam thống nhất, hùng cường.
- *Hình 21*. Sơ đồ giúp khái quát hoá các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội Việt Nam từ xưa đến nay.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

- Tương tự như cách thức tổ chức hoạt động học tập cho HS trong 2 hoạt động trên, GV yêu cầu nhóm HS (đã được giao nhiệm vụ từ trước) căn cứ vào nhiệm vụ học tập của nhóm, dựa vào khai thác nội dung tương ứng trong SGK và tài liệu sưu tầm để tiếp tục thảo luận, đi đến thống nhất nội dung báo cáo và cử đại diện thuyết trình trước lớp. Các nhóm khác trên cơ sở đã đi ' ■■ *h* SGK, quan -' ■ 'ủa nhóm bạn, kết hợp lắng nghe phần thuy -ét,'

Nhiệm vụ của r - *:ử xã hội là gì?* 2. *Khai thác thông tin trong ĩ Nam.*

- Về đối tượng (aài người trong lịch sử từ xã hội nguyên thu .1 đến xã hội xã hội chủ nghĩa. Đối với mỗi mc ang tỏ về cấu trúc xã hội, các nhóm xã hội, các gia- ưội, các quan hệ xã hội, vai trò và vị thế của cá nhân và nhóm trong xã hội, các dạng thức của phân biệt xã hội và kì thị xã hội, sự di động xã hội c' . hi' I K

Yêu cầu cần đạt: HS ..Lui ....u ưrc-L -L-v, .xên hệ thực tế lịch sử để biết được đối tượng của lịch sử Ả

- Về nhiệm vụ 2, HS khai mac hiDii 2 , Ket nọp Kna! mác thông tin trong mục từ đó khái quát được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam qua các giai đoạn. HS cần được định hướng để hiểu rõ cấu trúc, nội dung, mối quan hệ giữa ba hợp phần của so đồ đó (cơ sở nền tảng, xu hướng phát triển qua các giai đoạn, giá trị cốt lõi) để việc nhận thức khái quát về sự phát triển của lịch sử xã hội Việt Nam được đúng đắn, sâu sắc và chặt chẽ.

Yêu cầu cần đạt: HS biết khái quát hoá kiến thức đã học thông qua khái quát sơ đồ, từ đó hình dung được các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội Việt Nam từ thời Văn Lang - Âu Lạc đến nay.

Hoạt động 8. Tìm hiểu về lịch sử kinh tế Việt Nam

a) Năng lực cần hình thành

- Nêu được đối tượng của lịch sử kinh tế Việt Nam.
- Tóm tắt được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam trên trục thời gian.

^ Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b) Nội dung chính

- Đối tượng của lịch sử kinh tế nói chung, lịch sử kinh tế Việt Nam nói riêng.
- Khái quát hoá sự phát triển của lịch sử kinh tế Việt Nam qua các thời kì: cổ đại, trung đại, cận đại, hiện đại.

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

- *Hình 22.1.* Nông dân kéo cày thay trâu
- *Hình 22.2.* Công nhân làm việc trong đồn điền cao su

Hình 22.1, 22.2 phản ánh phần nào trình độ của nền kinh tế Việt Nam dưới thời Pháp thuộc: vẫn là một nền kinh tế dựa trên sự lao động thủ công, lạc hậu, dùng sức người là chính; mặt khác phản ánh mặt trái của nền kinh tế thuộc địa: người lao động (nông dân, công nhân) bị bóc lột sức lao động đến cùng cực.

- *Hình 23.* Sản xuất rau sạch có ứng dụng công nghệ cao ở Tam Đảo (Vĩnh Phúc)
- *Hình 24*. Khu công nghệ cao ở Thành phố Hồ Chí Minh

Hình 23, 24 là minh chứng cho sự phát triển của nê'n kinh tế Việt Nam hiện nay theo định hướng của nê'nn<A ’ ’A A — nghiệp ứng d’- ’A o, sử dụng máy móc, phương tiện kĩ thuật h ản h

- *Hình 25.* Sơ đồ c ’ im: khái quát sự phát triển của nền kinh tê'A ặc trưng cơ bản của của nó.

d) Gợi ý tổ chức thí

- GV yêu cầu nhón nhóm (đã được giao từ trước), trên cơ sở khai thac ựệu sưu tầm của nhóm để tiếp tục thảo luận, thống nhất nội dung báo cáo và cử đại diện thuyết trình trước lớp. Các nhóm khác trên co sở cũnị : g S át kĩ sản phẩm của nhóm bạn, kết hợp lắng nghe phần thuyết trình, sau đó nhận xét, góp ý, bổ sung.

Nhiệm vụ của nhóm 4 m 1 ' *đ h lịch sử kinh tế Việt Nam là gì?* 2. *Dựa vào Hình 25 kết hợp I<mai thai. tnưn$_o$ ém trung érucc, éiẫy tóm tắt nét chính của lịch*
sử kinh tế Việt Nam qua các thời kì.

- Về câu hỏi 1, cần làm rõ: Đối tượng của lịch sử kinh tê' là toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các phương thức sản xuất, bao gồm cả lực lượng sản xuất (người lao động, công cụ lao động và các phương tiện sản xuất) và quan hệ sản xuất, các tư tưởng kinh tế, các tổ chức kinh tế và các sản phẩm của lao động sản xuất,...

Tìm hiểu về đời sống kinh tế sẽ giúp chúng ta hiểu biết sâu sắc hơn, đầy đủ hơn về lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông, từ đó rút ra được những bài học kinh nghiệm bổ ích cho hiện tại và tương lai.

- Về câu hỏi 2, HS nghiên cứu nội dung trong SGK và các tài liệu sưu tầm của nhóm để tìm hiểu về lịch sử kinh tế Việt Nam qua các thời kì. Ví dụ:

+ Thời kì dựng nước đầu tiên (gắn với nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc, hay còn gọi là văn minh sông Hồng). Thông qua những hiện vật tiêu biểu được phát hiện như: lưỡi cày bằng đồng, thạp đồng, chì lưới, lưỡi câu, bình gốm,... cùng các truyền thuyết lưu truyền lại

từ thời đại Hùng Vương cho biết cư dân Việt cổ đã biết tổ chức một nền nông nghiệp trồng lúa nước khá phát triển. Bên cạnh đó, họ còn làm các nghề khác như: thủ công, chài lưới - đánh bắt cá và chăn nuôi.

Cũng trong thời gian đó, nhiều sử liệu cho biết cư dân Việt cổ, cư dân Sa Huỳnh, sau này là Chăm-pa và đặc biệt là cư dân Phù Nam đã tham gia rất tích cực vào các hoạt động giao thương trên Biển Đông. Đây chính là nền tảng kinh tế rất quan trọng của những cộng đồng người Việt Nam cổ trong buổi đầu dựng nước.

+ *Thời kì Bắc thuộc và thời kì quân chủ độc lập*: Với hơn 1 000 năm Bắc thuộc và trong khoảng 9 thế kỉ của thời kì quân chủ độc lập, nền kinh tế Việt Nam truyền thống tiếp tục được củng cố và phát triển: với nền nông nghiệp trồng lúa nước, gắn liền những hệ thống công trình thuỷ lợi to lớn (hệ thống đê điều ở miền Bắc, hệ thống kênh đào ở miền Trung và hệ thống kênh rạch ở miền Nam). Thủ công nghiệp cũng đóng vai trò rất quan trọng với hàng nghìn làng nghê' thủ công (đúc đồng, gò đồng, làm gốm, dệt lụa, thêu, đan lát, chạm, khảm, nghề mộc, nghê' rèn, nghê' chế biến lương thực, thực phẩm,...) đáp ứng nhu cầu trong vùng, trong nước, đồng thời buôn bán đến nhiều nước trên thê' giới.

Hoạt động giao 'mht' nhỏ là ở các chợ làng, chợ huyện cho đến *t* *t* xuất hiện những làng buôn chuyên nghiệp hổ Tang (Vĩnh Phúc), Triều Khúc (Hà Nội đất nước Việt Nam đã xuất hiện nhiều trùn: thành Thăng Long (Kẻ Chợ) còn có nhiều cải .hanh Hà, Hội An,... thu hút thương nhân từ cát Tản, Trung Quốc, Ấn Độ, Anh, Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan,...).

Các nghề: đánh bắt th””[7] ’ s™ “ b™ ThTh *h* -n muối, thu hái những sản vật tự nhiên cũng rất phát tr ■ The . , . t (ũ h iên, sinh sống hoà hợp với thiên nhiên.

+ *Thời kì cận đại,* nê'n kTh .Thi 1 -■ X. . Ig biến đổi to lớn do tác động của quá trình thực dân hoá của người Pháp. Nhiều yếu tố của nê'n sản xuất hiện đại được du nhập vào như công nghiệp, nhất là ngành khai thác khoáng sản; thương nghiệp, nhất là thương mại quốc tế. Ngay cả những lĩnh vực sản xuất truyền thống như nông nghiệp, chăn nuôi, lâm nghiệp cũng từng bước biến đổi do việc du nhập nhiều giống cây trồng, vật nuôi và áp dụng các tiến bộ khoa học, kĩ thuật.

Bên cạnh các hình thức cũ, một số hình thức tổ chức sản xuất mới cũng xuất hiện như: các đồn điền, các công ti, xí nghiệp, hầm mỏ, công trường,... Quan trọng nhất là việc kiến tạo thành công cơ sở hạ tầng kĩ thuật mới với hơn 2 600 km đường sắt, hàng chục nghìn ki-lô-mét đường bộ, đường thuỷ vươn tới hầu hết các vùng miền với các nhà ga, bến cảng và hệ thống thông tin tương đối hiệu quả,... đã tạo điều kiện và mở đường cho quá trình hiện đại hoá của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, do chính sách bóc lột của thực dân Pháp mà những khoản lợi nhuận kếch xù đều rơi vào tay giới tư bản tài phiệt Pháp, đứng đầu là Ngân hàng Đông Dương. Trong khi đó, tuyệt đại đa số người dân Việt Nam không được thụ hưởng những thành tựu do các bước phát triển mới của nền kinh tế mang lại. Thậm chí họ

còn bị bần cùng hoá, bị đẩy vào bước đường cùng, dẫn đến cảnh chết đói hàng loạt như đã xảy ra vào cuối năm 1944, đầu năm 1945.

HS khai thác, phân tích các hình (*Hình 22.1.* Nông dân kéo cày thay trâu; *Hình 22.2.* Công nhân làm việc trong đồn điền cao su) để nhận thức rõ hơn những hạn chế, mặt trái của nền kinh tế thuộc địa thời Pháp thuộc.

+ *Thời kì hiện đại,* từ sau năm 1945, Việt Nam liên tục rơi vào hoàn cảnh chiến tranh, nền kinh tế không những không có điều kiện để phát triển bình thường mà còn bị tàn phá nghiêm trọng. Sau khi chiến tranh kết thúc, đất nước thống nhất nhưng Việt Nam tiếp tục phải đương đầu với lệnh cấm vận của Mỹ,... Những hậu quả nặng nề của chiến tranh cùng với những sai lầm chủ quan trong lựa chọn mô hình phát triển, đặc biệt là sai lầm trong phương thức tổ chức, lãnh đạo nền kinh tế đã khiến cho đất nước rơi vào khủng hoảng, đời sống nhân dân rất khó khăn.

Trong thời kì đổi mới, trên cơ sở xác định trước hết phải đổi mới tư duy kinh tế và cách thức tổ chức, vận hành nền kinh tê' quốc dân, chê' độ tập trung, quan liêu, bao cấp bị xoá bỏ từng bước, những quy[1] của kinh tê' th- *h* ■ ■ ' ừa nhận, nền kinh tế nhiều thành phần đưc khr *ỉ* Chỉ trong một thời gian ngắn, các nguồn '■ , sáng tạo của xã hội được khuyến khích, tù am đã trở thành một trong ba nước xuất kk tng ở mức cao trong nhiều năm liên tục. Tié ng nhân dân được cải thiện rõ rệt. Kinh tê' Vũ. diện vào các hệ thống kinh tế toàn cầu.

HS khai thác, phân tích các hinh trong SGK (Thùí/ỉ *23.* Sản xuất nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao ở Tarr ~ 'Th ■ The' -Ị - ■ 'ng nghệ cao ở Thành phố Hồ Chí Minh) và một số tư]_T ih _._A. _ác J Th_z r____... _ *ch* .ưng minh cho sự phát triển vượt bậc của nền kinh tê' Việt ệ

+ Cuối mục, để khái quát nod nhung m ,n muv Cua H.> cê' lịch sử kinh tế Việt Nam, GV hướng dẫn HS khai thác Hình 25 trong SGK để xây dựng trục thời gian, gắn liền với các nội dung cốt lõi thể hiện các giai đoạn phát triển của lịch sử kinh tê' Việt Nam theo cách của mình. Tham khảogợiýtheosơđồdướiđây:

Thời kì cô đại	Ihờiki trung đại	Thời kì cận đại	Thời kì hiện đại
Nền kinh tế sơ khai: kinh tế tự nhiên, nông nghiệp trồng lúa nước, giao lưu thương mại (sơ khai).	Nền kinh tế truyền thống: nông nghiệp trồng lúa nước, thủ công nghiệp, thương nghiệp (hạn chế).	Nền kinh tế thuộc địa: • Nôn g nghiệp trồng lúa nước, công nghiệp, thương nghiệp. • Yếu tổ truyền thống và yếu tố hiện đại đan xen.	Nền kinh tế hiện đại: • Trước năm 1986: từng bước xây dựng nền kinh tê xã hội chủ nghĩa. • Từ năm 1986 đến nay: chuyển từ mô hình kinh tê kế hoạch hoá tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tê nhiều thành phần, mở, năng động hơn.

Yêu cầu cần đạt: HS tích cực tham gia các hoạt động học tập, biết khai thác nội dung SGK và tài liệu tham khảo để tạo được một sản phẩm (thể hiện trên giấy hoặc file trình chiếu PowerPoint,...) cho thấy nét chính, đặc trưng của lịch sử kinh tế Việt Nam qua các thời kì; biết sử dụng các ví dụ để phân tích, minh hoạ, làm sáng tỏ các nét đặc trưng nổi bật của từng thời kì đó.

C. LUYỆN TẬP

Câu 1. Lập bảng thống kê những hình thức trình bày lịch sử và nêu ví dụ cụ thể.

Câu 2. Tại sao thông sử lại là hình thức trình bày lịch sử phổ biến nhất?

Câu 3. Em hãy cùng nhóm bạn tìm hiểu và giới thiệu về một bộ thông sử Việt Nam hoặc thế giới.

Câu 4. Hãy thể hiện nét chính của lịch sử Việt Nam theo các lĩnh vực (văn hoá, tư tưởng, xã hội, kinh tế,...) trên trục thời gian.

a) Năng lực cần hình thành

HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có vào việc giải quyết bài tập nhận thức, thông qua đó củng cố kĩ n [14]ch sử ch" ít triển năng lực nhận thức và tư duy lịch SI

b) Gợi ý tổ chức i

Đây là những Cí dẫn HS thực hiện bài luyện tập tại lớp.

Câu 1, 2. HS vận quyết được yêu cầu của 2 câu hỏi này. GV cần a) những hỗ trợ kịp thời, cũng như kiểm tra, đánh

Câu 3. GV hướng dẫn cá nhân/nhóm HS lựa chọn một dối tượng mà các em quan tâm nhất để tìm hiểu, đó có ử i J ỊỈ < > . i I *o* lệt Nam hoặc thế giới. Bám sát yêu cầu và gợi ý trong bai Lap "ày. Bai Lar véu cau 1" " viec nhóm, tuy nhiên, GV cũng có thể khuyến khích các em có khả năng làm việc cá nhân.

Câu 4. GV định hướng: mồi lĩnh vực Ho lặp một trục thời gian tương ứng với từng giai đoạn, mốc thời gian cụ thể và thể hiện các nội dung cô đọng nhất, phù hợp với từng giai đoạn đó. Sau khi hoàn thành, một vài HS có thể dựa vào sản phẩm của mình để thuyết minh một cách khái quát về sự phát triển từng lĩnh vực trong lịch sử Việt Nam. Các HS khác nhận xét, bổ sung. Cuối cùng, GV cần nhận xét, đánh giá.

Yêu cầu cần đạt: HS biết vận dụng những kiến thức đã có để giải quyết các yêu cầu khác nhau của bài tập. Với mỗi dạng bài tập khác nhau, HS/nhóm HS cần sử dụng kiến thức và kĩ năng phù hợp để giải quyết yêu cầu đề bài một cách tối ưu.

D. VẬN DỤNG

Câu 1. Thu thập sử liệu và trình bày một vấn đề của lịch sử Việt Nam theo một trong số các lĩnh vực chuyên biệt: văn hoá, tư tưởng, xã hội, kinh tế.

Câu 2. Giả sử lớp em được giao nhiệm vụ tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của ngôi trường các em đang học tập. Hãy cùng thảo luận và xác định một số vấn đề sau đây và báo cáo trước lớp.

- Em sẽ lựa chọn triển khai nhiệm vụ nghiên cứu này theo hình thức nào: Theo thông sử hay theo lĩnh vực?
- Đối tượng, phạm vi của vấn đề nghiên cứu là gì?
- Nội dung cơ bản của vấn đề nghiên cứu.
- Hoàn thiện kết quả và báo cáo trước lớp.

a) Năng lực cần hình thành

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó, HS được rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử suốt đời cho HS.

b) Gợi ý tổ chức thực hiện

- Nhiệm vụ này GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp. GV định hướng cá nhân/nhóm HS cần biết vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ và nộp báo cáo để trao đổĩ/Thĩa sê và đánh giá vào thời đĩpTh tmng kế hoạch dạy học Chuyên đề 1 của GV.
- **Câu 1**. HS lựacl 1' immà HS quan tâm, hay có hứng thú để til HS dựa vào kết quả của mỗi hoạt động the .1 phẩm tạo ra cần có sự kết hợp giữa nội du ;c bổ sung những nội dung phân tích, minh h ng có thể lựa chọn một trong các giai đoạn phát ti. dắc nhất, để có sự đầu tư tìm hiểu chuyên sâu hon, góp phân rèn luyện năng lực tự tìm hiểu, nghiên cứu về một vấn đề lịch sử.
- **Câu 2**. Trước tiên, G\ . xxhui, ...111. ụ,c yêu cầu đề bài để xác định được chính xác nội dung cẩn , *rí* s ■ ng các em đang học tập. HS cần bám sát yêu cầu/câu hỏi gợi y trong bai ự.p nhu: Irinn Day bài báo cáo theo hình thức nào? Đối tượng, phạm vi cẩn nghiên cứu là gì? Nội dung nghiên cứu là gì?,... HS hoàn toàn có thể thực hiện được nhiệm vụ và tạo ra bài giới thiệu theo đúng yêu cầu được giao.

Yêu cầu cần đạt: HS biết lựa chọn đối tượng tìm hiểu phù hợp, biết sưu tầm tư liệu để tạo ra một sản phẩm (bài báo cáo/dàn ý tìm hiểu ở mức độ đơn giản) về ngôi trường mà HS đang theo học trong quá khứ, về cuốn sách mà HS tâm đắc,. Từ đó, các em có cơ hội để bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của mình về đối tượng lịch sử mà các em lựa chọn giới thiệu.

Hơn nữa, các em hoàn toàn có thể vận dụng được những gì đã học được trong bài này vào cuộc sống của mình ngày hôm nay: luôn thử tìm hiểu các vấn đề từ những góc nhìn khác nhau; luôn đánh giá, phân tích các vấn đề dựa trên những nguồn thông tin đáng tin cậy; luôn luôn cảnh giác với những sai sót do thiếu thông tin hoặc do cách nhìn nhận phiến diện hay suy nghĩ chủ quan đưa lại...

CHUYÊN ĐỀ 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM (15 tiết)

If MỤC TIÊU

Thông qua chuyên đề này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Giải thích được khái niệm di sản văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá; nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá.
- Phân tích được mục đích, ý nghĩa của việc phân loại, xếp hạng di sản văn hoá; mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.
- Nêu được một số giải pháp để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá; xác định được trách nhiệm của các bên liên quan và của bản thân trong việc tham gia các hoạt động bảo tồn, phát huy giá '$^{4i\ b}$oá.
- Xác định được 'in V' giới thiệu được nét cơ bản về một số các di

2. Về năng lực

- Biết cách sưu t á, đặc biệt là di sản văn hoá ở địa phương;
- Biết vận dụng Cx m về lợi ích của công tác bảo tồn di sản văn hoá.

3. Về phẩm chất

Có ý thức, trách nhiệ in X $_{o}$ óig$_{u\pm}$,y.r Ig .gười khác tham gia vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản ở địa phương và đất nước.

II THIẾT BỊDẠYHỌCVÀHỌCLIỆU

1. Giáo viên

- Tư liệu lịch sử:

+ Các hình ảnh, tư liệu về di sản văn hoá (đã có trong nội dung chuyên đề, có thể phóng to qua máy chiếu).

+ Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu về di sản văn hoá, đặc biệt là các di sản văn hoá ở địa phương (công trình kiến trúc, tác phẩm văn học, lễ hội,...).

- Phiếu học tập cho HS: dùng để trả lời các câu hỏi thảo luận, giúp HS tự khám phá, tìm hiểu và nhận thức lịch sử. Trên cơ sở các phiếu học tập cá nhân, các nhóm xây dựng thành kết quả thảo luận chung của cả nhóm để trình bày trước lớp. GV có thể thu thập phiếu thu hoạch cá nhân và thu hoạch chung của nhóm để đánh giá thường xuyên trong suốt tiến trình dạy học.

2. Học sinh

- SGK.
- Tư liệu hình ảnh về di sản văn hoá ở địa phương theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

- GV cần bám sát yêu cầu cần đạt trong Chương trình, dựa vào nội dung biên soạn trong *Chuyên đề học tập Lịch sử 10* để tổ chức các hoạt động dạy học nhằm hình thành những kiến thức cơ bản, cũng như phát triển năng lực và bồi dưỡng phẩm chất cho HS.
- GV cần khắc phục lối truyền thụ một chiều (GV giảng/nói, HS nghe, ghi chép lại như trước đây); cần linh hoạt lựa chọn và tổ chức các hoạt động học tập phù hợp với HS như: khai thác tư liệu, làm việc cá nhân/thảo luận nhóm, thuyết trình, báo cáo kết quả trước lớp, nhận xét, nêu ý kiến, phản biện,... Thông qua đó, góp phần từng bước hình thành các năng lực môn học cho HS.
- Trong chuyên đề, sử dụng nhiều tư liệu, hình ảnh và hê thống các câu hỏi, yêu cầu để HS làm việc với tư ; ■ "ông để hai thác nội dung có trong tư liệu, từ đó có ch
- Dựa vào các ví d ũ vật thể, di sản thiên nhiên của quốc gia và t 1 chứng, ví dụ của địa phương để tăng tính liê 5p phần giáo dục lòng tự hào và liên hệ trách n .1. Đó cũng là mục tiêu hướng tới, thể hiện thông -11 ộc sống".
- Chuyên đề có thời lnọ-$_t$, $_w$. ,-ig dành cho từng nội dung trong chuyên đề không có auv ^{4i}nh bắt ^{k}"ôc, GV có thể tự ^'ivết định thời gian dành cho các mục. Mặt khác, đây là (11 đ Ví t ,gj < y GV cần căn cứ vào tình hình thực tế địa phương, trườn ạ ■ '<n b"c ơ? -ậv dpn r ' ~ G'-'ch và lựa chọn hình thức và phương pháp dạy học phù hợ . LỌ ... ờ $_r$ I lớp và dạy học tại thực địa (thông qua tham quan, trải nghiệm tại di sản ván hoá, di sản thiên nhiên, bảo tàng,...) hoặc sử dụng công nghệ, cũng như khai thác các sản phẩm là thành tựu công nghệ trong nghiên cứu và dạy học lịch sử (xem phim, video clip, tham quan bảo tàng ảo,...) để tăng tính trải nghiệm cho chuyên đề.

IV GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

A. MỞ ĐẦU BÀI HỌC

- GV cho HS quan sát hình ảnh trong buổi lễ khai mạc Phe-xti-van được tổ chức tại Huế năm 2018 và giới thiệu đây là một hoạt động rất quan trọng đối với địa phương này từ năm 2000 và sau đó được tổ chức hai năm một lần vào năm chẵn. GV đặt câu hỏi để HS trả lời: *Em biết thêm thông tin gì về sự kiện này?*
- GV hướng dẫn HS thảo luận, có thể theo nhóm (bàn học), hoặc nhóm đôi để trả lời nhanh các câu hỏi. HS có thể trả lời ở các mức độ khác nhau: địa điểm, thời gian diễn ra;

có những hoạt động văn hoá đặc sắc gì? ấn tượng của em về sự kiện đó là gì,.? Mỗi HS tuỳ theo hiểu biết và trải nghiệm của mình mà có những câu trả lời khác nhau. Điều quan trọng là GV tạo được không khí học tập và tâm thế sẵn sàng tìm hiểu bài học cho HS.

- GV dẫn dắt vào bài: *Vậy các em có biết di sản văn hoá là gì? Việt Nam có những loại hình di sản nào và chúng được xếp hạng ra sao? Bảo tồn như thế nào?...* Chúng ta sẽ tìm hiểu trong chuyên đề này.

- GV có thể sử dụng bất kì hình ảnh về một di sản trong SGK hoặc sưu tầm để dẫn dắt vào bài mới, miễn sao đạt được mục đích của phần này là tạo tâm thế sẵn sàng tìm hiểu bài học mới của HS.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Mục I. Di sảnvănhoá

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm di sản văn hoá

a) Năng lực cần hình thành

- HS hiểu được [illegible] ệm di sản văn hoá.
- HS nhận thức [illegible]

b) Nội dung chír.

- Hiện nay, con[illegible]m di sản văn hoá. Tựu trung lại, có thể hiểu; [illegible] tinh thần do một cộng đồng người sáng tạo, [illegible] được lưu truyền từ thế hệ trước cho thế hệ sau.

- Di sản văn hoá có ý ngtiid Idi quan uụug; lạn nen gm ưỊ cộng đồng; tạo ra sinh kế cho cá nhân/cộng đồng; thúc 'Â b'"‘’ oè“ "ât qr~~ "ng góp vào quá trình bảo vệ môi trường;...

c) Gợi ý tổ chức thực hiện

- GV đặt câu hỏi định hướng HS: *Em hiểu thế nào là di sản văn hoá?*

GV có thể gọi một số HS trả lời câu hỏi theo hiểu biết của mình và khuyến khích các em lấy ví dụ về di sản văn hoá. Mỗi HS sẽ đưa ra những ý kiến, quan điểm khác nhau về di sản văn hoá. Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và hướng dẫn các em đọc thông tin mục a để hiểu được chính xác hơn khái niệm di sản văn hoá.

GV cần nhấn mạnh để HS hiểu: hiện nay, có nhiều khái niệm/quan điểm khác nhau về khái niệm di sản văn hoá. GV hướng dẫn HS đọc kĩ SGK và chú ý những từ khoá: “giá trị vật chất”, “giá trị tinh thần”, “lưu truyền”, “cộng đồng” để giúp các em nhận thức đúng về khái niệm
“di sản văn hoá”.

- GV đặt câu hỏi tiếp theo: *Vậy di sản văn hoá có ý nghĩa gì? Lấy ví dụ chứng minh cho các ý nghĩa đó.*

GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong mục b để nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá. Di sản văn hoá có nhiều ý nghĩa, trong đó GV nhấn mạnh HS cần nắm được một số ý nghĩa: là tài sản vô giá của cộng đồng dân tộc, của quốc gia tạo nên giá trị cốt lõi, đặc sắc

của mỗi dân tộc; tạo sinh kế cho cá nhân và cộng đồng, là một trong những nguồn lực phát triển đất nước; thúc đẩy hoà bình, đoàn kết quốc tế thông qua hoạt động giao lưu văn hoá và tôn trọng tính đa dạng,...

Yêu cầu cần đạt: Thông qua việc khai thác thông tin trong SGK, HS nắm được khái niệm về di sản văn hoá. Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của di sản văn hoá với dân tộc trong quá khứ và hiện tại.

Hoạt động 2. Tìm hiểu về phân loại di sản văn hoá và xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá

a) Năng lực cần hình thành

- HS biết được một số cách phân loại di sản văn hoá. Đồng thời hiểu được mục đích, ý nghĩa của việc phân loại di sản.
- Hiểu được mục đích, ý nghĩa của việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá.

^ Hình thành và nâng cao năng lực tìm hiểu, nhận thức vê' di sản văn hoá ở Việt Nam.

b) Nội dung chính

- Có nhiều cách phân loại di sản văn hoá như:

+ Phân loại theo 1 ’'U cầ' ù loại di sản văn hoá là di sản văn hoá vật cl d

+ Phân loại theo 1 i sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi \ . *LDỊt Di sản văn hoá Việt Nam* năm 2001.

- Xếp hạng di tích. Không xếp hạng di sản phi vật thể.

+ Mục đích, ý nghĩa của việc phân loại di sản văn hoá.

+ Mục đích, ý nghĩa và ’. ti[A] L lê’ [A]' ' Lĩ ’■ 1' ’‘-.h sử-văn hoá.

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

- *Hình 3*. Nhà cổ Đường . I; là I những căn nhà có kiến trúc cổ kính nhất ở Đường Lâm - 5ơn ’tay -Hà X-ÍỘ1. Vơi niên đại xây dựng khoảng 300năm, ngôi nhà được xem là một trong số ít những biểu tượng còn lại của làng cổ Đường Lâm vì vẫn giữ nguyên vẹn kiến trúc, vật liệu của người xưa để lại như: khung gỗ, ngói đỏ, vách đất, nền đá nung,...
- *Hình 4*. Biểu diễn Hát Then (Cao Bằng): Hát Then là loại hình văn hoá nghệ thuật độc đáo của các dân tộc Tày, Nùng, Thái ở nhiều địa phương như: Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Điện Biên, Lai Châu,... Trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, hát Then ở các địa phương nói chung và Cao Bằng nói riêng vẫn có sức sống trường tồn, lan toả trong đời sống tinh thần các dân tộc, làm nên giá trị văn hoá đặc sắc.
- *Hình 5*. Đền Thượng - Khu di tích Cổ Loa (Hà Nội): Đền Thượng (còn gọi là đền An Dương Vương) được xây dựng năm 1687, sửa lại năm 1689, là một trong những di tích quan trọng nhất trong quần thể Khu di tích lịch sử Cổ Loa (Đông Anh - Hà Nội). Đền được xây dựng trên một quả đồi xưa có cung thất của vua. Cửa đền có hai con rồng đá uốn khúc, tay vuốt râu, mang đặc trưng của nghệ thuật điêu khắc thời Lê.

- *Hình 6. Áo* Tế giao được các vua triều Nguyễn mặc trong lễ tế ngày đầu năm mới. Áo màu xanh đen, dài 117 cm, tà áo rộng 98 cm; hai cánh tay và vạt trước được thêu hình rồng năm móng tinh xảo; thân áo thêu hình Mặt Trời, Mặt Trăng, các vì tinh tú, mây, núi, sóng nước,... Mỗi năm, vua chỉ mặc áo này một lần trong dịp tế lễ. Chiếc áo không chỉ là trang phục mà còn là biểu trưng cho quyền lực của các vị vua. Áo Tế giao được truyền qua các đời vua Nguyễn và là một trong số ít hiện vật độc bản của triều Nguyễn, được Thủ tướng Chính phủ kí quyết định công nhận Bảo vật quốc gia năm 2016.

- *Hình 7*. Biểu diễn Đờn ca tài tử Nam Bộ. Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ (còn gọi là Đờn ca tài tử) là loại hình nghệ thuật dân gian đặc trưng của Việt Nam, được hình thành và phát triển từ cuối thế kỉ XIX. Hiện nay, Đờn ca tài tử được thực hành tại 21 tỉnh thành phía Nam. Năm 2013, Đờn ca tài tử Nam Bộ đã được ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

- *Hình 8*. Đình làng La Hà (Quảng Bình) - Di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh. Đình thuộc thôn La Hà, xã Quản" Văn thi vì B_a Đồn, tỉnh Qu^n" $^{T>s}$-^{K} !à nơi thờ tự những vị thần tổ khai khẩn lậ ng CC lên đình có thêm khu Văn miếu để thờ và 1 - m vị Tiến sĩ, Phó bảng đỗ đạt qua các kì thi rọc vấn khoa bảng của các thế hệ con cháu (. ig thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đình làng đ , tập hợp lực lượng dân quân, du kích và là tri 3, đình làng La Hà được Uỷ ban nhân dân tỉnh Qiu. , an hoá cấp tỉnh. Năm 2016, đình được trùng tu, tôn tạo khang trang như hiện nay.

- *Hình 9*. Nhà hát Th; r J >] \j .. â; mh kiến trúc đặc biệt, mang đậm dấu ấn, phong cách kiên trú - Cô-tích t^{v} n h hành ^{2}’ ^{J}hár> thế kỉ XIX. Nhà hát được khởi công xây dựng năm 1898 và) . tl ì . - . ởi chính quyền Pháp.

- *Hình 10*. Nhà sàn Bác Hồ trong Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch (Hà Nội) - Di tích quốc gia đặc biệt. Quần thể di tích này đã trở thành khu tưởng niệm quan trọng liên quan đến 15 năm sống và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (từ tháng 12 - 1954 đến tháng 9 - 1969). Nơi đây có nhiều công trình di tích gắn với Chủ tịch Hồ Chí Minh như: Nhà 54, Nhà sàn, Phòng họp Bộ Chính trị, Đường Xoài,.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

+ *Phân loại di sản văn hoá*

+ Với nội dung lí thuyết về khái niệm di sản văn hoá học ở mục trước, GV hướng dẫn HS tìm hiểu về cách phân loại di sản văn hoá cũng như mục đích, ý nghĩa của việc phân loại này. GV nêu câu hỏi: *Di sản văn hoá gồm những loại hình nào?*

+ GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong Bảng 1. Phân loại di sản văn hóa (tr. 24 - 25, SGK) để biết được một số cách phân loại di sản văn hoá cơ bản. Đây là hai trong nhiều cách/quan điểm phân loại khác nhau và được nhiều người thừa nhận.

+ GV cần lưu ý HS: thực tế không phải lúc nào cũng phân biệt được một cách rạch ròi các di sản thuộc loại hình này hay loại hình kia. Có nhiều di sản mang trong nó nhiều giá trị cả vật chất lẫn tinh thần, cả vật thể lẫn phi vật thể.

+ Để HS hình dung và hiểu rõ hơn về việc phân loại di sản, GV đặt câu hỏi khai thác hình trong SGK: *Dựa vào cách phân loại trên và quan sát các hình 3,4, 5, 6, 7* (*tr. 25 - 26, SGK*
hoặc hình ảnh các di sản tại địa phương do GV tự sưu tầm và phân loại), *em hãy cho biết hình nào phản ánh di sản văn hoá phi vật thể, hình nào phản ánh di sản văn hoá vật thể.* GV có thể cho HS hoạt động cá nhân hoặc chia thành các nhóm (4 đến 6 nhóm tuỳ sĩ số lớp nhưng mỗi nhóm không quá 10 người) để HS thảo luận.

+ GV hướng dẫn HS/nhóm HS căn cứ theo cách phân loại thứ hai - phân loại theo hình thái biểu hiện của di sản để trả lời câu hỏi. Sau khi thảo luận, các nhóm cử một thành viên đại diện lên bảng ghi kết quả. GV nhận xét đáp án của các nhóm và chốt lại các phương án đúng. GV có thể sưu tầm thêm tranh, ảnh, video,... vê' các loại hình di sản khác nhau để HS quan sát và tìm hiểu tại lớp.

- Tiếp theo, GVh ■" ^{b}ĩểumụcđ^{ír}'' ;phân loại di sản văn hoá bằng cách nêu câu '~hi *isả di sản văn hoá.*

Sau khi HS trả lời được:

+ Mục đích của p ĩ thác tốt hơn giá trị của di sản.

+ Ý nghĩa của phâj háp và có thái độ ứng xử đúng đắn với từng loạ .uy giá trị di sản tốt hơn.

+ *Xếp hạng di tích lịch* i..

+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu mục đích, *h* nghĩa của việc xếp hạng di tích và các cấp xếp hạng di tích ở Việt Nam. G'' < J Jp :)a V . o L liệu hình ảnh,... để rút ra nhận thức.

+ Trước khi tìm hiểu các I. . ó c vănhoá,GV hướng dẫn HS tìm hiểu mục đích, ý nghĩa của việc xếp hạng ulông qua việc nêu vấn để: *Phân tích mục đích, ý nghĩa của việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá.* HS đọc thông tin mục b (tr. 26, SGK) để trả lời câu hỏi.

+ GV nhận xét phần trả lời của HS, chốt lại những điểm chính: Xếp hạng di tích nhằm xác lập cơ sở pháp lí bảo vệ di tích (di tích được nhà nước bảo vệ bằng pháp luật); xác định trách nhiệm của từng cấp trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, đồng thời đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân; tạo điều kiện để nhân dân, cá nhân, tổ chức tham gia vào công tác xã hội hoá bảo tồn và phát huy giá trị di tích, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và cả nước.

- GV mở rộng kiến thức cho HS: cần hiểu đúng về chủ sở hữu và "cấp" của di sản văn hoá phi vật thể. Di sản văn hoá phi vật thể thuộc về cộng đồng và chỉ thuộc về cộng đồng, không thuộc về nhà nước hay thế giới. Công ước năm 2003 của UNESCO bác bỏ việc xếp hạng các di sản văn hoá phi vật thể thành một hệ thống thứ bậc, phân chia cao - thấp. Tất cả di sản văn hoá phi vật thể đều bình đẳng vì di sản văn hoá phi vật thể nào cũng đều có

giá trị đối với cộng đồng, nhóm người, cá nhân sáng tạo ra chúng. Do đó, không có việc "phong cấp" hay "xếp hạng" cho di sản văn hoá phi vật thể cấp tỉnh, cấp quốc gia, cấp thế giới. Tuy nhiên, ở cấp độ quốc gia, Nhà nước ta đã tiến hành kiểm kê và lập hồ sơ khoa học các di sản văn hoá phi vật thể, nhằm nắm bắt thông tin, tình trạng di sản để thuận tiện cho việc quản lí và có biện pháp bảo tồn, phát huy phù hợp. Ở cấp độ thế giới, các di sản đủ tiêu chuẩn sẽ được tổ chức ghi danh vào danh sách Di sản văn hoá phi vật thể thế giới, nhằm ghi nhận và tôn vinh những giá trị di sản văn hoá của các cộng đồng dân tộc trên thế giới.

- Nội dung các cách phân loại di sản, GV cho HS tìm hiểu trước ở nhà về các di tích trong SGK như: Đình La Hà (Quảng Bình), Nhà hát Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà sàn Bác Hồ trong Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch (Hà Nội), hoặc các di tích tại địa phương theo định hướng của GV. Sau khi HS được tìm hiểu trước ở nhà các thông tin liên quan đến di tích, trên lớp GV hướng dẫn HS phân tích giá trị của các di tích nói trên và xếp hạng các di tích này theo ba cấp khác nhau. Tại sao di tích này lại được xếp hạng ở cấp cao hơn di tích kia? GV có thể chia lớp thành 3-6 nhóm, tuỳ sĩ số (mỗi nhóm không quá 10 HS). Nếu chia lớp thành 6 nhóm thì 2 nhóm có cùng nhiệm vụ:

+ Nhiệm vụ 1:ᵀ La t số thông tin cần tìm hiểu: Di tích này ở đ ' ụt của di tích là gì? Di tích được xếp hạng r

+ Nhiệm vụ 2: T ột số thông tin cần tìm hiểu: Di tích được xâ là gì? Di tích được xếp hạng năm nào?

+ Nhiệm vụ3:Tìmtu<. _ -1 tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch (Hà Nội). Môt cố thônơ tin cẩn tìm hiểu: Dĩ tích được xây dựng từ khi nào? Di tích này có giá trị đặc biệt gì? Di tích được xếp hạng năm nào?

GV gọi một HS đại diện nưc I I.ên trìn h 'đá" á '! "ỳ theo cách chia nhóm, GV có thể yêu cầu lần lượt các nhóm lêr. ₗ' . >à „ . T ,1 bảng viết đáp án.

Yêu cầu cần đạt:

- HS nhận diện được các loại hình di sản văn hoá theo một số cách phân loại khác nhau.
- Trên cơ sở khai thác các nguồn tư liệu, HS biết được các cấp xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá, giải thích được tại sao phải xếp hạng di tích, tại sao không xếp hạng di sản văn hoá phi vật thể.

Mục II. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá

Hoạt động 3. Tìm hiểu mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá

a) Năng lực cần hình thành

- HS hiểu được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá.
- HS hiểu được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.
- HS nhận thức được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và có khả năng vận dụng để góp phần vào công tác bảo tồn, phát huy giá trị di săn văn hoá ở địa phương.

b) Nội dung chính

- Hiểu theo nghĩa chung nhất thì bảo tồn là bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có của nó.
- Phát huy giá trị di sản là những hành động nhằm đưa di sản văn hoá vào trong thực tiễn xã hội, biến nó thành nội lực, tiềm năng để góp phần phát triển xã hội, mang lại những lợi ích vật chất và tinh thần cho con người, thể hiện tính mục tiêu của văn hoá đối với sự phát triển của xã hội.
- Giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá có mối quan hệ mật thiết. Bảo tồn chính là nền tảng để phát huy giá trị di sản văn hoá.

c) Gợi ý một số hình thức tổ chức dạy học

- *Khái niệm bảo tồn di sản văn hoá*
- GV giúp HS tìm hiểu 2 nội dung: nêu được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá và hiểu được thế nào là phát huy giá trị di sản văn hoá.
- GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong mục a để hiểu được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá: là bảo vệ, ’■ và những í"" *ạ* eo dạng thức vốn có của nó. Phát huy di sản ằm trong thực tiễn xã hội.
- *Mối quan hệ giữ*

Để HS hiểu và ph; và phát huy giá trị di sản. GV đặt câu hỏi dị] *ổn và phát huy giá trị di sản văn hoá*. *Lấy ví c*

- GV hướng dẫn 1 .ời câu hỏi. Để hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa u $_{t}$ eu cầu HS lấy một số dẫn chứng để chứng minh. GV gợi ý HS có thể lấy ví dụ vê' việc bảo tồn và phát huy giá trị các loại di sản văn hoá như: d < m ' it *n* ' dx Toàng thành Thăng Long, Thánh địa Mỹ Sơn,...), di sản von Ì1. *A* prn vạt di^ (liauXocn ■ hu tnQ, Nhã nhạc cung đình Huế,
Nghệ thuật Bài Chòi Trung B Ị o ■ êng Tây Nguyên,...).
- GV nhấn mạnh để HS hiểu: Gnínn bới di sản tuõn cnịu sự tác động của nhiều yếu tố nên không thể bảo tồn di sản một cách thụ động mà cần có những biện pháp quản lí đồng bộ, chủ động để giúp di sản tồn tại trước những thách thức ngày càng lớn.

Yêu cầu cần đạt: HS giải thích khái niệm bảo tồn văn hoá. Dựa vào thông tin trong SGK, HS biết cách phân tích để thấy được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. Lấy được ví dụ minh hoạ cho nội dung bài học.

Hoạt động 4. Tìm hiểu các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản

a) Năng lực cần hình thành

HS trình bày được những cơ sở của công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản, từ đó nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản phù hợp.

b) Nội dung chính

Hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản cần dựa trên nhiều cơ sở khoa học, như: cần xác định được giá trị của di sản (giá trị lịch sử, văn hoá, giáo dục, kinh tế,.); dựa trên

các quan niệm, nhận thức, tiêu chí chuẩn mực về bảo tồn được quy định trong các văn bản pháp quy của Nhà nước như Luật Di sản văn hoá, Nghị định của Chính phủ.

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

- *Hình 11* và mục *Em có biết*?: Trường hợp di sản ThThung lũng En-bơ thuộc tỉnh Đre-xđen
(Đức) bị tước danh hiệu Di sản thế giới vì đã xây dựng cây cầu bắc ngang qua sông, làm hỏng cảnh quan của di sản này. Sự thay đổi đó là tiêu cực bởi nó đã làm "biến dạng" và làm mất giá trị của di sản này.

d) Gợi ý một số hình thức tổ chức dạy học

- *Cơ sở khoa học của bảo tồn, phát huy giá trị di sản*
- GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong SGK (tr. 28 - 29), thảo luận về cơ sở khoa học của việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản.
- GV nhấn mạnh vê' việc cần phải xác định đầy đủ giá trị của đối tượng cần bảo tồn. Giá trị đó được xác định trên cơ sở khoa học vững chắc là những nhận thức, tiêu chí, chuẩn mực trong lí thuyết chuyên ngành hay quy định trong công ước quốc tế. Tuỳ vào đặc điểm, tính chất, tình trạng, vai tỉ ' có quan " tổn phù hợp.
- GV đặt câu h< • c' *>a học nào không được tuân thủ trong quá tr*

+ GV có thể tổ (uận và đưa ra phương án. Sau đó, các nhói Th. GV lưu ý HS tham khảo thêm thông tin Thung lũng En-bơ cũng như mặt trái của việc. . con sông En-bơ. Từ đó, HS có cơ sở để lí giải cho . _. *,á* trong quá trình bảo tồn di sản Thung lũng En-bơ.

- GV nhận xét vê' các 1 1 Ả I . Th . !g lũng En-bơ gồm quần thể các cung điện, nhà thờ, nha nar c - kien true s ơ rrunr '•~m thanh phố E)re-xđen. Việc thành phố này xây dựng chiếc cầu t : s . C ' cáo của các chuyên gia) đã gây tác động nghiêm trọng và ảnh hưởng tới sự Loàn vẹn, tính nguyên trạng,... của di sản, khiến Thung lũng En-bơ không còn đủ tiêu chuẩn trở thành di sản thê' giới. Đây là một trong những minh chứng cho việc di sản văn hoá không được bảo tồn, phát huy giá trị đúng cách.
- *Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản*
- GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong SGK (tr. 29) để giúp các em nhận diện được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị của di sản. GV đặt câu hỏi định hướng: *Nêu một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.*
- GV nhấn mạnh một số nội dung HS cần nắm vững, đó là: *tuyên truyền, giáo dục* ý thức bảo tồn di sản; đầu tư cơ sở vật chất cho việc nghiên cứu, khảo sát di sản, nâng cao chất lượng quản lí di sản; tăng cường các biện pháp bảo vệ di sản như: năng lực tổ chức quản lí, xã hội hoá công tác bảo tồn, xử lí kịp thời những vi phạm,...

Yêu cầu cần đạt:

- HS có kĩ năng tìm kiếm, khai thác nguồn tư liệu.
- Trình bày được cơ sở khoa học của bảo tồn và các giải pháp của công tác bảo tồn.

- Có khả năng vận dụng kiến thức vào cuộc sống bằng cách góp phần tham gia bảo tồn di sản ở địa phương.

Hoạt động 5. Tìm hiểu vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan

a) Năng lực cần hình thành

- HS trình bày được vai trò của các bên liên quan trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của di sản: hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, công dân.

- HS nêu và phân tích được trách nhiệm của các chủ thể trong bảo tồn và phát huy giá trị của di sản: Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng, công dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

b) Nội dung chính

- Về vai trò: *Hệ thống c)ídO* tri (tạo khuôn khổ pháp lí, quản lí di sản văn hoá,...); *doanh nghiệp* (cung cấp vốn, nguồn lực,.); *cộng đồng dấn ư* (là chủ thể, đóng vai trò then chốt); *công dân* (trực tiếp tham gia bảo vệ, bảo tồn di sản).

- Về trách nhiệm:' '-ThhcácvănTh ■ ' ilídi sản,.); *tổ chức xã hội (*quản lí di sản tì ' ny ;ản); *nhà trường* (đào tạo, nâng cao nhận thí thông qua hoạt động giáo dục,.); *cộng đồn* íngbá các di sản,.); *công dân* (chấp hành 1 lát huy giá trị di sản, sẵn sàng đóng góp và V

c) Giới thiệu về tư Hẹ.

- *Hình 14.* Biểu diễn Ha_L. , , .Ạ) Hát Xoan của các em HS Tiểu học và THCS biểu diễn 1ỈX ^{v}oan ta’^{T} ’ên hoan trình diTh Hát Xoan ba thế hệ ở Việt Trì (Phú Thọ). Đây là một di s< ’ T IC Ịt : S Ị (ỆtNamđã được ghi danh.

Việc truyền dạy, đưa Hát Xo;'” ‘ro”'.' ”^{b} I■••'■('r' ' ’ -V ‘rong các giải pháp thuộc hệ thống giải pháp tổng thể nhằm ; , n , p ì sản Hát Xoan một cách bền vững của chính quyền các cấp và nhân dân các tỉnh có di sản. Việc Hát Xoan được đưa ra khỏi danh sách di sản văn hoá phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp là minh chứng cho sự thành công của công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Trong đó, Nhà nước, cộng đồng,... đóng vai trò rất quan trọng.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

- GV dẫn dắt kết hợp giải thích để HS hiểu được công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá cần có vai trò, trách nhiệm của nhiều bên liên quan.

- Để giúp HS tìm hiểu về vai trò của các bên liên quan trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản, GV nêu câu hỏi: *Giải thích vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân*
cư và mỗi cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.

HS khai thác thông tin trong sơ đồ Hình 13 (tr. 30, SGK) để trả lời câu hỏi. Các em cần nắm được: mỗi cá nhân, tổ chức có những vai trò khác nhau và đều rất quan trọng đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.

- Để tìm hiểu về trách nhiệm của các bên, GV đặt câu hỏi và hướng dẫn HS khai thác thông tin mục b (tr. 30 - 31, SGK) để trả lời câu hỏi.

+ Để gắn vấn đề với thực tiễn, giúp HS hiểu rõ hơn về trách nhiệm của các bên, GV đặt câu hỏi liên quan đến một di sản cụ thể là Hát Xoan - Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại đã được ghi danh: *Thông qua sự kiện ghi danh Hát Xoan Phú Thọ là Di sản văn hoá*

phi vật thể đại diện của nhân loại, hãy cho biết trách nhiệm của các bên liên quan (Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng,...) trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

+ GV hướng dẫn HS quan sát Hình 14 (tr. 31, SGK) và thông tin bên cạnh để trả lời câu hỏi 2 của mục b. Sau khi HS trình bày các ý kiến, quan điểm cá nhân, GV nhấn mạnh: để bảo tồn và phát huy giá trị của di sản Hát Xoan, cần có sự chung tay vào cuộc của nhiều bên liên quan. Mỗi bên sẽ có một vai trò khác nhau, đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản, song để phát huy được cao nhất những giá trị của di sản Hát Xoan, cần phối hợp đồng bộ từ các bên: Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng, cá nhân,...

Yêu cầu cần đạt:

- HS trình bày c ' nlr
- Hiểu, nhận th ■ rong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sả

Mục III. Một số

Hoạt động 6. Tít

a) Năng lực cần hít.

- HS biết được một sô cu oan van nna pin vại mv nvn Ưlếu và những nét chính về các di sản đó.
- HS xác định được c i n 1] 1 ■ ti ì' ■ I trên bản đồ Việt Nam.

b) Nội dung chính

- Các di sản văn hoá phi v ặv diẻ Pnản ai 1_4uá niini x_1U_1 ở lâu dài và đời sống tinh thần phong phú của các cộng đồng trên đất nước Việt Nam.
- Ba di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu của Việt Nam được ghi danh đại diện cho vùng miền, loại hình là: Nhã nhạc cung đình Huê', Dân ca Quan họ Bắc Ninh, Đờn ca tài tử Nam Bộ.

Đối với mỗi di sản phi vật thể, GV cần giúp HS nắm vững các kiến thức cơ bản như sau:

+ Di sản hình thành như thế nào: trong khoảng thời gian nào? ở đâu?

+ Không gian văn hoá của di sản: ở những địa phương nào?

+ Giá trị cơ bản của di sản, ví dụ: Nhã nhạc cung đình Huế phản ánh đời sống cung đình như thế nào, nhạc khí có gì đặc sắc, nội dung lời ca,.; Đờn ca tài tử Nam Bộ phản ánh giá trị văn hoá của người dân, kế thừa và phát triển nhạc cụ dân tộc như thế nào?...

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

- Tư liệu (tr. 33, SGK). Đoạn tư liệu trích trong bút kí *Mười ngày ở Huế* của tác giả Phạm Quỳnh. Nội dung tư liệu phản ánh một không gian sinh hoạt văn hoá gồm nhiều hoạt động như: ca hát, múa, thổi sáo,... Tất cả hoà quyện vào nhau tạo nên một không

gian âm nhạc đầy màu sắc, đó chính là khung cảnh một buổi biểu diễn Nhã nhạc cung đình ở Huế.

- *Hình 15. Sơ* đồ một số di sản văn hoá phi vật thể của Việt Nam được ghi danh. Trên sơ đồ, thể hiện tên 13 di sản và thứ tự các năm được tổ chức UNESCO ghi danh.

- *Hình 16*. Lược đồ phân bố một số di sản văn hoá vật thể và phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam. Lược đồ thể hiện tên và vị trí phân bố của 14 di sản văn hoá vật thể (gồm các di sản đã được ghi danh là Di sản văn hoá thế giới, Di sản quốc gia đặc biệt hoặc Bảo vật quốc gia); tên và vị trí/phạm vi phân bố của 12 di sản văn hoá phi vật thể (gồm các di sản đã được ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại).

- *Hình 17*. Biểu diễn Nhã nhạc cung đình Huế. Đây là buổi biểu diễn Nhã nhạc cung đình Huế tại Nhà hát Duyệt Thị Đường - nhà hát cổ nhất của nước ta (xây dựng năm 1826) - để Vua và Hoàng hậu Nhật Bản thưởng thức nhân dịp đến thăm Cố đô Huế năm 2017.

- *Hình 21*. Nhà hát Cao Văn Lầu ở Bạc Liêu - công trình mang tên người có công khai sinh ra loại hình Dĩn - - ‘’-ình thuộc th~ ”A- tỉnh Bạc Liêu, được khởi công xây dựng n hình chiếc nón lá hướng vào nhau. Cạnh Nhà 1 ' h sen đỡ bên dưới - biểu tượng văn hoá cỉ

d) Gợi ý tổ chức th

- GV hướng dẫn 1 31, SGK) để xác định được tên các di sản văn .

- Để HS xác định dúọ. . tược đồ, GV nêu câu hỏi: *Dựa vào lược đồ Hìnố 16 ộfr. 32, SGK ộ em hãy xác ộịnố vị ộtí ộhSố bỗ của một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biêu ỞV ...*

+ GV cho HS xác định V .<1.. h.,a pxxx \..I ..Ít ĩivd biểu của Việt Nam được UNESCO ghi danh trên bản ? j ■ to lược đồ Hình 16 hoặc sử dụng bản đồ hành chính Việt Nam.

+ Ngoài ra, GV có thể hỏi thêm câu hỏi mở rộng để HS trả lời như: đặc điểm, vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể,...

+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu về ba di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu gồm: Nhã nhạc cung đình Huế, Dân ca Quan họ Bắc Ninh và Đờn ca tài tử Nam Bộ. Mục tiêu quan trọng của hoạt động này nhằm nêu được những giá trị nổi bật của các di sản.

+ GV chia lớp thành 3 hoặc 6 nhóm tuỳ sĩ số của lớp (nếu chia 6 nhóm thì 2 nhóm có chung một nhiệm vụ), mỗi nhóm tìm hiểu về một di sản văn hoá phi vật thể. Để buổi học hiệu quả, GV có thể phân nhóm và cho HS chuẩn bị trước ở nhà và tổ chức cho các nhóm thuyết trình những hiểu biết của mình về di sản, khuyến khích HS mô phỏng trình diễn (nếu có thể).

+ Tuỳ theo mỗi di sản khác nhau, các nhóm cần nhấn mạnh được những giá trị cơ bản của các di sản. Trong đó: Nhã nhạc cung đình Huế cần làm nổi bật giá trị nghệ thuật và lịch sử; Dân ca Quan họ cần làm nổi bật các giá trị nghệ thuật, tính cố kết cộng đồng, tính lưu

truyền tri thức dân gian; Đờn ca tài tử Nam Bộ cần làm nổi bật các giá trị nghệ thuật, giá trị lịch sử - văn hoá. Sau khi mỗi nhóm kết thúc phần thuyết trình, các thành viên nhóm khác có thể nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

+ GV chốt kiến thức và hướng dẫn HS lần lượt trả lời câu hỏi ở mục W vào mục L (What we Learn).

Yêu cầu cần đạt: Thông qua việc khai thác thông tin trong SGK, HS giới thiệu được vị trí phân bố của những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam trên lược đồ; giới thiệu được những giá trị nổi bật của một số di sản tiêu biểu.

Hoạt động 7. Tìm hiểu về di sản văn hoá vật thể tiêu biểu

a) Năng lực cần hình thành

- HS biết được một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu và những nét chính về các di sản đó.
- HS xác định được các di sản văn hoá vật thể tiêu biểu trên bản đồ Việt Nam.

b) Nội dung chính

- Việt Nam có nhiều di sản văn hoá vật thể.
- Các di sản văi là *hậ ′* !g nhận, tiêu biểu cho các vùng miền và th(ứ Dô thị cổ Hội An, Khu di tích trung tâm Ho
- Đối với mỗi di ỉ'n thức cơ bản như sau:

+ Di sản hìnhthtđâu?

+ Xác định được

+ Giá trị cơ bản cu.

+ Di sản được ghi danh, xếp hạng vào năm nào?

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cân khai thác

- *Hình 22*. So đổ một m . 1 á ì • đ (i / ,.ng Di tích quốc gia đặc biệt, Bảo vật quốc gia của Việt Ni ỉh ’ 'r ' Ợc ghi danh, xếp hạng của các di sản văn hoá vật thể tiêu bThi J.. Vx_ví.,a. . gv>m. ,c.. .. xx,,m các di sản được ghi danh (kí hiệu bằng dấu sao); tên và năm các di sản được công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt; hiện vật được công nhận là Bảo vật quốc gia (trống đồng Ngọc Lũ, thạp đồng Đào Thịnh).
- *Hình 23*. Khu đền tháp Mỹ Sơn, *Hình 24.* Phù điêu và hoa văn trang trí được chạm khắc trên tường của khu đền tháp Mỹ Sơn. Di tích được phát hiện năm 1885, nằm trong thung lũng có đường kính khoảng 2 km, thuộc địa phận xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Trong khu vực Mỹ Sơn có trên 70 kiến trúc đền tháp, được xây dựng từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIII. Mỗi ngôi tháp thường gồm ba phần: đế, thân và mái tháp, được xây bằng gạch, kết hợp cùng các mảng trang trí bằng sa thạch, với kĩ thuật rất tinh tế. Mô típ trang trí hoa văn trên các trụ đá cùng với những tượng tròn và phù điêu sa thạch thường được chạm khắc dựa theo các thần thoại của Hin-đu giáo...
- *Hình 25*. Phố cổ Hội An (Quảng Nam): Hình ảnh thể hiện một góc Phố cổ Hội An nằm ở bên sông Thu Bồn - con đường thuỷ thông thương thuận tiện với biển bằng Cửa Đại, Cửa Tiểu, thuyền bè có thể dễ dàng neo đậu. Phố cổ Hội An có lịch sử lâu đời, gắn với

Vương quốc Chăm-pa xưa và trở thành thương cảng/đô thị nổi tiếng từ thế kỉ XV - XVI, thu hút nhiều thương nhân nước ngoài đến đây buôn bán, lập phố xá,...

- *Hình 26*. Chùa Cầu - công trình được các thương nhân Nhật Bản xây dựng từ thế kỉ XVIII. Công trình có tổng chiều dài khoảng 18 m, thuộc Phố cổ Hội An (Quảng Nam). Về tên gọi, Chùa Cầu còn được gọi với tên khác là Cầu Nhật Bản hay Lai Viễn Kiều. Ngày nay, hình ảnh Chùa Cầu được in trên tờ tiền 20 000 đồng bằng chất liệu pô-li-me của Việt Nam.
- *Hình 27*. Bậc thềm chạm rồng ở Điện Kính Thiên thời Lê sơ (Hoàng thành Thăng Long, Hà Nội): Điện được xây dựng năm 1428 đời vua Lê Thái Tổ và hoàn thiện vào đời vua Lê Thánh Tông. Di tích này được xây dựng trên núi Nùng - nền cũ của cung Càn Nguyên - Thiên An thời Lý - Trần. Điện Kính Thiên là công trình trung tâm của hoàng cung thời nhà Lê (thế kỉ XV - XVIII) ở Thăng Long - Đông Kinh (Hà Nội).
- *Hình 28*. Đoan Môn trong Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long: Đoan Môn là một trong những cổng chính dẫn lối vào Cấm thành. Căn cứ vào vật liệu xây dựng và phong cách kiến trúc hiện còn của di tích, có thể khẳng định Đoan Môn hiện nay được xây dựng vào thời Lê và được tu bổ, sửa sang vào thời Nguyễn.

d) Gợi ý tổ chức th

- GV hướng dẫn ; 56, SGK) để xác định các di sản văn hoá vật quan trọng khác của Việt Nam.
- Để HS xác định . c đồ, GV nêu câu hỏi: *Dựa vào lược đồ Hìsố 1 ộ ộ của một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở ViệtJ\d,,...*

+ GV cho HS xác định tên V- trí nhâ“ hố rác di sản văn hn- vật thể tiêu biểu của Việt Nam trên lược đồ phân bố di sản. ’ tl • g • đ (tr. 32, SGK) hoặc sử dụng bản đồ hành chính Việt Nam.

+ Ngoài ra, GV có thể hỏ. 1 .. c, . i ộ . ả lời như về đặc điểm, vị trí phân bố các di sản văn hoá vật thể,...

- Tiếp theo, GV có thể giới thiệu thêm về các tiêu chí của di sản khi công nhận di sản văn hoá vật thể.
- GV chia lớp thành các nhóm để HS tìm hiểu về ba di sản văn hoá vật thể được giới thiệu trong SGK. GV có thể chỉ định mỗi nhóm tìm hiểu một di sản hoặc các nhóm lựa chọn di sản muốn tìm hiểu và giới thiệu. GV định hướng HS đọc kĩ SGK, có thể gạch chân một số từ khoá trong tư liệu để xác định giá trị chính của từng di sản, cụ thể như sau:

+ Thánh địa Mỹ Sơn: điển hình về sự giao lưu văn hoá và phản ánh sinh động tiến trình phát triển của văn hoá Chăm-pa. HS cần hiểu và giải thích được ý nghĩa của đoạn từ khoá này: *Tại sao nói Thánh địa Mỹ Sơn phản ánh quá trình giao lưu văn hoá giữa Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á? Mỹ Sơn phản ánh lịch sử của Vương quốc Chăm-pa như thế nào?* Để trả lời được những câu hỏi này, HS phải kết nối được với những tri thức lịch sử đã học về Ấn Độ và ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ đến Vương quốc Chăm-pa.

+ Đô thị cổ Hội An: điển hình về cảng thị truyền thống phương Đông. HS cần hiểu và giải thích được: *Tại sao nói Đô thị cổ Hội An là điển hình về một cảng thị truyền thống phương Đông?* Để trả lời được câu hỏi này, HS cần kết nối với những tri thức đã học về sự phát triển kinh tế hàng hoá ở Việt Nam thế kỉ XVI - XVIII. '1 hương cảng Hội An hình thành từ thế kỉ XVI, thịnh đạt nhất trong thế kỉ XVII - XVIII, suy giảm dần từ thế kỉ XIX gắn liền với thời kì thương mại Biển Đông phát triển. Đô thị Hội An được bảo tồn khá nguyên vẹn: những di tích bến cảng, các phố cổ, các nhà thờ tộc họ, đình chùa, đền miếu, hội quán của người Hoa, lăng mộ của người Nhật, người Hoa,... Những loại hình kiến trúc đa dạng cùng các phong tục, tập quán đã phản ánh một chặng đường phát triển, hội nhập và giao thoa để tạo nên một sắc thái văn hoá riêng của Hội An.

+ Khu trung tâm di tích Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội: Khu di tích có diện tích 20 ha, bao gồm Khu khảo cổ học 18 Hoàng Diệu và các di tích còn sót lại trong khu di tích Thành cổ Hà Nội như: Bắc Môn, Đoan Môn, Hậu Lâu, Rồng đá Điện Kính Thiên, Nhà D67, Cột cờ Hà Nội,... HS cần biết được những giá trị lịch sử, văn hoá đặc sắc của khu di tích này là gì? Để trả lờiđ J *■-'-2!-i"" HScầnchứnp'"'!' ' ' 'âydã trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, +riềr 'u của các nền văn hoá (Trung Hoa, Chăm-] ' hiểu sự kiện văn hoá - lịch sử quan trọng củ n nói chung trong quá khứ và hiện tại.

+ Sau khi HS khe Lần chuẩn bị của nhóm. Sau khi mỗi nhóm kê m khác có thể phát biểu nhận xét, bổ sung ý kiếii -xg tâm HS cần nắm được.

- Để HS hiểu sâu thêm về di sán và các giá trị cúa di sán, GV có thể đặt câu hỏi cho HS đưa ra ý kiến thảo luận: c ■ . đ'"' ■ I " ' ' í *vật thể là. các công trình, di tích nên chỉ có giá trị về ki...* L *i.Th Thô. q.Th.. :Th -Th .Th không? Thông qua một ví dụ cụ thể, hãy giải thích vì sao em đồng ý hoặc không đông ý.*

GV hướng dẫn HS khai mav vá Vạn uụ g vác moiig úii các em vừa trình bày về các di sản tiêu biểu nói trên hoặc các em có thể lấy ví dụ vê' các di sản văn hoá tiêu biểu khác để dẫn chứng cho quan điểrn/ý kiến của mình. Các em cần hiểu: một di sản là các công trình kiến trúc (đình, đền, chùa, cung điện,...) không chỉ mang trong mình những giá trị về kiến trúc, nó còn chứa đựng rất nhiều thông tin, giá trị lịch sử, văn hoá, nghệ thuật,. quan trọng khác.

Yêu cầu cần đạt: Thông qua việc khai thác thông tin trong SGK, HS giới thiệu được vị trí phân bố của những di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Việt Nam trên lược đồ; giới thiệu được những giá trị nổi bật của một số di sản tiêu biểu.

Hoạt động 8. Tìm hiểu về di sản thiên nhiên và di sản hỗn hợp

a) Năng lực cần hình thành

- HS xác định được vị trí phân bố các di sản thiên nhiên và di sản phức hợp tiêu biểu trên bản đồ.
- Giới thiệu được nét cơ bản về một trong những di sản thiên nhiên và di sản phức hợp tiêu biểu. Kể tên được một di sản thiên nhiên và di sản phức hợp tiêu biểu khác.

b) Nội dung chính

+ Việt Nam có nhiều di sản thiên nhiên và di sản hỗn hợp đã được ghi danh/xếp hạng, nhiều di sản được UNESCO ghi danh và xếp hạng ở cấp độ quốc gia. Một số di sản tiêu biểu như: Vịnh Hạ Long, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Công viên địa chất toàn cầu - Cao nguyên đá Đồng Văn, Quần thể danh thắng Tràng An,...

+ Di sản thiên nhiên Vịnh Hạ Long: thuộc vùng biển đảo của tỉnh Quảng Ninh, là một bộ phận của Vịnh Bắc Bộ. Vịnh Hạ Long hai lần được UNESCO ghi danh bởi những giá trị tự nhiên nổi bật, được bầu chọn là một trong bảy kì quan thiên nhiên mới của thế giới năm 2013.

Vịnh Hạ Long chứa đựng nhiều giá trị nổi bật về: *địa hình, địa mạo* (có nhiều tháp các-xtơ đá vôi rộng lớn và phát triển tốt nhất thế giới); *cảnh quan thiên nhiên* (được tạo bởi hàng nghìn đảo lớn nhỏ trên mặt biển với những hình thù khác nhau); *đa dạng sinh học* (hơn 2 900 loài động, thực vật được bảo tồn); *lịch sử, văn hoá* (phát hiện gần 20 di tích khảo cổ học niên đại từ 3 500 năm - 14 000 năm, là một trong những cái nôi của người Việt cổ).

+ Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng: thuộc tỉnh Quảng Bình, hai lần được UNESCO ghi danh với các giá tr '1111 học ’

Vườn quốc gia Ph ĩ *đ* t vê': *địa chất, địa mạo* (được ví như bảo tàng ít với Khu bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia 3 nghìn loài thực vật và gần 1 400 loài động V ,ừ 3 000 - 12 000 năm, có nhiều di tích lịch sử ồ Chí Minh, Bến phà Nguyễn Văn Trỗi,... đặc L J động).

+ Cao nguyên đá Đồng Van. —/V ..... vxxMxxgp ....vv ^.Mig nhận là Công viên địa chất toàn cầu năm 2010.

Cao nguyên đá Đồng A ■ *l* 11 . í tí 1 *o*■ *(* . *àt, địa. mạà* (là nơi lưu giữ nhiều sự kiện địa chất quan tn k’ [1] ■■ hr' ■■ ’ạugsmhhọc (gồm nhiều loài thực vật, động vật quý hiếm, tí _nơ CJI_ L..U g >à. .1.. < .rong *ỏVh đỏ Việt Nam*); *lịch sử, văn hoá* (phát hiện nhiều công cụ thuộc văn hoá Sơn Vi cách ngày nay 10 000 năm đến 30 000 năm, là địa bàn sinh sống của 17 dân tộc anh em).

+ Quần thể danh thắng Tràng An: thuộc tỉnh Ninh Bình, là Di sản thê' giới hỗn hợp đầu tiên của Việt Nam và Đông Nam Á được ghi danh.

Quần thể danh thắng Tràng An có nhiều giá trị nổi bật về: *địa chất, địa mạo* (nhiều cảnh quan ngoạn mục: tháp các-xtơ, hang động, nhũ đá,.); *đa dạng sinh học* (nhiều loài động, thực vật quý hiếm, trong đó, có 10 loài được ghi trong *Sách đỏ Việt Nam); Lịch sử, văn hoá* (phát hiện 30 di tích thời đá cũ, đá mới, kim khí; là hình mẫu nổi bật về sự tương tác, thích ứng của con người với biến đổi khắc nghiệt của môi trường trải qua hơn 30 000 năm phát triển).

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

- *Hình 29*. Lược đồ phân bố một số di sản thiên nhiên và di sản hỗn hợp tiêu biểu ở

Việt Nam. Lược đồ thể hiện tên gọi, địa danh và vị trí phân bố của một số di sản thiên nhiên

và di sản hỗn hợp tiêu biểu của Việt Nam. Mỗi loại hình di sản được phân biệt bằng kí hiệu với màu sắc khác nhau.

- *Hình 30.* Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long. Hình ảnh thể hiện một góc của di sản Vịnh Hạ Long với nhiều núi đá vôi giữa biển, tạo nên một cảnh quan thiên nhiên kì vĩ của di sản này.

- *Hình 31.* Một số giá trị nổi bật của Vịnh Hạ Long. Sơ đồ thể hiện những giá trị cốt lõi, quan trọng của di sản Vịnh Hạ Long trên bốn khía cạnh: địa hình, địa mạo; cảnh quan thiên nhiên; đa dạng sinh học và lịch sử, văn hoá. Mỗi giá trị đều có hình ảnh minh hoạ kèm theo.

- *Hình 32*. Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình). Hình ảnh thể hiện một góc của di sản với những rừng núi đá vôi. Nơi đây được đánh giá là một trong hai vùng rừng núi đá vôi rộng nhất thế giới với trên 200 000 ha.

- *Hình 33.* Một số giá trị nổi bật của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Sơ đồ thể hiện những giá trị cốt lõi, quan trọng của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng trên ba khía cạnh: địa hình, địa IU'[1]"- ci'nh học và lịch sử A/rẴí giá trị đều có hình ảnh minh hoạ kèm theo.

- *Hình 34.* Cônị ■ Văn (Hà Giang). Hình ảnh cao nguyên đá n :ự tháp đỉnh nhọn, các sườn dốc nối tiếp nh

- *Hình 35.* Một í . So đồ thể hiện những giá trị cốt lõi, quan trQi . cạnh: địa hình, địa mạo; đa dạng sinh học và lịch .m minh hoạ kèm theo.

- *Hình 36.* Quần thể danh thắng Tràng An (Ninh Bình). Hình ảnh thể hiện một góc thuộc quần thể di tích dar 1 L *i i* n . n t tiên của Việt Nam được ghi danh. Một trong những ve ' ■ mẹn ma -1 can nà'- ■- *diề* hổ được nối liền với nhau bởi các động xuyên thuỷ dài, ng 1 . *u* . U ' ăng thành luỹ bao bọc quanh các hồ nước và ở giữa nổi lên khu đất với cây cối mọc thành các đảo nhỏ.

- *Hình 37.* Một số giá trị nổi bật của quần thể danh thắng Tràng An. Sơ đồ thể hiện những giá trị cốt lõi, quan trọng của quần thể danh thắng Tràng An trên ba khía cạnh: địa hình, địa mạo; đa dạng sinh học và lịch sử, văn hoá. Mỗi giá trị đều có hình ảnh minh hoạ kèm theo.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

Giống như yêu cầu khi tìm hiểu về di sản văn hoá phi vật thể và văn hoá vật thể, để giúp HS xác định được vị trí di sản thiên nhiên và hỗn hợp trên lược đồ, GV đặt câu hỏi: *Dựa vào lược đồ Hình 29 (tr. 39, SGK), hãy xác định vị trí phân bố của một số di sản thiên nhiên và hỗn hợp Việt Nam. Kể tên một số di sản thiên nhiên và hỗn hợp khác*.

- GV cho HS xác định tên và vị trí phân bố các di sản thiên nhiên và di sản hỗn hợp tiêu biểu của Việt Nam trên lược đồ phân bố di sản. GV có thể phóng to lược đồ Hình 29 hoặc sử dụng bản đồ hành chính Việt Nam.

Ngoài ra, GV có thể mở rộng thêm một số câu hỏi để HS trả lời như: đặc điểm, vị trí phân bố các di sản thiên nhiên và di sản hỗn hợp tiêu biểu,...

Ngoài các di sản thể hiện trên lược đồ, HS kể thêm các di sản khác ở địa phương hoặc các di sản tiêu biểu khác mà em biết. GV khuyến khích HS tìm hiểu, bao gồm cả sử dụng internet để tìm hiểu về các di sản hỗn hợp, không chỉ ở Việt Nam mà còn là di sản thế giới như núi Thái Sơn (Trung Quốc) vừa có giá trị thiên nhiên vừa có giá trị tôn giáo, hay Vườn quốc gia Ka-ka-du (Úc) vừa có giá trị đa dạng sinh học vừa là nơi cư trú của thổ dân,.

Để HS hiểu và nắm vững kiến thức về các loại hình di sản, GV yêu cầu HS lấy một ví dụ cụ thể và giải thích được vì sao di sản đó lại được phân loại là di sản thiên nhiên hoặc hỗn hợp. Đây là một nội dung có kiến thức chuyên sâu, GV nên cho HS tìm hiểu ở nhà, theo nhóm để có thể khai thác tối đa nguồn tư liệu và không giới hạn về thời gian thuyết trình kết quả tìm hiểu trên lớp.

C. LUYỆN TẬP

Câu 1. Lập bảng thống kê vê' một số di sản tiêu biểu ciìa Vĩêt Nam được UNESCO ghi danh theo gợi ý dưới C

TT	Tên di sản	Địa điểm (tỉnh/thành phố)	Loại hình di sản
1	?	?	?

Câu 2. Ngoài các d. di sản tiêu biểu khác ở địa phương em hoặc ở V1,

Câu 3. Theo em, những ƠI san cua viẹi ixiain eo y Hgiua như thê' nào đối với sự phát triển của đất nước và cộng d~“ “h"^ J d’ sTh’ làm gì để góp phần giữ gìn và phát huy giá trị của các c °

a) Năng lực cân hình thành

HS biết vận dụng kiến thuC, KÍ nàng nả ó vào vice giai cpiyết một số tình huống/bài tập nhận thức, thông qua đó, góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Gợi ý tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn cá nhân/nhóm HS thực hiện hoạt động này ngay trong giờ học trên lớp để hoàn thành các câu hỏi luyện tập.

Câu 1. GV hướng dẫn HS lập bảng thông tin theo yêu cầu của câu hỏi. Cần lưu ý, Việt Nam
có rất nhiều di sản, thuộc nhiều loại hình khác nhau nhưng đề bài chỉ yêu cầu lập bảng thống kê với các di sản đã được ghi danh. Với câu hỏi này, từng HS có thể làm việc độc lập.

Câu 2. GV cho HS làm việc cá nhân/cặp đôi hoặc nhóm. GV hướng dẫn HS căn cứ vào phần lí thuyết về xếp hạng di tích để làm cơ sở làm bài. GV cũng lưu ý HS: không phải tỉnh/thành phố nào của Việt Nam cũng có di sản được ghi danh, vì vậy, đối với câu hỏi này, các em liệt kê các di sản tiêu biểu của địa phương mình đã được ghi danh vào danh sách di sản văn hoá cấp tỉnh, cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt.

Câu 3. GV lưu ý HS đọc kĩ và nắm rõ yêu cầu của câu hỏi: một là, nêu được ý nghĩa của di sản đối với sự phát triển của đất nước nói chung và ý nghĩa với cộng đồng dân cư đang sinh sống trong vùng di sản; hai là, vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần gìn giữ, phát huy giá trị của các di sản.

GV cần theo sát quá trình HS thực hiện yêu cầu để có những hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời, cũng như kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

Yêu cầu cần đạt: HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện các yêu cầu/bài tập mới mà GV đặt ra; thuyết trình kết quả trước lớp/nộp bài viết báo cáo.

D. VẬN DỤNG

Nếu được chọn là đại diện cho HS Việt Nam giới thiệu về một di sản văn hoá vật thể hoặc phi vật thể nổi tiếng của đất nước với bạn bè quốc tế, em sẽ lựa chọn di sản nào? Vì sao? Tìm hiểu thông tin và giới thiệu vê' di sản đó theo cách của em (làm bài thuyết trình, xây dựng đoạn phim ngắn, thiết kê' đồ hoạ,...).

a) Năng lực cần

Vận dụng kiến t ình ột tình huống giả định trong thực tiễn, góp *h* đã học để giải quyết những vấn đề nhận 1

b) Gợi ý tổ chức ỉ

- GV hướng dẫn . từ trước cho một hoặc một nhóm HS để các C- HS, HS có thể chọn bất kì di sản nào mà mình muốn —1 không được giới thiệu trong SGK. HS cũng cần nêu lí do thích '~k0 di sản mình lưa '■hon giới thiệu.

Các em có thể giới th: [1] T n I ti ír *n* ihư: tên di sản, địa bàn phân bố, những giá trị nổi bật của di sản đó,...

- Về hình thức thể hiện, "j . t *.1.1.,.. *h* những cách thức khác nhau để giới thiệu về di sản theo gợi *h* của để bài hoặc bằng hình thức khác, tuỳ theo khả năng của mỗi HS.
- GV có thể kết hợp với GV ngoại ngữ để hướng dẫn HS làm bài giới thiệu bằng tiếng nước ngoài và coi như đây là bài tập liên môn.

Yêu cầu cần đạt: HS rèn luyện thói quen, tính chủ động trong học tập, tìm hiểu lịch sử: không chỉ học thông qua sách vở, với những giờ học trên lớp, mà có thể học tập thông qua nhiều phương tiện khác nhau.

V TƯ LIỆU - THÔNG TIN BỔ SUNG

Trong Chương trình, yêu cầu HS cần biết đến các di sản văn hoá vật thể tiêu biểu: là một số di sản được công nhận, tiêu biểu cho các vùng miền và thời kì lịch sử khác nhau, cụ thể là: Thánh địa Mỹ Sơn, Đô thị cổ Hội An, Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội.

Khác với di sản văn hoá phi vật thể không phân chia hệ thống thứ bậc, không phân biệt cao - thấp, các di sản văn hoá vật thể có những tiêu chí chặt chẽ để ghi danh/công nhận. GV có thể tham khảo tư liệu sau để giải thích cho HS rõ một số tiêu chí cơ bản.

Công ước về Bảo vệ Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới

Điều 1: Những đối tượng sau đây sẽ được coi là "di sản văn hoá":

- Các di tích: các công trình kiến trúc, tác phẩm điêu khắc và hội hoạ hoành tráng, các yếu tố hay các cấu trúc có tính chất khảo cổ học, bi kí, hang cư trú và các đặc trưng kết hợp, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học;
- Các nhóm công trình xây dựng: các nhóm công trình xây dựng riêng lẻ hay liên hoàn lại

với nhau do kiến trúc, do tính đồng nhất hoặc vị trí của chúng trong cảnh quan, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học;

- Các di chỉ: các công trình do con người tạo nên hoặc có sự kết hợp giữa thiên nhiên và nhân tạo, và các khu vực trong đó có các di chỉ khảo cổ có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, thẩm mĩ, dân tộc học hoặc nhân chủng.

Điều 2: Những đối tượng sau đây sẽ được coi là "di sản thiên nhiên":

- Các đặc điểm t] 'c [1] h học hay các nhóm kiến tạo tương tự có g: nĩ hoặc khoa học;
- Các kiến tạo địa 1 định rạch ròi là môi trường sống của các lc bật toàn cầu xét theo quan điểm khoa học hc vực thiên nhiên được phân định rạch ròi có gi lOa học, bảo tồn hay vẻ đẹp thiên nhiên.
- Theo UNESCO, *Công ước về. bảo vệ di sảiớ văn hoá i^à tớ-iên nhiên thế giới,* năm 1972)

CHUYÊN ĐỀ 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ (10 tiết)

I MỤC TIÊU

Thông qua chuyên đề này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu và phân tích được đặc điểm mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. Phân tích được những nét chính của bộ *Quốc triều hình luật* và *Hoàng Việt luật lệ*.
- Nêu và phân tích được bối cảnh ra đời, ý nghĩa, đặc điểm, tính chất, vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được điểm chung và phân tích được một số điểm chính của các bản hiến pháp Việt Nam từ năm *19^* 'ủa F 1992 và điểm mới của Hiến pháp năm 2012

2. Về năng lực

- Rèn luyện kĩ n ‘U các vấn đề liên quan đến nội dung bài học
- Năng lực phân L ah lịch sử một cách khoa học, chính xác.
- Năng lực nhận thức nh^n.g quy [lllâ]t, bài học lịch sử và vận dụng vào thực tiễn; hình thành, phát triển tư duy lị í; ư I tt M , ư I >iện, kĩ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu; nhận th’ ■ và trinh 1- ty lich SI’’ [x]-.in.g lỏ-gích lịch đại và đồng đại, kết
nối quá khứ với hiện tại.

3. Về phẩm chất

Có ý thức trân trọng lịch sử nhà nước, lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và vận động người kháctuânthủ pháp luật.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án (kế hoạch dạy học) biên soạn trên cơ sở của Chương trình môn học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tư liệu lịch sử tiêu biểu và một số tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học như: nhà nước, pháp luật, một số bản hiến pháp Việt Nam.
- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định chung.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV.

III MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

- Chuyên đề được biên soạn để giảng dạy trong 10 tiết với 3 nội dung chính, tương đương với 3 mục trong SGK. Tuỳ tình hình thực tế của trường/lớp học, GV có thể phân phối số lượng tiết học ở mỗi mục sao cho phù hợp.
- Đây là một chuyên đề có nội dung khó, phạm vi kiến thức rộng, nên HS sẽ gặp khó khăn trong việc tìm hiểu tư liệu và tiếp cận kiến thức, vì các sự kiện đã quá xa, tên các cơ quan trong bộ máy nhà nước thời phong kiến hoặc các quy định trong những bộ luật của các triều đại sẽ khó hiểu vê' ngữ nghĩa. Tuy nhiên, chuyên đê' cũng có nhiều thông tin hấp dẫn đối với HS (nếu được GV hướng dẫn, gợi mở).
- Để giảng và hu A'u chr đọc, tra cứu và giải nghĩa các từ cổ liên qr c íy nhà nước, các quy định trong những bộ] ví dụ thực tế để giải thích cho HS, để giúp 1 á để HS hăng hái tìm hiểu và khám phá nhữj
- Trước khi triển k. *ữ* kĩ những yêu cầu cần đạt trong Chương trình V,, *>1 Lịoh sỉi 10* để xây dựng

kế hoạch dạy học phù hợp; Gv co U1C CHU uọng pnan cong nS chuẩn bị trước một số nội dung để có những tiết học lũ[4] [2] 'T! J í 4_lTW $_{tri}$rác vê' nội dung của hai bộ luật thời phong kiến ho; ■ u ải c Í1(I -- ìến pháp tiêu biểu,... theo định hướng của GV.

- GV cần khắc phục lối Lyu. ill.. U..H ,l..^u , $_{\&i}$a±$x_{\&}$, HS ghi chép lại như trước đây); cần linh hoạt lựa chọn và tổ chức các hoạt động học tập phù hợp với HS như: khai thác tư liệu, làm việc cá nhân/thảo luận nhóm, thuyết trình, báo cáo kết quả trước lớp, nhận xét, nêu ý kiến nhận xét, phản biện,... Thông qua đó, góp phần từng bước hình thành các phẩm chất, năng lực môn học cho HS.

IV GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

A. MỞ ĐẦU BÀI HỌC

- Mở đầu, GV có thể cho HS xem một số tranh, ảnh về di tích Đền Hùng hoặc về các vị vua thời Lý - Trần,. GV đặt câu hỏi để một vài HS chia sẻ những hiểu biết của các em về các sự kiện hoặc nhân vật lịch sử đó.
- Tiếp theo, GV có thể gợi mở và dẫn dắt HS vào bài học bằng các câu hỏi hoặc cách gợi ý sau:

+ Theo các em, để quản lí và điều hành đất nước, các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng cần phải làm gì? (HS có thể trả lời nhiều ý, nhưng GV cần chọn ý của HS nào trả lời là cần có nhà nước và pháp luật để chốt lại phần gợi mở).

+ Vậy, nhà nước là gì? pháp luật là gì? Tại sao chúng ta cần tìm hiểu về các nhà nước và hệ thống pháp luật đã tồn tại trong lịch sử Việt Nam?

Những nội dung nêu trên chỉ mang tính chất gợi ý, mỗi GV có thể có cách mở đầu bài học của riêng mình, miễn sao tạo được tâm thế, khơi gợi được hứng thú, mong muốn tìm hiểu nội dung bài học mới của HS, định hướng nhiệm vụ cho HS trong bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)

Hoạt động 1. Tìm hiểu một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu

a) Năng lực cần hình thành

- Năng lực tìm hiểu, khám phá lịch sử, cụ thể trong bài này là tìm hiểu, khám phá về các mô hình nhà nước trong thời quân chủ ở Việt Nam trước năm 1858.
- Năng lực phâ 'lâ h lịch sử khách quan, khoa học,..

b) Nội dung chín

- Những đặc điế lểu: thời Lý - Trần, thời Lê sơ và thời Nguyễn.
- Sơ đồ tổ chức bộ .c nhau của ba mô hình tổ chức nhà nước đó.

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

Tư liệu 1. Nội dung t,, Ỉ_TJ. Ju$_v$- „1-1 „C--$_O$ ni.L *Ạt . àn sử àý toàt thư,* Tập I. Nội dung đoạn tư liệu viết vê' sụ . ă' ' V , Tông đích thân cày tịch điền.

Việc làm của nhà vua vừa tuế uicn imii ti m dân, gai gũi với nhân dân, vừa mang tính chất nêu gương cho dân chúng noi theo. Ngày nay, vào dịp khai Xuân đầu năm mới, các vị Chủ tịch nước cũng thường tham gia lễ cày Tịch điền tại Đọi Son (huyện Duy Tiên, Hà Nam) - nơi diễn ra lễ cày Tịch điền đầu tiên (năm 987) do vua Lê Đại Hành thực hiện với ý nghĩa khai mở một năm lao động, cày cấy mưa thuận, gió hoà, mùa màng bội thu, nhà nhà no đủ.

Tư liệu 2. Nội dung tư liệu trích trong cuốn *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II. Nội dung tư liệu là câu trả lời của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn với vua Trần Anh Tông khi được hỏi về kế sách trị nước. Câu nói của Hưng Đạo Vương nhấn mạnh tầm quan trọng của nhân dân và cũng là kế sách giữ nước, đó là "khoan thư sức dân", chăm lo cho nhân dân, giảm bớt gánh nặng, tránh nhũng nhiễu nhân dân,...Đó chính là kế sách giữ nước lâu dài. Tư tưởng của ông không chỉ đúng ở thời điểm đó mà vẫn còn giá trị to lớn trong xã hội ngày nay.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

- Trước khi đi vào nội dung cụ thể, GV giới thiệu qua để HS nắm bắt được sơ lược về các triều đại phong kiến Việt Nam trong lịch sử. Sau đó, đi vào nội dung chuyên đề này là tìm hiểu về ba triều đại phong kiến tiêu biểu nhất.

- *Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần*

- Để giúp HS nắm bắt được đặc điểm mô hình nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, GV yêu cầu HS đọc và khai thác thông tin trong hình 1, 2 (tr. 45, SGK) và tư liệu 1, 2 (tr. 46, SGK).

- GV có thể định hướng HS khai thác sơ đồ và tư liệu để làm nổi bật tính chất *thân dân* thời Lý - Trần thông qua câu hỏi: *Khai thác Hình 1 và tư liệu 1, 2 giúp em hiểu gì về chính sách cai trị của nhà nước quân chủ thời Lý - Trần?*

+ Để trả lời câu hỏi này, GV hướng dẫn HS tập trung khai thác các ý: thi hành nhiều chính sách an dân, vua Lý Thái Tông tự cày tịch điền, kê' sách khoan thư sức dân,...

+ GV gọi một số HS trả lời câu hỏi, các bạn khác có thể bổ sung *n* kiến (nếu có).

- Trên cơ sở tổng r>t>ifr>or *ê* kiên phát biểu íT" TT<? *ê'T* tục nêu câu hỏi: *Em hãy phân tích những ã nhà r r Trân.*

- Sau khi HS trả] hình nhà nước Lý - Trần là mô hình nhà r ra nhiều chính sách, hành động cụ thể, ví c sức dân, lấy dân làm trọng của những ngườ

- Để thực hiện cai Ji Lý - Trần ngày càng được tổ chức hoàn thiện tu

- Các cơ quan được phân công chuyên trách về một lĩnh vực nhất định như: cơ quan văn phòng giúp việc cho VI Jé êi I . p . c vấn để y tế, giáo dục,.

- Bộ máy chính quyền dĩa n' íơnơ dượ to cir'k ' ■ d-iĩa thành các cấp hành chính: lộ/phủ - huyện/châu - hương/giáp - xã/thôn,...

+ *Nhà nước quân chủ thời Lê sơ*

GV yêu cầu HS đọc nội dung và đặt câu hỏi định hướng khai thác: *Phân tích những đặc điểm của mô hình nhà nước quấn chủ quan liêu thời Lê sơ.*

+ GV yêu cầu HS đọc và khai thác thông tin trong SGK (tr. 46 - 47) để trả lời câu hỏi.

+ GV hướng dẫn HS khai thác sơ đồ Hình 3 để làm rõ đặc điểm mô hình nhà nước quân chủ quan liêu thời Lê sơ. Trong đó, HS cần nắm được một số ý chính:

+ Đây là mô hình nhà nước quân chủ tập quyền do vua nắm quyền lực tối cao, quyền lực được tập trung vào chính quyền trung ương; lập thêm nhiều cơ quan giúp việc cho vua và các cơ quan chuyên môn ở trung ương và địa phương.

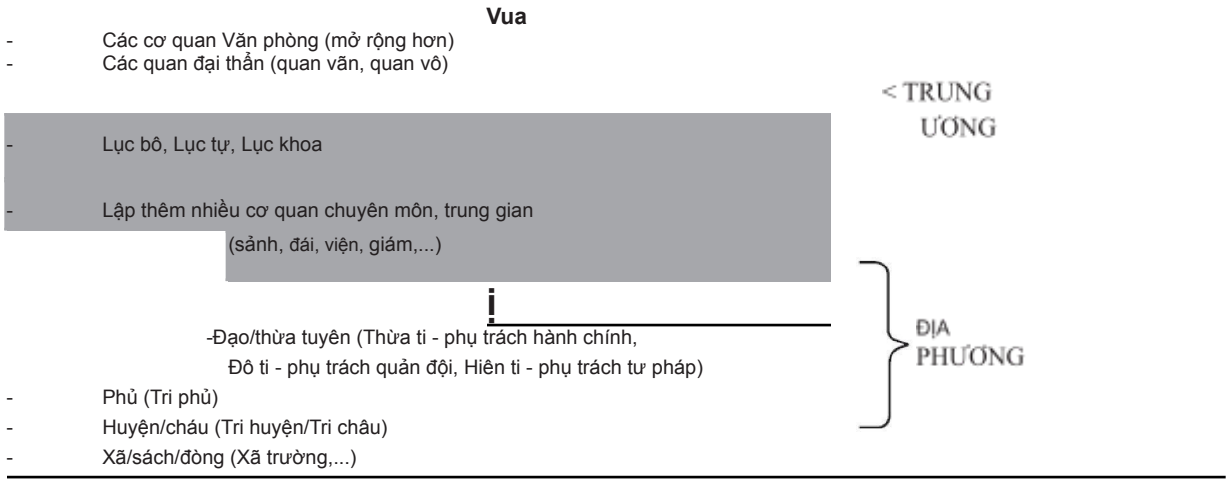

Hình 1. Sơ đồ tổ chức nhà nước thời Lê sơ

+ Bộ máy nhà nước được củng cố, tổ chức quy củ, chặt chẽ, cùng với hệ thống pháp luật hoàn chỉnh. Ở tr 'Lực hiện[1]'" imtập trung quyền lực cao nhất cho nhà vu [7] c' 1 trách. Ở địa phương, đầu thời Lê Thánh 4 I phủ (ở Thăng Long), năm 1471 lập thêm t uyên là các phủ, huyện (đồng bằng)/châu (n. động (ở miền núi).

^ Nhà nước chự

- Để kết nối với kic *m sảnh mô hình nhà nước Lê sơ với nhà nước thời Lý - 1TU.H.*

Để trả lời câu hỏi này Th ~ 1[I<-] -Th :J— "hức vừa học với kiến thức đã học trong mục b (tr. 46 - I K : 11, ’ c 1 , z S: ngoài tính chất quân chủ quan liêu điển hình thì đến S ***n.*** ỊC thi hành nhiều chính sách quan tâm đến nhân dân giống lUui Ly - ít n, nhu: V11UU1 sdch miễn giảm tô, thuế, ân xá phạm nhân,...

GV cần lưu ý: Đây là nội dung tương đối khó, đặc biệt về tên gọi, chức năng nhiệm vụ các cơ quan, chức quan,. GV có thể tham khảo thông tin trong Bảng tra cứu thuật ngữ (tr. 62 - 63, SGK), các sách chuyên khảo và trên internet để tìm hiểu, giải thích thêm cho HS hiểu rõ (tham khảo nội dung mục V cuối phần hướng dẫn của chuyên đề này).

Có thể giới thiệu một số cơ quan, chức quan như:

+ *Lục bộ*: là sáu cơ quan quan trọng trong bộ máy nhà nước thời quân chủ, được lập ra để giúp nhà vua quản lí các lĩnh vực quan trọng gồm: *Bộ Lại* (phụ trách việc tuyển dụng, bổ nhiệm, bãi miễn quan lại); *Bộ Lễ* (phụ trách các nghi thức, lễ nghi trong triều và nghi thức ngoại giao); *Bộ Binh* (phụ trách quân đội); *Bộ Hình* (phụ trách các việc về pháp luật); *Bộ Hộ* (phụ trách việc quản lí đất đai, cư dân); *Bộ Công* (phụ trách việc xây dựng cung điện, thành hào, cầu cống, đường sá).

+ *Lục khoa*: là sáu cơ quan được đặt ra để giúp nhà vua kiểm tra, giám sát hoạt động của các bộ, gồm: *Lại khoa, Lễ khoa, Binh khoa, Hình khoa, Hộ khoa và Công khoa*, mỗi khoa giám sát một bộ theo tên gọi.

+ *Lục tự*: đây cũng là sáu cơ quan được đặt ra để giúp nhà vua và các bộ trực tiếp thực thi một số công việc cụ thể trong hoạt động của triều đình,...

+ Các cơ quan chuyên trách khác như: viện, đài, giám,.

+ Các chức quan quan trọng trong triều đình như: Tam thái, Tam thiếu, Tam tư, Gián nghị đại phu, Thượng thư,...

- *Nhà nước quân chủ thời Nguyễn*

GV đặt câu hỏi định hướng cho nội dung tiếp theo: *Phân tích đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ tập quyền chuyên chế thời Nguyễn.*

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin mục c (tr. 47 - 48, SGK) để tìm dữ kiện trả lời câu hỏi. Trước khi tìm hiểu nội dung cụ thể, GV gợi mở một số thông tin vê' nhà Nguyễn và bối cảnh thành lập triều đ?[1’] Nĩrnnrỗn HS biết được: dâ”-[1Â] nhong kiến cuối cùng của Việt Nam, cai quải hất t[?] ti điểm đó. Đây cũng là thời kì chủ nghĩa th " : các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á.

- GV hướng dẫn iên quan trong SGK để trả lời câu hỏi. GV . trưng mô hình nhà nước thời Nguyễn. Để Dẳng vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời , *ứ* đổ tổ chức bộ máy nhà nước thời Lêsơ).

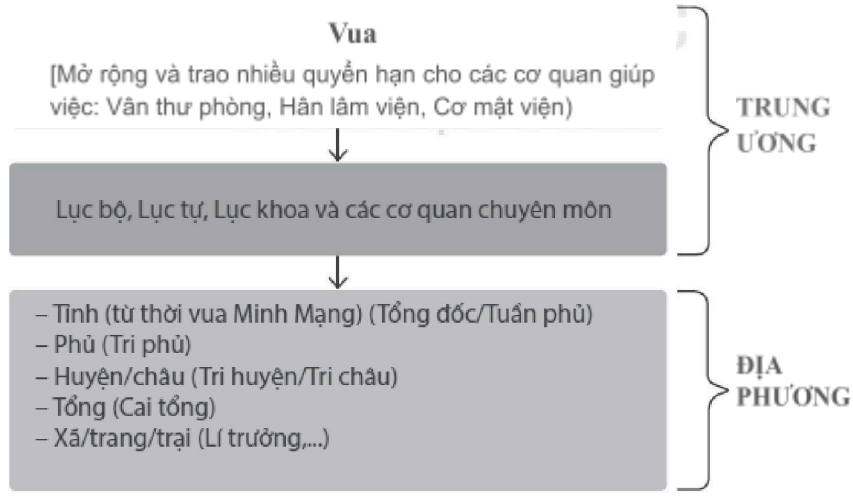

Hình 2. Sơ đồ tổ chức nhà nước thời Nguyễn

- Để giúp HS xâu chuỗi kiến thức với mục trước và củng cố lại kiến thức vừa học, GV đặt ra câu hỏi: *Nêu những điểm khác của bộ máy nhà nước thời Nguyễn so với thời Lê sơ.*

GV yêu cầu HS khai thác thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. GV có thể gọi một số HS trả lời sau đó chốt lại một số nội dung quan trọng HS cần nắm được:

+ Quyền lực của nhà vua ở trung ương được tập trung cao hơn bằng cách trao quyền nhiều hơn cho các cơ quan giúp việc trực tiếp cho vua (Nội các, Văn thư phòng,...), cơ quan tư pháp và giám sát (Ngự sử đài, Đô sát viện,.).

+ Quyền lực của nhà vua và triều đình ngày càng mạnh, quản lí trực tiếp đến địa phương, nhất là sau cải cách của vua Minh Mạng năm 1831 - 1832.

Yêu cầu cần đạt: HS hiểu được đặc trưng mô hình của các nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, Lê sơ và thời Nguyễn. So sánh được sự khác nhau giữa ba mô hình nhà nước tiêu biểu đó.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858

a) Năng lực cần hình thành

- Năng lực tìm hiểu, khám phá lịch sử. Cụ thể trong mục này là tìm hiểu, khám phá về hệ thống pháp luật và đi sâu tìm hiểu một số bộ luật tiêu biểu được các nhà nước quân chủ ban hành ở Việt Nam trước năm 1858, thông qua việc tìm hiểu các tư liệu, tranh ảnh, các mẩu chuyện, giai thoại liên quan.

- Năng lực phâr ' - nhân vật lịch sử một cách khoa học: GV hướng dẫn tư /à phân tích, đánh giá về mục đích ban hài ?u của nhà nước quân chủ; đồng thời so sá g việc ban hành và sử dụng pháp luật troni

- Năng lực nhậr. .ụng vào thực tiễn: GV cần hướng dẫn để HS Ấuản lí xã hội, điều hành đất nước để phát triển K. oan hành và thực thi pháp luật, trong đó, việc ban hành các bộ luật là rất cần thiết.

- Năng lực nhận thứ(< . h ’ Ị lịch đại và đồng đại, kết nối quá khứ với hiện tại: GV Ị. d ..ó -IS p ti-.L ..ụ< vư nội dung của từng bộ luật, đồng thời gợi mở để HS tin 3 h biệt giữa hai bộ luật tiêu biểu (*Quốc triều hình luậtvầ Hoàng Việt luật lệ).*

b) Nội dung chính

- Cấu trúc và nội dung co bản của hai bộ luật: *Hoà'c triêu Hoà HQà.ng Hoàng Việt luật lệ.*

- Những điểm tiến bộ của hai bộ luật (ví dụ: bảo vệ các giá trị đạo đức, bảo vệ trật tự xã hội, có một số quy định chú ý đến quyền lợi của trẻ em, người già, phụ nữ, người dân tộc thiểu số,.).

- Một số hạn chế của hai bộ luật, đồng thời cũng là những hạn chế chung của pháp luật thời quân chủ (ví dụ: thiên về hình sự, nhiều hình phạt nặng, tính bất bình đẳng cao,.).

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

- *Hình 7*. Trang bìa bộ *Quốc triều hình luật* (bản dịch); *Hình 8*. Trang bìa bộ *Hoàng Việt luật lệ* (bản dịch). Đây là các trang bìa của hai bộ luật nổi tiếng nhất Việt Nam thời phong kiến.

- *Tư liệu 3*. Tư liệu được trích dẫn từ sách *Lê triều hình luật (Luật Hồng Đức)*, do tác giả Nguyễn Q. Thắng dịch. Nội dung đoạn tư liệu nói về những hình phạt nặng áp dụng

đối với những người làm sai, chậm, hư hại,... các công trình liên quan đến vua như thuyền, đường, cung điện,... Qua đây có thể thấy rõ một trong những nội dung quan trọng của *Quốc triều hình luật* là bảo vệ lợi ích, đặc quyền, đặc lợi của vua nói riêng và tầng lớp quý tộc nói chung.

- *Tư liệu 4.* Tư liệu được trích dẫn từ sách *Lịch sử Việt Nam*, Tập II, do tác giả Phan Huy Lê
(Chủ biên). Nội dung tư liệu dẫn một số điều luật tiến bộ của bộ luật Hồng Đức, trong đó quy định, bảo vệ về quyền lợi của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, như: quyền được chia tài sản, thừa kế hương hoả, phân chia tài sản khi li hôn,. Đây là những điều luật rất tiến bộ trong bối cảnh xã hội thời phong kiến và tư tưởng tiến bộ đó đang được kế thừa trong luật pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay.

- *Tư liệu 5.* Tư liệu được trích dẫn từ sách *Lược khảo Hoàng Việt luật lệ (Tìm hiểu luật Gia Long)* của tác giả Nguyễn Q. Thắng. Nội dung tư liệu nói vê' việc quy định xử phạt rất nặng đối với những người phạm tội phản nghịch (đối với nhà vua và triều đình), đó là tội chết, không kể là chủ mưu hay đồng phạm. Ngoài ra, gia đình của kẻ phạm tội sẽ bị giáng xuống làm nô tì, toàn [K s] ' -[2]- -"'ơ công. Điều ' ■' * sự nghiêm khắc của *Luật Gia Long*, vừa ma ế đê 1 là bảo vệ cho quyền lợi của giai cấp thống 1

- *Tư liệu 6*. Tư lii lẹt *luật lệ (Tìm hiểu luật Gia Long)* của tác hững điều luật nhằm bảo vệ cho các đối tượ gười bị tàn tật,. Đó là, nếu quan lại dùng hi sẽ bị triều đình xử tội. Như vậy, ngoài việc có nhi. .<1 giai cấp thống trị thì bộ
Luật Gia Long cũng thể hiện những điêm tiên bộ với một sô điểu khoản quy định về việc bảo vệ người già, phụ nữ, trẻ em

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

- *Quốc triều hình luật*
- Trước khi vào nội dung chinn, G *V* có .né đặt cẳu noi cno HS: *Hãy kể tên một số bộ luật của nước ta thời phong kiến mà em biết.*
- Đây là câu hỏi mang tính gợi mở, giúp HS định hướng vào bài học. GV có thể gọi một số em trả lời; mỗi HS có thể trả lời được một, hai hoặc ba đáp án, tuỳ theo khả năng của từng em, các đáp án có thể trùng nhau,.

Sau đó, GV chốt lại ý: Trước thời Lý, nước ta chưa có luật thành văn. Từ thời Lý đến thời Nguyễn, Nhà nước quan tâm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Một số bộ luật thành văn của nước ta theo ghi chép của sử sách như: *Hình thư* (thời Lý), *Hình luật* (thời Trần), *Quốc triều hình luật* (thời Lê sơ), *Hoàng Việt luật lệ* (thời Nguyễn). Trong đó *Quốc triều*
hình luật và *Hoàng Việt luật lệ* là hai bộ luật tiêu biểu nhất.

- GV tiếp tục nêu câu hỏi định hướng HS: *Em hãy nêu và phân tích những nội dung cơ bản của bộ Quốc triều hình luật.*

GV yêu cầu HS khai thác nội dung mục a (tr. 49, SGK) để tìm dữ kiện trả lời câu hỏi.
GV cũng yêu cầu HS lưu ý và khai thác tư liệu 3, 4 (tr. 49, SGK) để tìm dữ liệu trả lời câu hỏi.

+ GV hướng dẫn HS cần khai thác và biết được một số thông tin liên quan đến câu hỏi: về tên gọi của bộ luật, cấu trúc bộ luật, nội dung cơ bản của bộ luật,.

Sau khi HS trả lời câu hỏi, GV chốt lại ý chính:

+ *Quốc triều hình luật* còn gọi là *Luật Hồng Đức*, bộ luật gồm 13 chương, 722 điều, trong đó quy định về nhiều lĩnh vực khác nhau: hình sự, dân sự, hôn nhân, gia đình,...

+ Bộ luật có nhiều điều khoản bảo vệ quyền lợi vua chúa, quý tộc, quan lại. Ví dụ: quy định về tội "thập ác", về việc xử phạt các hành vi làm hư hại đồ dùng của vua và hoàng tộc,.

+ *Luật Hồng Đức* cũng thể hiện tính tiến bộ, nhân văn, đề cao giá trị đạo đức của con người,.

GV có thể đặt câu hỏi cho HS: *Khai thác Tư liệu 4, hãy cho biết một số điểm tiến bộ của bộ Quốc triều hình luật.*

GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu để trả lời câu hỏi, theo đó, HS cần chỉ ra được các cụm từ lột tả được nội dung nhân văn, tiến bộ trong đoạn tư liệu như: con gái được chia tài sản như con trai, được quyền thừa kê' hương hoả, khi phân chia tài sản do vợ chồng tạo dựng được thì chia đôi,...

Yêu cầu cần đạt 'g *ỉậthình luật*, cũng như nhận thức được điểm ác, phân tích một đoạn tư liệu để rút ra nội d

• *Hoàng Việt luậ*

Để giúp HS biết Vz'ệt *luật lệ*, GV có thể đặt câu hỏi: *Em hãy nêu những nội dung cơ bản của bộ Hoàng Việt luật lệ.*

- GV yêu cầu HS đọc nọi X y: đọc kĩ thông tin trong tư liệu 5, 6 để trả lời câu hỏi. Trưở^ ■ ʳoĩ¹ĨC : lờ¹' có'•> hướng cho HS cách khai thác nội dung để trả lời câu hỏi Ị n . ỉa I h : . ếtcủabản thân và khai thác thông tin trong sách, HS ph.' ' ■ *V*

GV chốt lại các ý chính để HS nắm được:

+ *Hoàng Việt luật lệ,* còn gọi là *Luật Gia Long,* được biên soạn dưới triều Nguyễn, gồm 398 điều, phân làm 22 quyển.

+ Đây là bộ luật điều chỉnh hầu hết mối quan hệ xã hội, trong đó tập trung bảo vệ chế độ quân chủ, quyền lợi, địa vị giai cấp thống trị.

+ Bên cạnh đó, bộ luật này cũng có nhiều điểm tiến bộ như bảo vệ người già, trẻ em,.

+ Để củng cố kiến thức, xâu chuỗi lại nội dung đã được học trong mục a, b, GV nêu câu hỏi: *Em tãy cto biết điểm ctung của tai bộ Quốc triều tìnt luật và Hoàng Việt luật lệ.*

Để trả lời được câu hỏi này, GV hướng dẫn HS tập trung khai thác một số yếu tố cơ bản như: về nội dung (đều có nhiều điều luật bảo vệ chế độ, giai cấp thống trị, bên cạnh đó vẫn có những điều khoản tiến bộ, bảo vệ những người yếu thế trong xã hội như người già, phụ nữ, người tàn tật,.); về cơ sở xây dựng bộ luật (đều tham khảo các bộ luật của Trung Hoa đương thời và có điều chỉnh cho phù hợp với phong tục, tập quán người Việt); về kĩ thuật lập pháp (đều có những điểm tiến độ, thể hiện trong cấu trúc các bộ luật).

Yêu cầu cần đạt: HS nêu và phân tích được những nội dung chính của hai bộ luật *Quốc triều hình luật* và *Hoàng Việt luật lệ*.

11. Nhà nước Việt Nam từ năm 1945 đến nay

Hoạt động 3. Tìm hiểu về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 - 1976)

a) Năng lực cần hình thành

Thông qua việc hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục I, GV giúp HS phát triển năng lực tìm hiểu, khám phá, nhận thức lịch sử; năng lực phân tích, đánh giá sự kiện, quá trình lịch sử và kết nối quá khứ với hiện tại (như đã phân tích ở phần mục tiêu).

b) Nội dung chính

- Bối cảnh lịch sử dẫn đến sự ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (năm 1945).
- Ý nghĩa lịch sử của việc ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (năm 1945).
- Đặc điểm, tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- Vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong việc quản lí, điều hành đất nước trong giai đoạn p [illegible]

c) Giới thiệu về tư rì th

- *Tư liệu 7*. Đây lề Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946. Nội du đã khẳng định rõ về đặc điểm của nước Vi< à kiểu nhà nước mới với nhiều ưu việt, luôn ;t Nam, "không phân biệt nòi giống, gái trai, g
- *Tư liệu 8*. Đây là đoẹ. u todn tập, Tập 4. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương xây dựng Nhà nước Việt Nam là Nhà nước của . (: /1 Jg . định: Chính phủ luôn đặt quyền lợi của dân lên hàng T.,,, ,rìc rì _ X_V1 me T... ..ló. 1Ù-, ..<U .1 những việc có hại cho dân.
- *Hình 9*. Chủ tịch Hồ c 1 *tỉ, .* ' tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) ngày 2 - 9 - 1945. G V Can Khd! tnác /a nhan mạnn vào vị trí Chủ tịch Chính phủ lâm thời của Hồ Chủ tịch lúc đó, để thấy vai trò của người đứng đầu trong việc thay mặt Nhà nước tuyên bố nền độc lập của quốc gia (không đi sâu vào thông tin địa điểm đọc hoặc nội dung của *Tuyên ngôn Độc lập*).
- *Hình 10*. Dân công thồ gạo phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ: Nhờ có những biện pháp đúng đắn của Nhà nước trong việc tổ chức cuộc kháng chiến chống Pháp, trong đó có việc huy động sức người, sức của cho kháng chiến, nên quân và dân Việt Nam đã giành được thắng lợi cuối cùng.
- *Hình 11*. Nhà nước thực hiện chia ruộng cho nông dân (1955): Đây là hình ảnh thể hiện niềm vui của người nông dân khi lần đầu tiên được Nhà nước chia ruộng đất trong đợt cải cách ruộng đất sau năm 1954 ở miền Bắc.
- *Hình 12*. Thanh niên Hà Nội lên đường nhập ngũ chi viện cho chiến trường miền Nam (1964): Đây là hình ảnh nhân dân ở Hà Nội tiễn đưa các thanh niên hưởng ứng trào "Ba sẵn sàng" (Sẵn sàng chiến đấu và gia nhập lực lượng vũ trang; Sẵn sàng học tập và lao

động xây dựng cuộc sống mới; Sẵn sàng đi tới nơi nào mà Tổ quốc cần) ở khu Đống Đa lên đường nhập ngũ vào tháng 8 - 1964.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

- *Bối cảnh ra đời*

- Để HS hiểu được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, GV cần đặt câu hỏi để gợi mở cho HS: *Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời trong bối cảnh nào?*

Để giúp HS nắm rõ hơn về bối cảnh, GV cũng có thể phân tích sâu thêm về tình hình nước ta cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX: Đất nước bị thực dân Pháp cai trị, chính quyền nhà Nguyễn vẫn tồn tại nhưng không có thực quyền, dân tộc chìm trong cảnh lầm than, nghèo đói; nhân dân căm phẫn và mong muốn đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp, lật đổ chế độ phong kiến để giành lại quyền tự do, dân chủ. Đó là lí do, bối cảnh dẫn đến cuộc Cách mạng tháng Tám do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Để trả lời câu ’TSđọcvA' 1 mục a (tr. 51, SGK). GV có thể tổ chức hi ní '■HS khai thác Hình 1, đây là sự kiện chính íớc Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- *Ý nghĩa lịch sử*

- GV đặt câu hỏi ũù *có ý nghĩa gì?*

- GV yêu cầu HS , HS trả lời câu hỏi. Ở nội dung này, GV cần nhấn nia,.. z r. ve ý nghĩa của sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hnà

+ Đây là mộttrongnhi ì rh JT r ■: ả < amạngtháng Tám năm 1945.

+ Là bước ngoặt của lịch ---ị'- -V T - n’nn chủ, mở ra chế độ mới - chế độ dân chủ tiến bộ ở Việt Nỉ. 1

• *Đặc điểm và tính chất*

- Trên cơ sở kiến thức từ mục a, GV đặt câu hỏi: *Em hãy mu đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộnghoà.*

- Để trả lời được câu hỏi, GV hướng dẫn HS đọc thông tin và khai thác tư liệu 7, 8 (tr. 52, SGK). GV cần hướng dẫn HS hiểu được: *Nhà nước “Dân chủ Cộng hoà” khác với nhà nước “quân chủ” trước đây ở những điểm nào? Tại sao lại gọi là nhà nước kiểu mới?*

GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu 1, 2 (tr. 52, SGK). Từ những dữ liệu này, các em có thể khái quát được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đó là:

+ Đây là nhà nước do chính nhân dân bầu ra, đại diện cho quyền lợi và ý chí của nhân dân.

+ Quyền quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước thuộc về Quốc hội - cơ quan do nhân dân bầu ra (khác với nhà nước phong kiến do một người - vua, quyết định mọi vấn đề).

+ Đây là nhà nước của giai cấp công - nông, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, chăm lo cho đời sống nhân dân.

- *Vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thời kì 1945 - 1976*

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu, khai thác thông tin, tư liệu để làm rõ vai trò của Nhà nước trong giai đoạn từ khi ra đời đến năm 1976.

- Sự phân chia mốc thời gian giai đoạn này mang tính tương đối, gắn liền với các nhiệm vụ, giai đoạn chính của lịch sử Việt Nam. GV đặt câu hỏi định hướng HS: *Nêu vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong giai đoạn 1945 - 1976.*

Để giúp HS nhận thức vấn đề đã nêu, GV có nhiều cách thức khác nhau để giải quyết.

- Phương án thứ nhất, GV có thể hướng dẫn HS đọc nội dung, khai thác kênh hình lần lượt theo tiến trình thời gian: Vai trò Nhà nước giai đoạn 1945 - 1946, giai đoạn 1946 - 1954 và giai đoạn 1954 - 1976. Kết thúc mỗi giai đoạn, trên cơ sở ý kiến phát biểu của HS, GV cần chốt các nội dung trọng tâm các em cần nắm được.

- Phương án thứ ,1",i r;v thể tổ chức hoạt dôn'> +' '-hia lớp làm ba nhóm tương ứng với ba giai (

Nhóm 1: GV hướ t đoạn 1945 - 1946.

Nhóm 2: GV hướ li đoạn 1946 - 1954. GV hướng dẫn HS kh& 1 sử nước ta phải tiến hành cuộc kháng chiến .ênh hình, GV hướng dẫn các em hiểu được m Kháng chiến, thực hiện nhiều chính sách chăm lo n.

Nhóm 3: GV hướng dẫn HS tìm hiểu vai trò Nhà nước giai đoạn 1954 - 1976. Tương tự nhóm 1, 2, GV hướng dẫn I li tl < 1 . c ; t 12 (tr. 52 - 53, SGK). Đây là giai đoạn lịch sử cả nước phai t ',1 nanh dr m moi n '1 nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, 1 . *J* h L . t 1; ở miền Nam. Có những giai đoạn, miền Bắc vừa làm nghĩa vụ hậu phương với tiền tuyến miền Nam, vừa trực tiếp kháng chiến chống Mỹ. Qua phần nội dung và kênh hình, GV hướng dẫn các em hiểu được vai trò của Nhà nước trong việc tổ chức kháng chiến, thực hiện nhiều chính sách chăm lo đời sống nhân dân,...

- GV yêu cầu các nhóm thảo luận và ghi kết quả ra giấy, sau đó mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày ý kiến của nhóm mình. Các nhóm còn lại chú ý lắng nghe, sau đó nhận xét, bổ sung thêm (nếu có).

- Trên cơ sở phần trình bày của các nhóm, GV chốt lại các nội dung trọng tâm cần nắm được và nhấn mạnh: Trong 30 năm kể từ khi thành lập, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã lãnh đạo các tầng lớp nhân dân không ngừng đấu tranh, thực hiện các nhiệm vụ cách mạng trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, lần lượt đánh bại các kẻ thù xâm lược, giành độc lập hoàn toàn cho dân tộc năm 1975, mở ra một thời kì mới cho đất nước - thời kì cả nước độc lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Yêu cầu cần đạt: Thông qua khai thác tư liệu, nội dung kênh hình, kênh chữ, HS nêu được các nội dung: bối cảnh ra đời, đặc điểm, tính chất và vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 - 1976).

- Có khả năng tổng hợp, phân tích sự kiện lịch sử và nêu được quan điểm cá nhân về một vấn đề lịch sử.

Hoạt động 4. Tìm hiểu về Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 đến nay

a) Năng lực cần hình thành

- HS phát triển năng lực tìm hiểu, khám phá, nhận thức lịch sử; năng lực phân tích, đánh giá sự kiện, quá trình lịch sử và kết nối quá khứ với hiện tại.

b) Nội dung chính

- Bối cảnh lịch sử dẫn đến sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Vai trò của NJ' xã hội chủ ' ' ■ rong việc quản lí, điều hành đất nước trong na"

c) Giới thiệu về ti

- *Hình 13.* Kì h tên nước thành nước Cộng hoà xã hội chủ r 6 đến ngày 3 - 7 - 1976, tại Hà Nội quyết địnl có việc đổi tên nước ta thành nước Cộng hoà.
- *Hình 14.* Cầu Nhật !<_ , _ , - ^viiờikìđổimới*:* Cây cầu được xây dựng từ năm 2009 đến 11"""" 2015 tổng chiều dài k[k]oảng 8,3 km và là cây cầu thép dây văng dài nhất Việt Né h 1 < 1 >à 1 I h 1 có giá trị lớn về kinh tế mà còn có ý nghĩa vê' chính trị, b
- *Hình 16.* Trao văn kiệi < . „p 1 . X ,r . . nh viên thứ 150 của WTO: Lễ kí diễn ra tại Trụ sở Tổ chức Thương mại thê' giới (WT0) ở GiO-ne-vO (Thuỵ Sĩ), đánh dấu Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức này. Đây là sự kiện rất quan trọng, giúp Việt Nam tiếp cận được với thị trường thê' giới, tăng trưởng kinh tê', thúc đẩy thương mại với các nước trên thế giới.
- *Hình 17.* Lễ kí Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư (EVIPA) giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU): Lễ kí được diễn ra ngày 30 - 6 - 2019 trước sự chứng kiến của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc. Hiệp định được kí kết là mốc son của quá trình bắt đầu đàm phán và hoàn tất các thủ tục sau nhiều năm, mở ra cơ hội hợp tác rộng lớn, toàn diện và phát triển mạnh mẽ hơn của Việt Nam và EU. Sự kiện này tạo thêm một cột mốc mới trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.
- Lưu ý: Khi khai thác hình ảnh, GV cần hướng dẫn HS tập trung khai thác các thông tin theo hướng làm rõ được vai trò của Nhà nước, không đi sa đà vào việc mô tả sự kiện mà bức ảnh phản ánh.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

• *Bối cảnh ra đời*

GV nhắc lại phần kiến thức đã học ở mục 1 để dẫn dắt vào bài, sau đó đặt câu hỏi định hướng HS tìm hiểu bài: *Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời trong bối cảnh nào?*

• *GV* hướng dẫn HS khai thác thông tin tr. 53 - 54, SGK để trả lời câu hỏi. HS cần lưu ý về tình hình đất nước ta sau thống nhất năm 1975 đặt ra những bất cập, thách thức mới cần giải quyết: đất nước sau giải phóng chưa có một chính thể thống nhất,...

• GV hướng dẫn HS khai thác Hình 13, kết hợp đọc thông tin, các em cần nắm được: Đây là một sự kiện chính trị quan trọng, quyết định nhiều vấn đề hệ trọng của đất nước, trong đó có việc đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

• *Ý nghĩa*

GV đặt câu hỏi định hướng HS nội dung tiếp theo: *Theo em, việc đổi tên nước thành Cộng hoà xã hội chủ ^hĩa gì?*

Với câu hỏi này, G s *ỏ* :âu hỏi. Ngoài ra, HS cũng có thể tư duy, ph là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nai

• *Vai trò của Nhà nước Cộnghoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

• Đây là nội dung c ạc mục a, b (tr. 53 - 54, SGK), GV nêu vấn đê' đt *Hby cho biết vai trò của Nhà nước Cộnghoà xã hội chu hộ. n hộiịn hộIn đổi môi và hội nhập quốc tế của Việt Nam từ năm 1976 ”*

- Để giúp HS hiểu đư< '■ rè ! hề *h* ’ tì '1 - ình hội nhập đổi mới đất nước, GV hướng dẫn HS tin ’ ■■ ê' ′ [1] •’ tự " '■ thông qua đó rút ra được những vai trò chính của Nhà nước trong việc điều hành, quản lí đất nước.

GV có thể chia lớp thành ba nhóm tìm hiểu vê' ba nội dung chính: thành tựu trong lĩnh vực nông nghiệp, trong công nghiệp và dịch vụ, trong hội nhập quốc tế.

+ Đối với nhóm tìm hiểu lĩnh vực nông nghiệp, GV định hướng các em nắm bắt được một số chính sách của Nhà nước về nông nghiệp; biết được một số thành tựu nổi bật của Việt Nam về xuất khẩu lúa gạo. GV khuyến khích HS tìm hiểu thêm các thành tựu khác, nhất là các thành tựu của địa phương để bổ sung cho câu trả lời.

+ Đối với nhóm tìm hiểu về lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, GV hướng dẫn HS tìm hiểu, nắm bắt được những bộ luật quan trọng đã được ban hành như: *Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam* (1987), *Luật Doanh nghiệp tư nhân (1990), Luật Công ti* (1990),. GV hướng dẫn HS khai thác Hình 14 (tr. 55, SGK) để thấy được đây là một trong nhiều hình ảnh tiêu biểu cho sự phát triển của đất nước hiện nay. Ngoài ra, các em hoàn toàn có thể dẫn chứng thêm tên của nhiều công trình quan trọng khác của Việt Nam hoặc ở địa phương của các em làm dẫn chứng.

+ Đối với nhóm tìm hiểu về hội nhập quốc tế, GV hướng dẫn HS tìm hiểu về những thành tựu tiêu biểu trong hội nhập quốc tế của đất nước từ khi thực hiện công cuộc đổi mới. GV hướng dẫn HS khai thác nội dung trong sơ đồ Hình 15 cùng các hình 16, 17 (tr. 55, SGK) để làm nổi bật những thành tựu của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. HS cần hiểu được: thông qua việc tham gia các tổ chức khu vực và quốc tế, vị thế và tiếng nói của Việt Nam sẽ ngày càng được khẳng định và nâng cao.

- Để giúp HS nắm chắc kiến thức, sau khi các nhóm cử đại diện lên bảng trình bày kết quả, các nhóm khác có thể nhận xét nội dung, bổ sung ý kiến (nếu có), GV tổng kết.

Yêu cầu cần đạt: HS tích cực tham gia các hoạt động học tập, trao đổi, thảo luận nhóm. Biết nêu và phân tích nội dung, hình ảnh để rút ra kiến thức cần đạt về bối cảnh ra đời, ý nghĩa và vai trò của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

III. Một số bản hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay

Hoạt động 5. Tìm hiểu về vột số điểm chunN của các bản hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay

a) Năng lực cần

Nêu được một s ỉ’ t năm 1946 đến nay về bối cảnh ra đời của c íng lực tìm hiểu, khám phá, nhận thức lịch í

b) Nội dung chín

- Một số điểm ch 1, vê' một số điểm chính.
- Một số điểm chii. .11 1946 (nội dung chính, ý nghĩa), Hiến pháp thời kì đổi mới (điểm mới, tiến bộ).

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cân khai thác

Tư liệu 9. Đoạn tư liệ I..U. ^...1 u ₍lu.., Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013. Nội du h h. , là văn bản có tính pháp lí cao nhất. Dó đó, các vản bản khác rmu: Luạt, $1N_OHỊ$ dịnn,... CICU phải phù hợp và không trái với Hiến pháp.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

- Trước khi vào nội dung chính của bài học, GV có thể giới thiệu cho HS một cách khái quát về hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam từ năm 1946 đến nay, gồm nhiều văn bản, thuộc thẩm quyền ban hành của nhiều cơ quan, cụ thể như sau:

+ Hiến pháp (do Quốc hội thông qua, Chủ tịch nước kí Lệnh công bố).

+ Luật (do Quốc hội thông qua, Chủ tịch nước kí Lệnh công bố) và Pháp lệnh (do Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ban hành).

+ Nghị định (do Chính phủ ban hành) và Quyết định (của Thủ tướng Chính phủ).

+ Thông tư (do Bộ trưởng ban hành).

+ Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân các cấp và Quyết định của Uỷ ban Nhân dân các cấp.

Những thông tin trên sẽ giúp HS có cái nhìn tổng thể về hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam.

- Tiếp đó, GV giới thiệu hoặc gợi mở để HS biết, từ năm 1946 đến nay, Nhà nước Việt Nam đã ban hành 5 bản hiến pháp, gồm: Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013.

- Để HS biết và hiểu một số điểm chung của các bản hiến pháp ở Việt Nam, GV nêu câu hỏi: *Hãy nêu điểm chung về bối cảnh ra đời các bản hiến pháp của nước ta. Lấy ví dụ minh hoạ*.

• GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong sơ đồ Hình 18 để trả lời câu hỏi. Sau khi HS trả lời, GV chốt ý và nhấn mạnh điểm quan trọng, chung nhất của các bản hiến pháp nước ta về bối cảnh ra đời là: đều được ban hành khi Nhà nước mới được thành lập hoặc có những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá.

Ví dụ:

• Hiến pháp năm 1946 được ban hành khi nước ta vừa giành được nền độc lập, lật đổ chế độ thực dân, phong kiến. Vì thế, cần có một văn bản pháp luật có giá trị cao để ghi nhận, quy định những chủ trương, chính sách lớn của Nhà nước và các vấn đê' quan trọng khác.

• Hiến pháp năm[w]ĩêtNam vừat-^’ ’ ùng hoảng và bắt đầu công cuộc đổi mới đất

• Hiến pháp năm ’ cuộc đổi mới và cần có những chính sách q hội nhập khu vực và quốc tế.

+ Tiếp đó, GV đặt >m chung quan trọng khác trong nội dung củ. ,ác bản hiến pháp: *Hãy nêu và phân tích một sô' cm . rt.*

GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong Hình 18 và Tư liệu 9 (tr. 56, SGK) để trả lời câu hỏi. GV cần giải thíc' . ■’S’"' . ộ ″ *c*■ v' ' ’ ‘khónhư: chế độ chính trị; quyền con người và quyền ₒ c,,in,... _a,, k__ì tr_. L_, _ V mói một số nội dung quan trọng cần ghi nhớ:

• Các bản hiến pháp đều la ãạO Iiiặi gov, Cu so, Hull UŨ1& pháp lí cho toàn bộ hệ thống pháp luật của Nhà nước Việt Nam. GV có thể giải thích từ “Đạo luật gốc” theo nghĩa: Đây là văn bản pháp luật cao nhất, quy định những vấn đề quan trọng của đất nước, vì thế, các văn bản pháp luật khác chỉ quy định cụ thể hơn, nhưng không được trái với những nguyên tắc và quy định của Hiến pháp.

• Hiến pháp quy định các vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của đất nước như: chế độ chính trị, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước,...

• Để nâng cao kiến thức cho HS, GV có thể gợi ý để các em đọc và trích dẫn một số quy định trong các bản hiến pháp và lấy tư liệu để chứng minh rằng, những quy định đó đã làm nền tảng, tạo ra sự thay đổi, phát triển rõ rệt trong lĩnh vực chính trị, kinh tế hoặc văn hoá, xã hội và quan hệ quốc tế của Việt Nam trong thời gian qua.

Yêu cầu cần đạt: HS biết và nêu được những điểm chung của các bản hiến pháp: về bối cảnh ra đời, về một số điểm chính của các bản hiến pháp, lấy được một số ví dụ minh hoạ.

Hoạt động 6. Tìm hiểu Hiến pháp năm 1946 - bản hiến pháp đầu tiên của Việt Nam

a) Năng lực cần hình thành

Thông qua việc hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục 2, GV giúp HS phát triển năng lực tìm hiểu, khám phá, nhận thức lịch sử; năng lực phân tích, đánh giá một văn bản pháp luật cụ thể trong lịch sử và kết nối quá khứ với hiện tại.

b) Nội dung chính

- Một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946.
- Ý nghĩa lịch sử của Hiến pháp năm 1946.

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

- *Hình 19.* Trang bìa bản Hiến pháp năm 1946.
- *Tư liệu 10.* Đoạn tư liệu là một phần trong Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1946. Nội dung đoạn tư liệu khẳng định một trong những nội dung quan trọng của Hiến pháp này là sự ghi nhận thành quả vĩ đại của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập trong Cách mạng tháng Tá
- *Tư liệu 11*. Đc ro *n cghg hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm* ẫn quy định trong bản Hiến pháp năm 1946 ẳng trước pháp luật và nhiều quyền cơ bản 1 tong,...

d) Gợi ý tổ chức ti

- GV nêu câu hỏi u. *dimg chhíh của Hiến pháp năm 1946.*

GV hướng dẫnHSkl tl .1 - ư 9 và các tư liệu 10, 11 (tr. 57, SGK) để trả lời câu hỏi. R„„z _L kl K cm vi d,, .Ix-xk. noạ các nội dung trả lời của mình. Đây là nội dung khó, < , h h I in cho HS có dữ kiện tìm hiểu và trả lời câu hỏi.

+ *Lời nói đâu-,* ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám trong việc "*giành lại chủ quyền cho đất nước, tự do cho nhấn dấn vù lậồ m* nên dổn chủ cộnghoù"; đồng thời xác định mục tiêu phấn đấu tiếp theo "*bảo đảm lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ*".

+ *Chương I* (từ Điều 1 đến Điều 3) quy định về chính thể, theo đó Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà, thống nhất, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài *Tiến quân ca,* Thủ đô đặt ở Hà Nội.

+ *Chương II* (từ Điều 4 đến Điều 21) quy định về quyền và nghĩa vụ công dân, ghi nhận quyền bình đẳng giữa nam và nữ; bình đẳng trước pháp luật; quyền được tham gia chính quyền và công việc kiến quốc tuỳ theo tài đức; quyền tự do ngôn luận, hội họp, cư trú, đi lại, tín ngưỡng; quyền bầu cử, bãi miễn, phúc quyết; quyền đảm bảo thân thể, nhà ở, thư tín,...; nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, tuân theo hiến pháp và pháp luật.

+ Từ *Chương III* đến *Chương VI*, quy định về tổ chức bộ máy nhà nước; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan như: Nghị viện (Quốc hội), Chính phủ, Toà án nhân dân, Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp.

+ *Chương VII*, quy định về việc sửa đổi Hiến pháp: Hiến pháp chỉ được sửa đổi khi có không dưới 2/3 tổng số đại biểu của Nghị viện yêu cầu.

- HS khai thác thông tin trong SGK kết hợp các tư liệu GV cung cấp thêm để trả lời câu hỏi. Về cơ bản, các em cần nắm được bốn nội dung chính của Hiến pháp năm 1946 là: Ghi nhận thành quả vĩ đại của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do; Quy định chính thể của Việt Nam là một nước Dân chủ Cộng hoà; Quy định các quyền và nghĩa vụ của công dân; Quy định về tổ chức bộ máy nhà nước.

- Trên cơ sở nội dung đã được học về Hiến pháp năm 1946, GV đặt câu hỏi: *Nêu và phân tích ý nghĩa củaHiến pápp năm 1946.*

GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong sách để trả lời câu hỏi. GV giải thích để các em hiểu được đây là bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và cũng là bản hiến pháp dân chủ KA "Mt lúc bấy giờ ở DAi^" — *á* • Uiêh pháp ra đời khẳng định chủ quyền, toàn 3ỉc ta- vĩ đại của nhân dân trong cuộc đấu tranh g é oạt động của bộ máy Nhà nước Việt Nam E

Yêu cầu cần dụt.-] háp đầu tiên ở nước ta - Hiến pháp năm lí bản hiến pháp này.

Hoạt động 7. Tìm i

a) Năng lực cân hình ti,-

Thông qua việc hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục 3, GV giúp HS phát triển năng lực tìm hiểu, khám phá, nhí > Ệ I ụ J The I pháp của thời kì đổi mới);
năng lực phân tích, đánh gia vvc n-d uniig, y nThia của ban niến pháp năm 1992, 2013)
và năng lực kết nối quá khứ X 1 k* ' c quy định của hai bản hiến
pháp với sự đổi thay của đất nước trong thời kì đổi mới).

b) Nội dung chính

- Một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1992.
- Những điểm mới của Hiến pháp năm 2013.

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

- *Tư liệu 12.* Đoạn tư liệu được trích dẫn trong cuốn *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992*. Nội dung tư liệu trích dẫn là Điều 52 quy định trong bản Hiến pháp năm 1992, trong đó khẳng định: phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, có sự quản lí của Nhà nước, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức đa dạng...

- *Hình 21.* Chủ tịch Hội đồng nhà nước Võ Chí Công kí sắc lệnh công bố Hiến pháp năm 1992.

- *Hình 22.* Trang bìa bản Hiến pháp năm 2013.

- *Hình 23.* Sơ đồ thể hiện những điểm mới về tổ chức Nhà nước của Hiến pháp năm 2013.

- *Hình 24. Sơ* đồ thể hiện sự tiến bộ về tư tưởng dân chủ trong Hiến pháp năm 2013.

- *Hình 25.* Sơ đồ thể hiện sự tiến bộ về kĩ thuật lập hiến trong Hiến pháp năm 2013.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

• *Hiến pháp năm 1992*

• Để định hướng HS tìm hiểu nội dung, GV nêu câu hỏi: Em hãy nêu nội dung chính của Hiến pháp năm 1992.

• GV hướng dẫn HS khai thác thông tin Hình 21 và Tư liệu 12 (tr. 58, SGK) để có dữ liệu trả lời câu hỏi. Ngoài nội dung chính, HS có thể nêu thêm về ý nghĩa của sự ra đời bản hiến pháp này.

• *Hiến pháp năm 2013 - hiến pháp thứ hai của thời kì đổi mới*

GV nêu câu hỏi định hướng HS tìm hiểu: Hãy nêu và phân tích những điểm mới của bản Hiến pháp năm 2013. GV có thể chia lớp thành 3 nhóm để tìm hiểu về các điểm mới của bản hiến pháp này.

Nhóm 1: tìm hiểu vê' điểm mới trong tổ chức nhà nước.

Nhóm 2: tìm hiểu vê' điểm mới trong tư tưởng dân chủ.

Nhóm 3: tìm hu 'ũ ử

GV hướng dẫn 1 4, 25 (tr. 59 - 60, SGK) để trả lời câu hỏi. G\ 1 minh hoạ cho câu trả lời của nhóm.

Sau khi các nhón ó thể nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Yêu cầu cần đạt-. HS *. *n* bản Hiến pháp năm 1992, những điểm mới của Hiến pháp năm 2013.

C. LUYỆN TẬP

Câu 1. So sánh điểm i ■*- 1'5' ' g'"'' *n* 5 hình nhà nước quân chủ ở Việt Nam thời Lý-Trần, Lê *t* . H 1

Câu 2. Em hãy chỉ ra sự khác nhau về đặc điểm, tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà so với các nhà nước quân chủ ở nước ta. Theo em, sự khác nhau đó nói lên điều gì?

Câu 3. Lập bảng so sánh các bản Hiến pháp năm 1946, 1992 và 2013 theo gợi ý sau:

Hiến pháp	1946	1992	2013
Bối cảnh ra đời	?	?	?
Nội dung cơ bản	?	?	?
Ý nghĩa	?	?	?

a) Năng lực cần hình thành

Các câu hỏi trên giúp HS rèn luyện, củng cố kiến thức được học, qua đó góp phần nâng cao năng lực tìm hiểu, khám phá, nhận thức lịch sử, kết nối lịch sử với hiện tại.

b) Gợi ý tổ chức thực hiện

Câu 1. Để trả lời câu hỏi này, GV hướng dẫn HS xâu chuỗi lại nội dung kiến thức đã học về ba mô hình nhà nước Lý - Trần, Lê sơ và thời Nguyễn. GV có thể hướng HS lập bảng so sánh.

Đặc điểm		**Mô hình nhà nước Lý - Trần**	**Mô hình nhà nước Lê sơ**	**Mô hình nhà nước thời Nguyễn**
Giống nhau	?			
Khác nhau	Tính chất đặc trưng	?	?	?
	Tổ chức bộ máy nhà nước	?	?	?

Câu 2. GV hướn " là' 10 đổi, thảo luận và trình bày ý kiến thông , đưa hình ảnh minh hoạ sự khác nhau vê' b hoà so với nhà nước phong kiến qua ba vấn

+ Về tên gọi: Nhà ân của đất nước, nhà nước đại diện cho toàn nước quân chủ (vua là chủ, là người đứng đầu, nắin.

+ Về cách thức tạo lập: Nhà nước Dân chủ Cộng hoà (dn nhân dân bầu ra thông qua bầu cử) khác với nhà nước quân chủ (cha truyền, con nối).

+ Về quyền lực: Nhà nườ<~ 0“ I ch" *C'ĩ\r* hoà tqr O"vê't định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước thuộc ì . ố . u dân bầu chọn) khác với nhà nước quân chủ (thuộc vê' một người là vua hoặc hoàng đế).

- Sự khác nhau trên chứng tỏ Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là Nhà nước kiểu mới, tiến bộ. Đó thực sự là nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Câu 3. GV hướng dẫn HS tìm đọc bản toàn văn các Hiến pháp năm 1946, 1992, 2013 và các
bài viết về ba bản hiến pháp, trao đổi, thảo luận theo nhóm và trình bày ý kiến của cá nhân hoặc
của nhóm thông qua việc kẻ bảng để so sánh bố cục, nội dung và ý nghĩa của ba bản hiến pháp, sau đó thuyết trình, trích dẫn các quy định trong từng bản hiến pháp để minh hoạ.

Ngoài ra, GV cũng có thể gợi mở và khích lệ để HS có thể tìm hiểu, so sánh để tìm ra những điểm chung, cũng như những thay đổi của cả 5 bản hiến pháp và giải thích sự thay đổi đó.

Yêu cầu cần đạt: HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện các yêu cầu/ bài tập mới mà GV đặt ra; biết so sánh sự giống và khác nhau giữa các bản hiến pháp theo

nội dung gợi ý.

D. VẬN DỤNG

Câu 1. Có quan điểm cho rằng: bộ *Quốc triều hình luật* và *Hoàng Việt luật lệ* có nhiều điểm tiến bộ, nên được tham khảo và áp dụng trong việc quản lí xã hội ngày nay. Em có đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao?

Câu 2. Từ năm 2013, ngày 9 - 11 hằng năm được lấy là "Ngày Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Hãy đưa ra một số ý kiến của em để góp phần nâng cao tinh thần, ý thức tuân thủ hiến pháp và pháp luật cho mọi người.

a) Năng lực cần hình thành

Qua việc hoàn thành hai yêu cầu trên, HS được rèn luyện để phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, liên hệ và nâng cao nhận thức của bản thân và khả năng tìm kiếm, tiếp cận, xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử suốt đời.

b) Gợi ý tổ chức thực hiện

GV giao cho HS thực hiện hoạt động này ngoài giờ học trên lớp và thảo luận nhóm.

Câu 1. Để trả lờ cho HS SU'[7] ' :rên cơ sở đã cung cấp và hướng dẫn HS tin tin! Lt ở phần hoạt động 2), sau đó định hướng c L áp dụng các quy định tiến bộ đó. GV cũng ịnh của pháp luật hiện hành trong các bộ lu. ành và đang áp dụng ở Việt Nam để thấy nh y đã và đang được tiếp tục quy định và áp dụ.

Yêu cầu cần đạt: T1V X bộ luật, HS có thể đưa ra quan điểm, ý kiến cá nhân của minn. ivroi nd co rne uua ra một quan điểm, cách lập luận và những dẫn chứng khác nhau để lí giải cho sự lựa chọn của mình.

Câu 2. Để giúp HS tr : a 1 '1 í ■ di I - m đọc và hiểu được ý nghĩa và lí do của việc từ năm 201 ~ e -- - ,- - - *á* ty là ngày Pháp luật Việt Nam (đây là ngày bản Hiến pháp 1 .u .X 1. *à* .u _ lệ. 1 - ê'n pháp 1946 được thông qua năm 1946). Đây là sự kiện nhằm tôn vinh hiến pháp, pháp luật, qua đó giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật cho mọi người trong xã hội.

- GV đặt câu hỏi cho HS: *Ngày Pháp luật miệt Cộng hoệ xã hội. cVủ Việt Nam được tổ chức nhưhế nào?*

GV cung cấp thêm thông tin và gợi ý trả lời: tại Nghị định 28/2013/NĐ-CP, Chính phủ quy định ngày Pháp luật có thể được tổ chức dưới các hình thức như: mít tinh; hội thảo; toạ đàm; thi tìm hiểu pháp luật; tuyên truyền, phổ biến pháp luật lưu động, triển lãm và các hình thức khác theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Các cơ quan, địa phương, trường học và cá nhân (trong đó có HS) có thể hưởng ứng ngày Pháp luật Việt Nam qua việc vận động nhân dân và người thân, bạn bè nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tuyên truyền, phổ biến các quy định của Hiến pháp, pháp luật có liên quan và thiết thực với đời sống của nhân dân,... Ngoài ra, bản thân HS cũng cần nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật trong mọi hoạt động như: không gian lận trong thi cử; tham gia giao thông đúng quy định; thực hiện nghĩa vụ quân sự nếu đủ điều kiện,.

Yêu cầu cần đạt: HS biết vận dụng kiến thức bài học vào thực tiễn, liên hệ và rút ra bài học cho bản thân.

V TƯ LIỆU - THÔNG TIN BỔ SUNG

Về một số cơ quan và chức quan trong bộ máy nhà nước thời phong kiến ở Việt Nam

Lục bộ: là sáu cơ quan quan trọng trong bộ máy nhà nước thời quân chủ, được lập ra để giúp nhà vua quản lí các lĩnh vực quan trọng, gồm: *Bộ Lại* (phụ trách việc tuyển dụng, bổ nhiệm, bãi miễn quan lại); *Bộ Lễ* (phụ trách các nghi thức, lễ nghi trong triều và nghi thức ngoại giao); *Bộ Binh* (phụ trách quân đội); *Bộ Hình* (phụ trách các việc về pháp luật); *Bộ Hộ* (phụ trách việc quản lí đất đai, cư dân); *Bộ Công* (phụ trách việc xây dựng cung điện, thành hào, cầu cống, đường sá,...). Số lượng và chức trách của các Bộ qua các thời có sự thay đổi cho phù hợp (ví dụ, có triều đại còn lập thêm Bộ Học để phụ trách vê' giáo dục, thi cử). GV có thể tham khảo thêm thông tin vê' các bộ qua tư liệu lịch sử và qua internet và gợi ý để HS so sánh chức trách của 'hủ với các[1] ’ơng tự trong bộ máy nhà nước hiện nay (ví ~ôr ộ Nội vụ, Bộ Lễ phụ trách các việc tương tỊ

Lục khoa: là sáu c< im sát hoạt động của các Bộ. Đây là cơ quan Tên của các khoa đặt theo tên của các bộ, gỗ *0 khoa.* và *Công khoa*, mỗi khoa giám sát một L a chỉ được thành lập từ thời Lê sơ. Việc thành lập V. . quan trọng, cho thấy tính tiến bộ và sự hoàn thiện cao của bộ máv nhà nước thời Lê sơ. vì lần đầu tiên, các cơ quan trong bộ máy nhà nước đã < Ị ai 1 1. u . ti 1 ạng lạm quyền, độc quyền của các bộ).

Lục tự: đây cũng là sáu co . u f *r* và các bộ trực tiếp thực thi một số công việc cụ thể trong hoạt động của uiểu đình. Lục tự gồm: Đụz *lí tự* (là cơ quan có nhiệm vụ xét lại những vụ án nặng đã được Bộ Hình xét xử rồi, hoặc xét lại những vụ án trọng tội có đơn kêu oan để trình lên nhà vua xem xét và quyết định); *Thừ thường tự* (là cơ quan phụ trách việc thi hành những thể thức lễ nghi, trông coi các đền chùa thờ Trời, Đất); *Quang lộc tự* (là cơ quan phụ trách việc cung cấp đồ lễ, đồ ăn trong các bữa tế tự, triều hội, yến tiệc cung đình, yến tiệc ân vinh tiến sĩ); *Thái bộc tự* (phụ trách việc trông coi, nuôi cấp ngựa, giữ gìn những xe ngựa của hoàng tộc); *Hồng lô tự* (phụ trách việc thể thức lễ nghi trong các bữa yến tiệc dành cho sứ đoàn từ các triều hoặc nước khác đến) và *Thượng bảo tự* (phụ trách việc văn phòng giúp vua giữ ấn triện, sao chép những văn bản do vua ban hành hoặc những chương sớ, sổ sách đã được vua phê chuẩn).

Ngoài ra, tuỳ từng triều đại, trong bộ máy nhà nước còn được bổ sung các cơ quan chuyên trách khác như: viện, đài, giám,... Các chức quan quan trọng trong triều đình như: Tam thái, Tam thiếu, Tam tư, Gián nghị đại phu, Thượng thư,...

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồngThành viên NGUYỄN ĐỨCTHÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm ni
Tổng biên tập PHẠM

Biên tập nội dung: Lư'
Thiết kế sách: PHẠM N
Trình bày bìa: PHẠM VIỆ|
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG
Chế bản: CÔNG TYCPDỊCI *I* I ỈL . c /

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng dục dục dục Nhà duất dục Giáo dục Việt Nam.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 10 - SÁCH GIÁO VIÊN
Mã số: G1HGXS002H22

In cuốn (QĐ SLK), khổ 19 x 26,5cm.
In tại Công ty cổ phần in
Số ĐKXB: 520-2022/CXBIPH/73-280/GD
Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 2022.
In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2022.
Mã số ISBN: 978-604-0-31762-9



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 10 - KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Ngữ văn 10, tập một - SGV

Ngữ văn 10, tập hai - SGV

Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 - SGV

Toán 10 - SGV

Chuyên đề học tập Toán 10 -SGV

Lịch sử 10 - SGV

Chuyên đề học tậpLịcb

Địa lí 10 - SGV

Chuyên đề học tập Địa

Giáo dục Kinh tế và Pl

Chuyên đề học tập Gi.

Vật lí 10 - SGV

Chuyên đề học tập VỌI

Hoá học 10 - SGV

Chuyên đề học tập Hoá học 10 -SGV

Sinh học 10 - SGV

Chuyên đề học tập Sinh học 10 -SGV

Công nghệ 10 - Thiết kế và Công nghệ -SGV

19. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 - Thiết kế và Công nghệ - SGV
20. Công nghệ 10 - Công nghệ trồng trọt - SGV
21. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 - Công nghệ trồng trọt - SGV
22. Tin học 10-SGV
23. Chuyên đề học tập Tin học 10 - Tin học ứng dụng - SGV
24. Chuyên đề học tập Tin học 10 - Khoa học máy tính - SGV
25. Mĩ thuật 10-SGV
26. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 10 -SGV
27. Âm nhạclO-SGV
28. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10 -SGV
nghiệp 10 - SGV
uyển-SGV
31. Giáo dục thể chất 10 - Bóng đá - SGV
32. Giáo dục thể chất 10 - cầu lông - SGV
33. Giáo dục thể chất 10 - Bóng rổ - SGV
34. Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 -SGV
35. Tiếng Anh 10 - Global Success - SGV

Các đơn vị đầu mối phát hành

•
•
•

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Giá: J9.fififia

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

Miền Bắc: CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc

MiềnTrung: CTCPĐầutưvàPháttriểnGiáodụcĐàNẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung

Miền Nam: CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam

Cửu Long: CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long